

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP



TIN TỨC PHẬT SỰ



VĂN HỌC PHẬT GIÁO



Mừng Xuân Nhâm Thìn

Số 2

THÁNG 01.2012



CHANH PHÁP

HOÀNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: info@chanhphap.us

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐD. Thích Chúc Thiên**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Phượng Hồng**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ XUÂN**, trang 2
- ◆ **THƯ CHÚC TẾT** (Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ), trang 3
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 5
- ◆ **XUÂN THÈ** (thơ Thăng Hoan), **XUÂN** (thơ Nguyễn Kim), trang 11
- ◆ **NHỮNG TÀNG ĐẠI CỎ THỤ TRONG RỪNG THIÊN TRÚC LÂM PHÁP PHÁI** (Nguyễn Nhơn), trang 12
- ◆ **THÔNG BẠCH XUÂN NHÂM THÌN – 2012** (HĐGP GHPGVNTNHNK), tr. 16
- ◆ **NỤ HOA VÀNG MÙA XUÂN** (thơ Kim Tuấn), trang 17
- ◆ **TỰ KHÚC XUÂN, XUÂN HỒNG ĐÀO** (thơ Diêu Linh), trang 17
- ◆ **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC**, tt. (HT. Thăng Hoan), tr. 18
- ◆ **MÙA XUÂN, TUỔI TRẺ VÀ ĐẠO PHẬT** (Ỗ Thu Am), trang 20
- ◆ **SƠ TÂM** (Nguyễn Siêu), trang 22
- ◆ **10 NHÂN VẬT NÓI TIẾNG THẾ GIỚI THEO ĐẠO PHẬT** (Thủy Ngọc lược dịch), trang 24
- ◆ **10 CELEBRITY BUDDHISTS** (Emily Breder), trang 28
- ◆ **XUÂN BÁT TẬN** (thơ Tịnh Nghiêm – Nghiêm Xuân Cường), trang 29
- ◆ **NỤ CƯỜI ĐẦU NĂM** (Tâm Minh – Vương Thủy Nga), trang 30
- ◆ **ĐÀU XUÂN ĐỌC THƠ THIỀN** (Cư sĩ Nguyễn Giác), trang 32
- ◆ **CÔI HÒN GẦY GUỘC** (thơ Nguyễn thị Minh Thủy), trang 33
- ◆ **TÌNH XUÂN** (thơ Bạch Xuân Phê), tr. 33
- ◆ **HÔM QUA ĐÃ KHÔNG CÒN** (Chân Hiền Tâm), trang 34
- ◆ **ĐI QUA NĂM THÁNG** (thơ Mãn Đường Hồng), trang 36
- ◆ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 1.** Đức Phật (Tâm Minh – Ngô Tăng Giao dịch), trang 38
- ◆ **HƯƠNG XUÂN, VUI XUÂN, XUÂN CẨM,...** (thơ Vĩnh Hào), trang 41
- ◆ **THIỆN TRI THỨC - NGƯỜI ĐƯA TA VƯỢT QUA GIÓ BỤI** (Thích Thái Hòa), trang 42
- ◆ **CHÚNG SANH BÌNH ĐẲNG** (thơ Nhật Thanh - Tuyết Nguyễn), tr. 46
- ◆ **HƯƠNG XUÂN, TA YÊU XUÂN** (thơ Mai Phước Lộc), trang 46
- ◆ **FROM STUDYING THE CONCEPT OF TIME IN BUDDHISM TOWARDS UNDERSTANDING THE MEANING OF LIFE** (Thích Hạnh Tuan), trang 48
- ◆ **THÍCH NGÔI NGẮM GIỮA PHÁP TÒA...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 55
- ◆ **BA CÂY HỮU DỤNG CHO MỌI NHÀ** (Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ), trang 58
- ◆ **THANH ÂM CUỘC LỬ** (thơ Hàn Long Ân), **BÁT HOẠI** (thơ Vũ Tiến Lập), tr. 62
- ◆ **HỘI THẢO VỀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG CÔNG CUỘC HOÀNG PHÁP (VB)**, trang 64
- ◆ **MÙA XUÂN VÀ ĐẤT MẸ** (Thảo Lữ), trang 66
- ◆ **HOÀI, KHÔNG, TỊCH CẢNH, GIÀ CẢNH, HƯ CẢNH** (thơ Phù Du), tr. 67
- ◆ **BƠI THUYỀN TRÊN SÔNG** (Thích Nữ Tịnh Quang), trang 68
- ◆ **MÙA XUÂN TRONG ĐẠO PHẬT** (Lữ Ly), trang 70
- ◆ **XUÂN VỌNG** (thơ Minh Trí - Hồ Văn Quyền), trang 72
- ◆ **LONG HOA TAM HỘI...** (thơ Tâm Tấn), trang 72
- ◆ **MƯA THU, DÂNG HƯƠNG, CÔNG PHU** (thơ Hiền Nguyễn), trang 72
- ◆ **CHÙA NHỎ VEN RỪNG** (Vĩnh Hào), trang 77
- ◆ **ÁNH LỬA VƯỜN ĐÊM** (Lam Khê), trang 81
- ◆ **MÓN CHAY: CHẢ CHỪNG** (Diệu An), trang 85

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Báo Chánh Pháp Số 2, tháng 01 năm 2012, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Lá Thư Xuân

Mùa xuân là mùa đầu của năm, đi trước các mùa khác. Xuân sang, khí trời ấm áp, quang đăng hơn, và muôn vật như bừng dậy sau một giấc ngủ dài của mùa đông lạnh lẽo, băng giá. Vậy, nói đến xuân, là nói đến vẻ xinh tươi, xán lạn, rực rỡ, phong nhiêu... của đất trời, sông biển, núi rừng, cây cỏ, muông thú...; và ở nơi người, là sức sống, là tuổi trẻ, là sự khai mở, vươn dậy của cả thể xác lẫn tâm hồn. Đây là ý xuân của thời tiết và đời sống muôn loài. Trong đó, mùa xuân của con người thường được biểu hiện qua những ngày đầu năm, những ngày Tết, dương lịch hay âm lịch, đông phương hay tây phương. Những ngày đầu xuân là những ngày lễ hội rộn ràng, vui vẻ, nhộn nhịp và sinh động với những cuộc thăm viếng, thú vui, lời chúc tụng và quà tặng.

Mùa xuân ấy vui nhưng không tồn tại lâu dài. Mỗi năm chỉ có vài tháng, sau đó là phiên lượt của mùa khác. Vận hành của thời tiết và vận hành của đời người có chung một tính chất: vô thường. Sinh, trụ, dị, diệt. Ai cũng biết vậy nhưng không ai làm được gì để có một mùa xuân vĩnh cửu.

Đức Phật đã chứng nghiệm một mùa xuân như thế, không phải ở một thế giới nào khác, mà chính ngay nơi trần gian này. Trong hữu hạn tìm ra vô hạn, trong vô thường nhìn ra chân thường. Mùa xuân ấy có sẵn nơi mọi người, mọi loài. Cho nên tất cả kinh điển đều nhằm vào việc khai mở, hướng dẫn mọi loài trở về với tánh Phật sẵn có nơi chính mình; và nói một cách ẩn dụ văn chương thì chúng ta tu học theo Phật là để tìm lại mùa xuân trường cửu. Mùa xuân ấy luôn hiện hữu, nhưng chúng ta không thấy. Chúng ta chạy đuổi theo những cái tạm bợ, nhất thời và hữu hạn mà quên đi nó mà thôi.

Nhưng làm thế nào để có mùa xuân hằng hữu nơi chính mình? Có nhiều phương cách tu tập, không thể nói hết. Chỉ có thể mượn mùa xuân của trần thế mà nghiệm ra bản chất của mùa xuân vĩnh hằng. Hạnh phúc và an lạc của chúng ta đến từ đâu, đến như thế nào trong tiếp xử với chính tự tâm của mình và tương giao với con người, với thế giới? Nó không đến từ những phân biệt, đối đãi, xung đột, chấp tranh, vị ngã. Nó đến từ sự hòa hợp, bất phân, vô vi, vô tránh, vô ngã. Các tranh chấp, bất hòa của con người và muôn loài trên thế giới này đều bắt nguồn từ tham lam, sân hận, si mê. Từ bất hòa tranh chấp mà gây tạo khổ đau cho nhau.

Không chấp vào tự ngã, không tranh chấp vọng động với người, không cô phụ bản tâm thanh tịnh sẵn có của mình, đó là chìa khóa để mở ra cánh cửa của mùa xuân bất diệt. Và điều quan trọng nhất là phải tin rằng mùa xuân thường tại ở ngay

nơi tự tâm mình; có nghĩa rằng chúng ta tin nơi Phật tánh bình đẳng đã hàm hữu nơi vạn loại chúng sanh. Có tin như thế mới có thể trở về. Chúng ta không tìm kiếm Phật tánh, không tìm kiếm mùa xuân bất diệt—vì cái sẵn có và bất diệt thì không mất đâu mà tìm. Chúng ta chỉ “trở về” mà thôi.

Mùa xuân bất diệt ấy biểu hiện tướng và dụng của nó trong đời sống hàng ngày, và trong mùa xuân sinh-diệt của trần thế. Tùy theo duyên mà đến và đi. Nhưng bản chất của mùa xuân, bản chất của muôn sự muôn vật vốn là vắng lặng, như nhiên.

Chư pháp tùng bốn lai

Thường tự tịch diệt tướng

Xuân đáo bách hoa khai

Hoàng oanh đề liễu thượng.

(Các pháp từ xưa nay

Tướng thường tự vắng lặng

Xuân đến trăm hoa khai

Hoàng oanh hót đầu cành)

Mùa xuân trần thế đang đến với chúng ta bằng hình ảnh một con rồng (Nhâm Thìn), khiến người trong nhà Thiền không khỏi nhớ về Long Nữ con gái của Long Vương trong kinh Pháp Hoa, phẩm Đề-bà Đạt-đa (quyển thứ tư, phẩm thứ 12). Long Nữ tám tuổi đã thành Phật là điều vi diệu, hy hữu, khó tin. Nhưng kinh đã diễn thuyết như thế, cho ta thấy 3 điều khác thường: một là, không phải thân người mà là loài rồng; hai là, tuổi nhỏ (tuổi xuân); ba là thân nữ. Ba điều chướng ngại để thành Phật mà Long Nữ đã làm được, chứng tỏ điều Phật dạy không hư dối: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật. Nói theo xuân ý nhà Thiền thì ai cũng có thể có được mùa xuân vĩnh cửu, ai cũng có thể đạt được niềm hạnh phúc an lạc chân thật nếu trở về được bản tâm của mình và tu tập đúng cách.

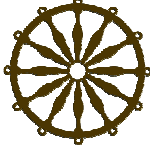
Một mùa xuân an lạc và miên trường, là lời chúc nguyện đầu năm, chân thành gửi đến tất cả.

Thay mặt ban chủ trương, ban biên tập, và tòa soạn Chánh Pháp, tri niệm công đức đóng góp tinh thần, bài vở và tịnh tài của chư tôn đức, văn thi hữu, các phật-tử hộ trì Phật Pháp, các thân chủ quảng cáo, cùng tất cả quý độc giả gần-xa. Sự đóng góp tích cực của chư liệt vị trong các năm qua đã giúp cho nguyệt san Chánh Pháp được vững tiến và cải thiện nhiều hơn từ nội dung đến hình thức. Với công đức ấy, quý vị đã cùng chúng tôi gián tiếp trao tặng một mùa xuân trường cửu đến muôn người, muôn nhà.

Trước thềm xuân mới, ngày 01/01/2012

Chủ nhiệm

Sa môn Thích Nguyên Trí



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A

Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 953-1871

THƯ CHÚC TẾT

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa chư vị giáo phẩm lãnh đạo các tôn giáo bạn,
Kính thưa quý hội đoàn, đoàn thể, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí và đồng hương Việt tại hải ngoại,

Một năm đầy sóng gió và bất an sắp qua đi. Trước thềm năm mới Nhâm Thìn 2012, thay mặt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự thành tựu;
 - Chư vị Giáo Phẩm lãnh đạo các Tôn Giáo bạn thân tâm khang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
 - Quý hội đoàn, đoàn thể, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí Việt ngữ mỗi ngày mỗi thăng tiến để tiếp tục xây dựng và phát triển cộng đồng người Việt tị nạn ngày thêm vững mạnh;
 - Quý đồng hương và chư Phật tử thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự như ý.
- Nam Mô Đương Lai Hạ Sinh Từ Thị Di Lạc Tôn Phật.

Phật lịch 2555, Santa Ana, ngày 28 tháng 12 năm 2011,

Quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK,

Tỳ kheo Thích Tín Nghĩa

(ấn ký)

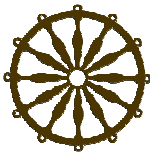
Cung Chúc Tân Xuân



*'Hoa tại trung đình, nhân tại lâu
Phản hương độc tọa tự vong ưu
Chủ nhân dĩ vật hỗn vô cạnh
Hoa hương quần phương xuất nhất đầu'
(Cúc hoa - HUYỀN QUANG)*

花在中庭人在樓。
焚香獨坐自忘憂
主人與物渾無競。
花向群芳出一頭

*"Người ở trên lầu hoa dưới sân
Vô ưu ngồi ngắm khói trầm xông
Hồn nhiên người với hoa vô biệt
Một đóa hoa vừa mới nở tung"
(Hoa cúc- Nguyễn Lang dịch)*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Nhân dịp xuân Nhâm Thìn, thay mặt Chư Tôn Đức Tăng Ni, Phật Tử, Đoàn Thanh Niên Phật Tử Chùa Bát Nhã, Gia Đình Phật Tử Bát Nhã, Lớp Võ Thuật Bát Nhã, Báo Chánh Pháp,

Đại diện chư Tăng, Ni và Phật tử Đạo tràng Chùa Bát Nhã,

Xin kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni, các vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo, quý lãnh đạo các Hội Đoàn, Đoàn thể, quý Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia, các cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí, các cơ sở thương mại và đồng hương:

Một năm mới Nhâm Thìn thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường, sở cầu như nguyện, và thành tâm cảm niệm sự hỗ trợ hết lòng của chư liệt vị đối với Phật sự của Chùa Bát Nhã trong thời gian qua.

Thành tâm kính chúc,
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Cung Chúc Tân Xuân



*Mô hình Chùa Bát Nhã
sắp xây dựng*

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ANH QUỐC: Học sinh trường Redcar trải nghiệm văn hóa Phật giáo Tây Tạng

Đến từ Tu viện Tashi Lhunpo ở nam Ấn Độ, 8 nhà sư đang thực hiện những buổi sinh hoạt kết nối với Phật giáo tại Vương quốc Anh.

Và với học sinh trường Cộng đồng Redcar tại Bắc Yorkshire, Anh quốc, những người sẽ học về Phật giáo vào học kỳ tới, thì đây là thời gian lý tưởng để đưa các hoạt động này đến với trường.

Tất cả học sinh đã được trải nghiệm rõ ràng một nền văn hóa mới qua những điệu múa đầy màu sắc và những buổi giao lưu thuần túy nghệ thuật. Các em đã hoàn toàn im lặng trong khi tham gia các hoạt động khác nhau, bao gồm việc in các lá cờ cầu nguyện đặc biệt, học các cụm từ Tây Tạng đơn giản và xem một điệu múa nhanh.

Giáo viên Giáo dục Tôn giáo Alex Howe của trường Redcar nói: "Học sinh không tiếp xúc với những người từ các tôn giáo khác, trừ khi ta đưa các tôn giáo ấy vào trường. Điều này cho phép các em trực tiếp khám phá mọi điều, hơn là được xem những hình ảnh trong sách".

(gazettelive.co.uk - December 1, 2011)



NEPAL: Tăng ni thảo luận về biến đổi khí hậu

Tại làng Nam Mô Phật cách thủ đô Katmandu khoảng 40 km, hơn 60 tăng ni đã tập trung tại tu viện Thrangu Tashi Yangste (TTY) để tham dự 'Cuộc họp của Tu sĩ về Biến đổi Khí hậu'.

Cuộc họp diễn ra vào tháng 11 này có các đại diện của các tăng viện và ni viện tại Nepal, với mục đích thảo luận về điều họ có thể làm để giảm lượng khí thải carbon và về lý do vì sao họ cần làm như thế.

Cuộc họp là ý tưởng của tổ chức Tiểu Địa cầu Nepal (SEN), một tổ chức phi chính phủ vốn khuyến khích lối sống bền vững và việc bảo tồn.

Do việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch cộng với dòng người đến tham quan thường xuyên, tu viện TTY thường có lượng khí thải carbon cao.

SEN đã hướng dẫn chư tăng của TTY cách nấu ăn bằng than bánh làm từ vật liệu phế thải. Ngoài ra, tu viện đã bắt đầu sử dụng các tấm năng lượng mặt trời để đun nước, thay tách trà bằng cốc đất phân hủy sinh học, tăng cường việc trồng cây và đoạn tuyệt với túi nhựa.

(ISP - December 3, 2011)



'Cuộc họp của Tu sĩ về Biến đổi Khí hậu' tại Nepal - Photo: Sureshna Sarkar

HOA KỲ: Hai phòng triển lãm tranh mới tại Bảo tàng Mỹ thuật Boston

Boston, Massachusetts - Hai phòng triển lãm mới sẽ mở cửa tại Bảo tàng Mỹ thuật Boston (MFA) vào tháng này:

Một phòng mở vào ngày 10-12-2011 sẽ trưng bày luân phiên truyền thống hội họa phong phú của Ấn Độ, Hàn Quốc, vùng Hi Mã Lạp Sơn và Ba Tư.

Phòng thứ hai sẽ triển lãm các tác phẩm điêu khắc từ Ấn Độ và các nước Nam Á lân cận và từ Đông Nam Á.

Hai phòng triển lãm mới này sẽ giới thiệu nhiều nền văn hóa



Hình ảnh sinh hoạt văn hóa Phật giáo của các nhà sư Tây Tạng và học sinh trường Redcar - Photo: Gazette Live

của châu Á để tăng cường cho tính toàn cầu của bộ sưu tập bách khoa MFA.

Điểm nổi bật của triển lãm bao gồm các tác phẩm Phật giáo, Ấn Độ giáo và đạo Jain, trong số đó có đoạn tranh từ thế kỷ thứ 5 về Nan Đà, một đại đệ tử của Đức Phật. Đây là tác phẩm duy nhất còn sót lại từ các hang động ở Ajanta, một Di sản Thế giới UNESCO ở miền trung Ấn Độ.

(Urban Dharma - December 4, 2011)

NHẬT BẢN: Gyoki, nhà sư lỗi lạc trong lịch sử Nhật vào thế kỷ thứ 8

Gyoki là một hòa thượng Nhật Bản sống vào thế kỷ thứ 8. Ông du hành khắp nước Nhật, gây quỹ để xây nhiều đền thờ, và cũng để xây các công trình công cộng như bệnh viện, đê điều và các hệ thống thủy lợi giúp cải thiện đáng kể cuộc sống của người dân.

Cuối cùng, ông trở thành cố vấn tinh thần của Hoàng đế Shomu, và đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo tác pho tượng Đại Phật ở Chùa Todai (Đông Đại Tự) tại thành phố Nara. Đây là một trách nhiệm quốc gia và là sự kiện giúp đất nước đoàn kết trong sự bảo trợ của Phật giáo.

Khi viên tịch vào năm 741, Gyoki là một trong những nhà sư được tôn kính nhất của Nhật Bản và chính hoàng đế đã tôn xưng ông là một vị bồ tát sống.

(Buddhist Art News - December 4, 2011)



Hòa thượng Gyoki - tượng gỗ điêu khắc vào thế kỷ 17 - Photo: artsmia.org

MÔNG CỔ: Vị lãnh đạo tinh thần mới của Mông Cổ

Mông Cổ đã công nhận ngài Jebtsundamba Khuughtus là Cao Vương (Bogd Khan) thứ 9 trong một buổi lễ ở Tu viện Gandantegchilin (tọa lạc tại thủ đô Ulaanbaatar). Là vị lãnh đạo tinh thần của Phật giáo Mông Cổ, Cao Vương thứ 9 tương đương với Đạt lai Lạt ma tại Tây Tạng.

Lễ công nhận vị Cao Vương 79 tuổi này là người đương nhiệm thứ 9 được tiến hành vào tháng trước, với kim ấn cổ truyền và các giấy chứng nhận được trao cho ngài.

Sau 87 năm không có Cao Vương, Mông Cổ đã tái lập địa vị này. Và vị Cao Vương mới phát biểu rằng việc đầu thai của mình sẽ được tìm thấy trong nước.

Các Cao Vương của Mông Cổ có từ thế kỷ thứ 16, khi Cao Vương thứ nhất Zanabazar được Ban thiền Lạt ma và Đạt lai Lạt ma của Tây Tạng vào thời ấy công nhận.

(Zimbio - December 6, 2011)



Cao Vương thứ 9 của Mông Cổ - Photo: Chris Devonshire-Ellis

ĐÀI LOAN: Diễn đàn Phật giáo châu Á 2011

Phiên họp đầu tiên có chủ đề 'Phật pháp và Phật giáo Đại thừa Thời kỳ đầu' của Diễn đàn Phật giáo châu Á 2011 được tổ chức tại tòa nhà Lin Tsen của trường

Đại học Quốc gia Đài Loan vào ngày 9-12-2011.

Các vị chức sắc và học giả Phật giáo châu Á đến từ Ấn Độ, Nhật Bản, Mông Cổ, Việt Nam, Cam Bốt, Hàn quốc, Thái Lan và Đài Loan để tham dự sự kiện này trong 2 ngày.

Diễn đàn Phật giáo châu Á 2011 tập trung vào việc dẫn giải về kinh điển và Phật giáo. Trong quá khứ, các học giả Âu Mỹ đã tổ chức loại diễn đàn này để thảo luận về những khác biệt giữa Phật giáo và Cơ Đốc giáo. Và đây là lần đầu tiên giới học giả châu Á tổ chức diễn đàn để giảng giải thuần túy về kinh điển. Ý kiến của các học giả phương Đông trong diễn đàn này chắc chắn sẽ thu hút giới học giả phương Tây và sự chú ý của mọi người.

(Taiwan News - December 9, 2011)



Hai nhà tổ chức của Diễn đàn Phật giáo châu Á 2011: Tiến sĩ Lo Ching-hua, Viện phó trường Đại học Quốc gia Đài Loan (trái) và ông Pradeep Kumar Rawat, Tổng giám đốc Hội Ấn Độ-Đài Bắc (phải) - Photo: Theresa Huang

CỘNG HÒA KALMYKIA: Quốc gia Phật giáo duy nhất tại châu Âu

Nước Cộng hòa Kalkykia thuộc liên bang Nga là quốc gia duy nhất của châu Âu có quốc giáo là Phật giáo.

Người Kalmys là con cháu của một số bộ lạc Oirat ở Mông Cổ di cư đến châu Âu vào đầu thế kỷ thứ 17. Là tín đồ Phật

giáo Tây Tạng, người Kalmyks xem Đức Đạt lai Lạt ma là vị lãnh đạo tinh thần của họ.

Những người Kalmyks tị nạn chính trị đã lập đền thờ Phật giáo đầu tiên của mình tại Trung Âu, tọa lạc tại thành phố Belgrade của Serbia. Con cháu của họ chuyển đến Hoa Kỳ vào cuối năm 1951 và đầu năm 1952, nơi họ thành lập một số đền thờ Phật giáo tại Hạt Monmouth và một Trung tâm Phật học Tây Tạng tại Washington ở New Jersey.

Lạt ma TỐI cao của người Kalmyks là Erdne Ombadykow, một người Mỹ gốc Kalmyk sinh tại Philadelphia. Ngài chia thời gian của mình để sống tại Colorado và tại nước cộng hòa Kalmykia.

(tjclassic8482 - December 10, 2011)



Chùa Vàng ở thủ đô Elista của Kalmykia - Photo: Wikipedia

HÀN QUỐC: Giới thiệu Thiên Hàn quốc với phương Tây

Một trong những phương tiện hiệu quả nhất của việc toàn cầu hóa hoặc giới thiệu Phật giáo Hàn quốc với phương Tây là thông qua các cuốn sách hay.

Cuốn "Khai Tâm, Kiến Quang" của Thiền sư Jinje, xuất bản bằng tiếng Anh vào tháng 11-2011, là sách được trân trọng giới thiệu với bất cứ ai quan tâm đến việc tìm hiểu nhiều hơn về các chủ đề liên quan đến Phật giáo Hàn quốc và thiền định trong cuộc sống hàng

ngày.

Nội dung của sách, bao gồm những cuộc phỏng vấn và những bài thuyết pháp của Thượng tọa Jinje, là từ chuyến thăm Hoa Kỳ vào tháng 9-2011 của nhà sư 77 tuổi này.

Thượng tọa Jinje là một tu sĩ hàng đầu của Tông phái Phật giáo Hàn quốc Tào Khê và là một trong những thiền sư bậc nhất đương thời. Ông được phái Tào Khê tặng danh hiệu "Tu sĩ nổi tiếng nhất" vào năm 2004.

(The Korea Times - December 10, 2011)



Thượng tọa - Thiền sư Jinje, tác giả cuốn sách về Phật giáo Hàn quốc và thiền định "Khai Tâm, Kiến Quang", được dịch sang tiếng Anh - Photo: Do Je-hae

THÁI LAN: Dọn dẹp và sửa chữa trường Đại học Machachulalongkornrajavidyalaya (MU) sau lũ lụt

Ngày 12-12-2011, chư tăng tại trường MU cất lực dọn dẹp và sửa chữa trường sau lũ lụt. Hơn 2 tháng sau khi lũ đến, trường đại học này vẫn còn bị nước bao quanh. Các nhà sư lau chùi một ngôi tháp, là nơi cất giữ kinh Tam Tạng và sách học. Những tăng sĩ khác rửa các lối đi để chuẩn bị cho khóa Phật học của 1.500 sa di mà trường mở lại

vào tuần sau.

Trưởng lão Sigambhirayrn, phó hiệu trưởng về học tập, nói rằng trường sẽ nhờ vào sự cúng dường và tài trợ của nhà nước để sửa chữa hệ thống điện và phục hồi cảnh quan bị hư hỏng. Ông cho biết nhờ có binh sĩ, cảnh sát và tình nguyện viên đã giúp chuyển hơn 100.000 kinh sách khỏi tầng một của các tòa nhà trong khuôn viên trường trước khi lũ tràn vào, nên chỉ có 5.000 sách bị hư hỏng, nếu không thiệt hại sẽ lớn hơn.

(Bangkok Post - December 12, 2011)

HOA KỲ: Lần đầu tiên tại miền Đông nam Hoa Kỳ: Triển lãm lớn về Mạn Đà La Tây Tạng

Atlanta, Georgia - Từ ngày 21-1 đến 15-4-2012, Viện Bảo tàng Micheal C. Carlos của trường Đại học Emory sẽ trưng bày nghệ thuật thiêng liêng của Tây Tạng trong cuộc triển lãm đặc biệt "Mạn Đà La: Vòng tròn thiêng liêng".

Đây là lần đầu tiên tại miền đông nam Hoa kỳ, hơn 100 kiệt tác sẽ giới thiệu những biểu đồ và chức năng phức tạp, siêu việt và gợi nhiều liên tưởng của đồ hình Mạn Đà La, vốn được dùng như một trợ giúp trong thiền định và như một công cụ để đạt sự giác ngộ.

Cuộc triển lãm và các chương trình giáo dục kèm theo làm nổi bật truyền thống tôn giáo và nghệ thuật phong phú của Phật giáo Tây Tạng và tầm quan trọng về tâm linh của Mạn Đà La.

Khách tham quan sẽ nhận thấy các Mạn Đà La được tạo hình theo những mẫu gồm các vòng tròn đồng tâm, các vòng tròn trong các hình vuông, các hình vuông trong các vòng tròn, hoa sen, ngôi sao 6 cánh, hoặc các hình tam giác đảo ngược, chéo nhau. Ở giữa đĩa trung tâm thường có một vị thần, bao quanh bởi một nhóm thần khác (gồm 4, 6, 8, 10, 12 hoặc nhiều hơn) được bài trí trong một vòng tròn bổ sung.

(The Buddhist Channel - December 14, 2011)



Một đồ hình Mạn Đà La - Photo: The Buddhist Channel

HÀN QUỐC: Thượng tọa Jinje, tân lãnh đạo tinh thần của Tông phái Tào Khê

Ngày 14-12-2011, Thượng tọa Jinje đã được bầu làm lãnh đạo tinh thần Tông phái Tào Khê của Phật giáo Hàn quốc.

Kể nhiệm Thượng tọa Beob-jeon, ông sẽ giữ địa vị lãnh đạo tinh thần thứ 13 trong 5 năm với sự nhất trí công nhận của 23 thành viên cao cấp của phái này.



Thượng tọa Jinje sẽ chính thức nhậm chức sau ngày 25-3-2012, khi nhiệm kỳ của vị tiền nhiệm kết thúc.

Ông sinh năm 1934 tại tỉnh Nam Gyeongsang và trở thành tăng sĩ vào năm 1954.

Được xem là người đứng đầu Tông phái Tào Khê, vị lãnh đạo tinh thần hướng dẫn việc giáo dục của chư tăng, nhưng không tham gia vào các vấn đề hành chính.

Tông phái Tào Khê có lịch sử

hơn 1.200 năm, nhưng được chính thức thành lập vào năm 1962, là Phật phái lớn nhất tại Hàn quốc với 2.501 tự viện và 13.860 tăng sĩ trên khắp đất nước.

(heraldm.com - December 15, 2011)

ÁO QUỐC: Thị trấn Gfoehl sẽ thực hiện cuộc khảo sát công chúng về dự án bảo tháp Phật giáo

Vào ngày 13-12-2011, hội đồng thị trấn Gfoehl ở miền bắc nước Áo đã quyết định thực hiện một cuộc tham vấn công chúng vào tháng 2-2012, để biết họ có ủng hộ việc xây một bảo tháp cao 37 m và có đường kính 25m hay không.

Thị trưởng Karl Simlinger cho biết 21 trong số 23 thành viên hội đồng đã ủng hộ dự án này. Ông nói, "Có vài lá thư thuận và chống, nhưng nói chung thì người dân ủng hộ... Đây là điều sẽ tốt cho ngành du lịch và nền kinh tế tại Gfoehl".

Theo các nhà lập kế hoạch, kế bên bảo tháp ở ngoại ô phía đông thị trấn này sẽ là một tòa nhà rộng 600 m2 với chỗ ở cho tăng ni cũng như các thiền phòng.

Kiến trúc sư trưởng của dự án là Matthias Rainer nói rằng bảo tháp là đứa con tinh thần của Bob Jon Sunim, một tu sĩ Phật giáo Nam Hàn đang sống tại Áo, và cho biết thêm rằng nguồn tài chính vẫn còn đang được thảo luận.

Một nhà lập kế hoạch nói: Bảo tháp Gfoehl sẽ là công trình hòa bình thế giới lớn nhất châu Âu và sẽ thu hút du khách từ khắp các châu lục.

(AFP - December 15, 2011)

HÀN QUỐC: Các tu sĩ Phật giáo thắp sáng cây Giáng sinh

Seoul, Hàn quốc - Vào ngày 16-12-2011, tại cổng chùa Tào Khê, Phật tử và các tăng sĩ đã thắp sáng cây Giáng sinh để mừng mùa lễ.

Nhà sư Hae-gyung nói, "Mặc dù chúng tôi có tôn giáo khác nhau, nhưng đây là một buổi lễ

mà chúng tôi chia sẻ và bày tỏ sự ngưỡng mộ của mình đối với sự đoàn kết của Ngày của Chúa Jesus vì xã hội hài hòa".

Ngoài 3 nhà sư và một linh mục, còn có hàng chục Phật tử và 40 tín hữu Thiên Chúa giáo tham dự buổi lễ. Tín đồ của 2 tôn giáo cùng hát với nhau bài I Wish You a Merry Christmas. Để phát huy sự hòa giải và hòa hợp giữa Thiên Chúa giáo và Phật giáo, Tông phái Tào Khê đã bắt đầu thắp sáng cây Giáng sinh mừng lễ này vào năm ngoái.

(Reuters - December 17, 2011)



Lễ thắp sáng cây Giáng sinh tại chùa Tào Khê (Hàn quốc) - Photo: Reuters

MIỄN ĐIỆN: Chùa chiền Miến Điện ngày nay dưới thời chính quyền dân sự mới

Vào tháng 3-2011 tại Miến Điện, sau gần 5 thập kỷ của chế độ quân sự cứng rắn, quân đội đã trao quyền lực cho một chính phủ dân sự. Việc chuyển giao diễn ra sau một cuộc bầu cử theo hiến pháp mới.

Những hạn chế về truyền thông như internet được nới lỏng, khi tin tức nước ngoài và các trang web đối lập trước đây không thể truy cập thì nay đã được khai thông.

Với khoảng 90% dân số thực hành Phật giáo và số lượng tăng sĩ hơn 500.000 người, đạo Phật được xem là tổ chức tôn giáo và dân sự quan trọng nhất của Miến Điện. Và với chính quyền dân sự mới, chùa chiền Miến Điện được phục hồi sự thanh tịnh, việc tu tập và những nụ cười.

Sự thay đổi này được nhận thấy khi thăm qua một tu viện điển hình: Tu viện Kha Khat Wain Kyaung

(KKWK) ở tỉnh Bago, một trong 3 tu viện lớn nhất của Miến Điện (xem ảnh):

(MSNBC - December 19, 2011)



Một nhà sư đang học trong đại điện của tu viện KKWK vào ngày 13-12-2011 - Photo: Paula Bron-



stein / Getty Images
Các sa di thi kỳ thi hàng năm vào ngày 13-12 tại Bago. Có khoảng 1.400 tăng sĩ từ tỉnh Bago tham gia.- Photo: Paula Bronstein / Getty Images



Chư tăng cùng cầu nguyện tại tu viện KKWK vào ngày 13-12 ở Bago - Photo: Paula Bronstein / Getty Images

TÂY TẠNG: LỄ HỘI ĐÈN BƠ (Ganden Atsok) HÀNG NĂM

Lhasa, Tây Tạng - Đông đảo người hành hương Tây Tạng đã thắp sáng những đèn bơ và cầu nguyện suốt đêm 20-12-2011 (nhằm 25-10 theo lịch Tây Tạng) để đánh dấu lễ hội truyền thống tưởng niệm Tsong Khapa, nhà sáng lập giáo phái Gelugpa - phái Nón vàng - của Phật giáo Tây Tạng.

Đám đông dự lễ tập trung tại Đền thờ Jokhang ở trung tâm thủ phủ Lhasa để lạy và cầu phúc. Hơn 6.000 ngọn đèn bơ được thắp lên, và hàng trăm nhà sư tụng kinh để vinh danh vị cao tăng Tsong Khapa.

Đám đông rời đền Jokhang rất muộn sau kinh lễ, nhưng những ngọn đèn bơ vẫn sáng chiếu suốt đêm trong mỗi gia đình Tây Tạng - một truyền thống được thực hành bởi tất cả Phật tử thuần thành.

(BERNAMA - Dec. 21, 2011)

Đèn bơ được thắp sáng trong đền thờ Jokhang ở Lhasa, Tây Tạng - Photos: Tao Xiyi



NGA: Trường Đại học Nước cộng hòa Tuva vinh danh Đức Đạt lai Lạt ma

Ngày 21-12-2011, sau khi tổ chức 3 ngày giảng dạy và kết nạp tại Dharamshala, Ấn Độ, Học viện Nhà nước Liên bang Nga - trường Đại học Nhà nước Tuva đã trao tặng Đức Đạt lai Lạt ma một học vị Tiến sĩ Danh dự, công nhận sự đóng góp của ngài cho tự do, Nhân Quyền, hòa hợp tôn giáo và bảo vệ môi trường. Học vị Tiến sĩ Danh dự được trao cho Đức Đạt lai Lạt ma bởi Sư trưởng Telo, vị lãnh đạo tinh thần của nước cộng hòa Kalmykia thuộc Nga và một số chức sắc khác nhân danh trường Đại học Nhà nước Tuva.

Đức Đạt lai Lạt ma đã cảm ơn các vị quan chức và lãnh đạo của Bộ Giáo dục và Khoa học liên bang Nga, Học viện Nhà nước Liên bang - trường Đại học Nhà nước Tuva về cuộc đấu tranh của họ cho sự tự do và các giá trị của nhân loại.

(The Buddhist Channel - December 23, 2011)

HOA KỲ: 3 tu viện Phật giáo ở Hudson Valley chào đón du khách vào ngày Tết Dương lịch 2012

3 tu viện Phật giáo ở khu Hudson Valley, bang New York, chào đón du khách vào ngày đầu Năm Mới - Chủ nhật 1-1-2012 - để mừng Năm Mới Tây lịch với một hương vị quốc tế độc đáo.

Đây là 3 tu viện tọa lạc tại 2 làng Walden và Salisbury Mills ở thị trấn Montgomery, bao gồm tu viện Pháp Ấn của Phật giáo Đại Thừa Trung Hoa, tu viện Wonkaksa của Phật giáo Hàn quốc và tu viện Tsechen Kunchab Ling của Phật giáo Tây Tạng. Các tu viện này sẽ cung cấp các loại thực phẩm quốc tế, các tour tham quan cơ sở và một cơ hội trải nghiệm các phong tục Năm Mới theo truyền thống Trung Hoa, Hàn quốc và Tây Tạng. Du khách có thể thắp đèn, cầu nguyện, dự khán hoặc tham gia vào các nghi lễ hướng về sự an lạc của tất cả chúng sinh.

(iloveny.com - December 24, 2011)

TRUNG QUỐC: Xá lợi răng Phật trở về Bắc Kinh sau khi triển lãm tại Miến Điện

Bắc Kinh, Trung quốc - Xá lợi răng của Đức Phật Thích Ca đã kết thúc 48 ngày triển lãm tại Miến Điện và trở về Trung quốc vào ngày 24-12-2011.

Phi cơ chở xá lợi hạ cánh an toàn tại Phi trường Quốc tế Bắc Kinh vào khoảng 17 giờ 30.

Xá lợi chính thức trở về Trung quốc sau khi Bộ trưởng bộ Tôn giáo Miến Điện Thura U Myint Maung ký thỏa thuận bàn giao với Trưởng Cục Quản lý Tôn giáo Trung quốc Wang Zuo'an trong một buổi lễ ngắn gọn được tổ chức tại phi trường.

Xá lợi linh thiêng sau đó được chuyển bằng xe hoa về chùa Linh Quang - nơi lưu giữ xá lợi - ở phía tây Bắc Kinh, và sau đó một nghi lễ tôn giáo được cử hành để đánh dấu sự kiện này.

(DAWA NEWS - December 24, 2011)



Tháp đựng xá lợi Răng Phật được chuyển ra khỏi chiếc chuyên cơ



Xe hoa rước tháp đựng xá lợi chuẩn bị rời phi trường để về chùa Linh Quang, nơi lưu giữ xá lợi— Photos: Li Fangyu

ÚC ĐẠI LỢI: Phòng Triển lãm Quốc gia Victoria (NGV) trưng bày bộ sưu tập nghệ thuật Phật giáo trong cuộc triển lãm mới

Melbourne, Victoria - Vào ngày 17-12-2011, NGV khai mạc cuộc triển lãm 'Trong những bước đi của Đức Phật', trưng bày bộ sưu tập nổi bật về nghệ thuật Phật giáo của nơi này.

Bao gồm hơn 80 tác phẩm, cuộc triển lãm theo dấu con đường mà Phật giáo đã đi qua khắp châu Á, giới thiệu các tác phẩm cổ xưa - có niên đại từ thế kỷ thứ 2 và các thế kỷ sau đó - cùng với tác phẩm đương đại của nghệ sĩ Trung quốc nổi tiếng Kim Hoa Trâm. Tiến sĩ Gerard Vaughan, Giám đốc NGV, nói, "Đầu tiên NGV có được một tác phẩm nghệ thuật Phật giáo Nhật Bản vào năm 1887. Và kể từ đó, bộ sưu tập nghệ thuật Phật giáo đã mở rộng để bao gồm các tác phẩm từ Ấn Độ, Trung



Đức Đạt lai Lạt ma — Photo: YC.Dhardhowa

quốc, Nepal, Tây Tạng và Đông Nam Á".

Triển lãm giới thiệu nhiều hiện vật bao gồm các đồ dùng nghi lễ, tác phẩm điêu khắc, gốm sứ, mặt nạ, bản in và tranh.

Nhiều chương trình hấp dẫn như hội thảo, thiền phòng, trình bày điêu khắc bơ và các phòng sáng tác đã được mở rộng để bổ sung cho cuộc triển lãm thú vị này.

(artdaily.org - December 25, 2011)

ĐÀI LOAN: Học giả Nhật Bản tặng sách cho trường Đại học Tsing Hua

Đài Bắc, Đài Loan - Ngày 26-12-2011, một người Nhật có uy tín lớn về nghiên cứu sự phát triển Phật giáo và Đạo giáo của Trung Hoa cổ đại đã tặng phần lớn bộ sưu tập sách cá nhân của ông cho trường Đại học Quốc gia Tsing Hua ở Hsinchu, Đài Loan.

Ông là Ryoza Nakajima, 69 tuổi, cựu giáo sư về nghiên cứu văn hóa Trung Hoa của trường Đại học Tohoku, Nhật Bản. Ông đã hiện diện tại buổi lễ tặng 5.000 cuốn sách của mình cho thư viện trường Đại học Tsing Hua. Khoảng một nửa số sách này, được sưu tập từ năm 1960 đến 2006, gồm các chủ đề liên quan đến Phật giáo, Đạo giáo và Khổng giáo và các hệ thống đạo đức và triết học của các tôn giáo này. Số sách nói trên, chứa đầy trong 154 thùng, đã được vận chuyển bằng đường thủy từ Nhật sang Đài Loan trong 3 tháng qua. Tại lễ tặng sách, ông Nakajima cũng công bố bản dịch bằng tiếng Hoa cuốn sách mới nhất của ông, có tựa đề 'Thiền định'.

(Urban Dharma - December 27, 2011)



Xuân thê

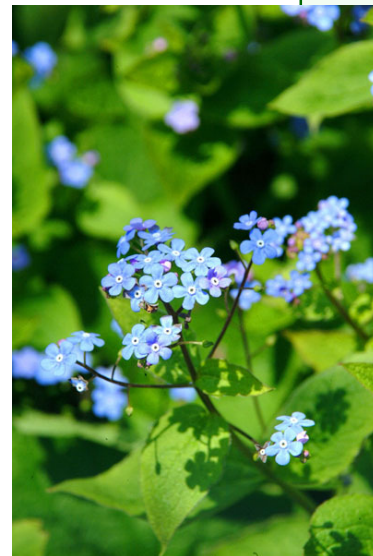
*Xuân đến nhờ hoa tô điểm xuân
Thiếu hoa xuân mất chỗ nương thân,
Hồn xuân đượm thắm, hoa xuân mộng
Báo hiệu xuân về hoa đón xuân.
Hoa có thời gian, xuân vẫn đây,
Xuân đi hoa úa, đến hoa khai,
Xuân nhờ hoa hiện hương xuân sắc,
Hoa mượn xuân khoe sức sống đây.
Trần gian xuân viếng trao nguyện ước,
Tặng một cành hoa xin chúc xuân.*

THẮNG HOAN

Xuân

*Tha hương đón Tết giữa mùa Đông
Giao thừa băng giá lúng chạnh lòng.
Mơ về xuân cũ nơi quê mẹ
Xuân mới vui tươi đón ánh hồng.
Chợ hoa đào thắm với mai vàng
Muôn hồng ngàn tia, cúc, huệ, lan...
Cam quýt, bưởi bồng trăm thứ quả
Phổ phường tập nập vạn người qua.
Hón hờ trẻ con khoe áo mới
Lì xì mừng tuổi kính yêu già.
Vui vẻ ăn chơi ba ngày Tết
Tri ân tưởng niệm đến ông bà...
Âm thầm đón Tết ở phương xa
Bạn làm công việc chẳng ở nhà
Mẹ cha, con cháu không sum họp
Không viếng bà con, chẳng hội hè.
Xứ người đích thực xuân chưa đến
Nắng mới chưa về xuân vắng hoa.
Bạn bè hò hững nơi quê lạ
Mừng xuân chỉ có một mình ta!*

NGUYỄN KIM



NHỮNG TÀNG ĐẠI CỒ THỤ TRONG RỪNG THIÊN TRÚC LÂM PHÁP PHÁI

NGUYỄN NHƠN

Cổ Đô Huế, có chốn thiên môn ở trong núi non. Ngày xưa là một chốn hoang vu um tùm cây hoang cỏ dại. Đến thời Duy Tân năm thứ nhất, có vị nữ lưu cũng là con cái gia đình danh giá vọng tộc; sau khi nhận thấy cuộc đời đầy giả tạm vô thường, nên đã tự thân tìm đến nơi này lập một thảo am để tịnh tu, có quý danh là Hồ thị Nhân, pháp danh Thanh Linh, hiệu Diên Trường.

Sau khi lập thảo am xong một thời gian, với tâm nguyện trở thành chốn già lam thế nào mà Thế Thế Cao Tăng, Sư bà liền qua đánh lễ Tổ Tâm Tịnh, khai sơn Tây Thiên Di Đà tự để cầu xin Thiên sư Giác Tiên là vị

đại đệ tử của tổ trong hàng Cửu Giác. Cũng nên biết Tổ Giác Tiên vốn quê quán Gia Lê Thượng, xã Thủy Phương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên; họ Nguyễn Duy, húy là Quyển, sinh năm Canh Thìn (1879), dưới thời Tự Đức thứ 33, với pháp danh là Trùng Thành, pháp tự Chí Thông, pháp hiệu là Thích Giác Tiên.

Thiên sư Giác Tiên được Sư phụ ấn chứng làm Tổ khai sơn cho thảo am này. Trước khi chính thức nhận Ngôi hóa chủ, Tổ Giác Tiên cùng Sư bà Diên Trường ra tận Trúc Lâm Yên Tử gần sáu tháng để tìm hiểu với thâm ý là muốn hành trạng Trúc Lâm được nối dài vào miền Trung.

Sau khi trở lại thảo am, qua trình ý nguyện với Sư phụ và lấy tên là Trúc Lâm. Một thời gian không lâu, thảo am được hình thành tự viện và được triều đình nhà Nguyễn sắc phong thành Trúc Lâm Đại Thánh tự.

Từ đó, việc ngoại hộ một tay Sư bà lo liệu, sau này có người cháu gọi bằng cô cũng xuất gia theo Tổ Giác Tiên với đạo hiệu Thích nữ Diệu Không trực tiếp phần ngoại hộ này cho đến ngày hầu Phật, thọ 93 tuổi.

Riêng Tổ thì lo đào tạo Tăng tài và vận động chư Tôn thiên đức bản tình thành lập An Nam Phật Học Hội. Đệ tử trực tiếp xuất gia với ngài gồm: Thiên sư Mật Tín, Thiên sư Mật Khế, Thiên sư Mật Hiến, Thiên sư Mật Nguyên và Thiên sư Mật Thế.

Ni giới có sư bà Diệu Huệ và Sư bà Diệu Không, cả hai vị vừa là đồng sư mà cũng là chị em



TỔ GIÁC TIÊN
Khai Sơn Trúc Lâm Đại Thánh tự
Sáng lập kiêm Chứng Minh Hội An Nam Phật Học

ruột, con của Đại thần Hồ Đắc Trung, quê quán làng An truyền, huyện Phú Vang. Hai vị trước khi chưa xuất gia đều có quý tử đặc biệt. Sư bà Diệu Huệ nữ danh là Hồ thị Huyền, thân mẫu của Bác học Bửu Hội; sư bà Diệu Không nữ danh là Hồ thị Hạnh, thân mẫu của nhà Văn vật học Cao Xuân Chuân.

Ngoài ra, Tổ có một vị tại gia Bồ tát giới khá đặc biệt trong vấn đề chấn hưng Phật giáo thời cận đại đó là Bác sĩ Lê Đình Thám, pháp danh Tâm Minh, tự Châu Hải, quê quán làng Đồng Mỹ, tổng Phú Khương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, con của cụ Đông Các Điện Đại Học Sĩ, sung chức Bộ binh Thượng thư Lê Đình, triều Tự Đức và là em ruột của nhà cách mạng Lê Đình Dương, trong tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội với các vị Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, ... cũng là dịch giả của bộ Lăng Nghiêm Trực Chỉ. Cũng nên biết thêm, cụ Tâm Minh Lê Đình Thám khi ra làm Y sĩ trưởng Viện Bào chế và Vi trùng học Pasteur tại Trung ương bệnh viện Huế, cộng tác với bác sĩ Normet, chế ra Serum Normet. được giới Y học Pháp Việt vô cùng trọng vọng.



Chân Dung Di Ảnh Bà Sư DIÊN TRƯỜNG



Thiền Sư THÍCH MẬT KHẾ
Tổng Thư Ký kiêm Sáng lập viên
Hội An Nam Phật Học Cổ đô Huế và miền Trung

Cũng chính nhờ uy tín của bác sĩ Tâm Minh, Tổ Giác Tiên, một mặt, Tổ vào tận Tổ đình Thập Tháp, Bình Định để thỉnh Quốc sư Phước Huệ ra trực tiếp chủ giảng cho lớp Đại học Phật giáo đầu tiên tại Tổ đình Trúc Lâm và lớp Đại học Phật giáo tại Cổ đô Huế được phát xuất từ đó; mặt khác, Tổ hướng dẫn cho đệ tử Tâm Minh



Thiền Sư THÍCH MẬT HIỂN
Tọa chủ Tổ Đình Trúc Lâm - Huế (86 tuổi)
Giám Luật Hội Đồng Lương Viện GHPGVNTN

tìm những văn kiện thích hợp để mở trường cho học Tăng và lập An Nam Phật Học hội.

Cũng nên biết thêm, sau khi có lớp Đại học Phật giáo được mở đầu tiên ở Trúc Lâm chỉ có bảy vị; rồi từ từ chuyển qua Tổ đình Tây Thiên thì các ngài đó mà ngày nay là long tượng, là thạch trụ trong vấn đề chấn hưng Phật giáo mà đặc biệt là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời năm 1964, gồm: Đôn Hậu, Mật Hiển, Mật Nguyễn, Thiên Hoa, Thiên Hòa, Huyền Quang, Trí Thủ, Trí Hữu, Trí Quang, Thiện Minh, Thiện Siêu, v.v...

Để trở lại với cội nguồn Những Cây Đại Cổ thụ:

1.- Đại lão Hòa thượng

Thích Mật Hiển: Tọa chủ Tổ đình Trúc Lâm Đại Thánh là vị Giám luật của Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là bậc cha lành của Tăng ni Tín đồ Thừa Thiên - Huế.

Trước khi xả báo thân, Ngài còn răn dạy cho Tăng đoàn bản tinh: "... Tôi cảm ơn quý Thầy. Trong năm qua, quý Thầy cùng tôi chung lo Giáo hội, tuy có nhiều cực nhọc, song cũng có nhiều kết quả tốt. Tôi thiết tha mong mỗi quý Thầy hãy thương mến, hòa hợp với nhau để chung lo Phật sự; thấy thành công quý Thầy đừng kiêu hãnh, thấy khó khăn cũng đừng nản lòng. Hãy lấy xả lợi làm vinh hoa, lấy khó khăn làm sự tác thành. Có như vậy, quý Thầy mới thành tựu đạo nghiệp chí thượng, ngõ hầu báo đáp được thâm ân Phật Tổ và không bội phản hạnh nguyện nhập thế, xuất trần của mình..." (Lời dạy đầu Xuân Nhâm thân (1972) của Ôn Mật Hiển cho Ban trị sự và Tăng Ni Thừa Thiên - Huế cùng đồ chúng Trúc Lâm).

Và câu nói để đời mà Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu đọc trước kim quan của Ngài trước khi nhập tháp:

... "Kính thưa Giác linh Hòa thượng,

Làm sao chúng tôi quên được những tháng ngày cùng lao cộng khổ chung lo Phật sự, đạo phong của Hòa thượng thì trác việt, nếp sống bình dị, nói năng thì khẳng



Thiền Sư THÍCH MẬT NGUYỄN
Tọa chủ Tổ Đình Linh Quang - Huế
Chính Đại Diện Miền Vạn Hạnh-Thừa Thiên

quyết hùng hồn:
"Đã làm Thầy tu thì đừng sợ chết, nếu sợ chết thì đừng làm Thầy tu".

Chính lời nói này của Hòa thượng đã làm cho Tăng ni và Phật tử chúng tôi kiên trì trong lý tưởng, vững chắc trong hành động, phục vụ Đạo pháp và Dân tộc, đem lại lợi ích cho loài người



Thiền Sư THÍCH MẬT THẾ
Cây bút trẻ đầu tiên của
Hội An Nam Phật Học và miền Trung



Chân Dung Sư Bà
THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG
Khai Sơn Hồng Ân Ni Tự
Tuần Chúng Ni Bộ toàn quốc

và tất cả chúng sinh...”

Và, ngài Yamada, năm 1986, khi hướng dẫn phái đoàn Phật Giáo Nhật Bản qua thăm Phật Giáo Việt Nam, đã phát biểu:

- **"Đôi mắt của Đại lão Hòa thượng sáng ngời, ánh lên thần khí. Chúng tôi có cảm tưởng rằng tinh anh của Phật Giáo Việt Nam đang hiện diện ở Huệ."**

Hậu duệ của Ngài có được mấy vị ra hải ngoại cũng nối gót theo hạnh nguyện của Tổ và Sư phụ nên hết lòng xả thân chung lo Phật sự nhất là hết lòng với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại địa phương, như:

a.- Hòa thượng Tín Nghĩa, khai sáng Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, là thành viên cao cấp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

b. Thượng tọa Tâm Huệ, sáng lập chùa Trúc Lâm tại Thụy Điển, là thành viên trong Hội đồng Điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

c. Thượng tọa Tâm Minh, sáng lập chùa Trúc Lâm tại Úc Đại Lợi, thành viên Hội đồng Giáo phẩm, Tổng vụ Trưởng, Tổng vụ Thanh niên và Gia đình Phật tử trong Hội đồng Điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan.

2.- Đại lão Hòa thượng

Thích Mật Nguyệt: Tọa chủ Tổ đình Linh Quang, Chánh đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Thừa Thiên - Huế và Miền Vạn Hạnh. Uy đức của Ngài không những chỉ tỏa rộng ở miền Trung mà cả miền Nam Việt Nam.

Trước sự áp bức của chế độ Ngô Đình, lấy Đạo dụ số 10 để áp đặt những khó khăn lên Phật Giáo và xem Phật Giáo như một hiệp hội, nên trong Đại hội Tăng già toàn quốc, ngày 10-09-1959, tại Ấn Quang, với tư cách Trị sự Trưởng Tăng Già Trung Việt, Trị sự Phó Tăng Già Việt Nam, kiêm Ủy viên Nghi lễ của Giáo Hội; trong ngày Khai mạc Đại hội, Ngài đã đồng dục nhấn mạnh:

- ... "... Giáo Hội Tăng Già là đoàn người thực hiện và tượng trưng cho giáo chế của đấng Giáo Chủ Phật Giáo. Từ khi Phật Giáo có mặt trên lãnh thổ Việt Nam đến nay, đã hơn 18 thế kỷ, trải qua các thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần, ... khi thịnh cũng như khi suy, Giáo Hội luôn luôn được công nhận là một tổ chức lãnh đạo của một tôn giáo thuần túy. Do đó, Giáo Hội không bị ràng buộc bởi thể chế của một hiệp hội. Công nhận sự có mặt của Giáo Hội là công nhận sự hiện hữu của Tăng Già.

Trên trách nhiệm truyền thống của Đạo pháp không một tổ chức nào khác có thể chịu mọi trách nhiệm và Phật Giáo trước trước quần chúng, trước lịch sử nếu không phải là Giáo Hội Tăng Già..." (Trích Kỷ yếu Đại hội kỳ 2, ngày 10-09-1959).

Riêng với đệ tử thủ túc, nhất là lớp xuất gia, Ngài dạy:

- "Hoàn cảnh mà tạo được nơi để Tăng Ni học tập tu niệm, tin đồ có chỗ lui tới chiêm bái, đóng góp Phật sự; lo an sinh cho quăng đại quần chúng thì đó là đệ tử của Phật."

Đối với đệ tử trực tiếp thọ giáo với Ngài thì:

- ... "Các con là người của muôn phương, muôn hướng, có trách nhiệm và hướng dẫn tin đồ, phải luôn luôn đi đúng đường lối



HT. Thích Tín Nghĩa, Khai sơn Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, Hoa Kỳ

và hiến thân cho Đạo Pháp và Dân tộc..."

Đối với Giới Đàn, Ngài khuyên dạy Giới tử:

- "... Chúng tôi xin nhắc lại vài câu trong Giới kinh, chắc ở đây có nhiều vị đã từng nghe: Giới là thuyền bè đưa người qua bể khổ, là ngọc anh lạc trang nghiêm pháp thân, và với một xã hội nào, một địa phương nào, giới luật được bảo tồn thì dân chúng được thuần lương, xứ sở được thịnh vượng..."

Chúng tôi hy vọng được quý giới tử đặc biệt tin tưởng và luôn luôn ghi nhớ những lời Phật dạy ấy, trọn đời kiên trì giới luật, để cải tiến thân tâm và hoàn cảnh hầu báo đáp hồng ân Tam Bảo và phụng sự Đạo pháp cùng Dân tộc nhất là giai đoạn đầy đau thương của xứ sở hiện tại..."

Ngài cũng có rất nhiều đệ tử xuất gia, nhưng đặc biệt chỉ có duy nhất Hòa thượng Thích Tánh Thiệt ra hải ngoại và nhận quê hương thứ hai tại Pháp quốc để làm nơi hoằng truyền Phật đạo.

*.- Con người mang đại nguyện vào đời:

Hòa thượng Thích Tánh Thiệt, quý danh Hoàng Ngọc Ẩn, thọ sinh ngày 04-04-1945, tuổi Quý Dậu, tại làng Hội Yên, quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Cả gia đình đều quy y, có pháp danh bằng chữ Tâm, thì thầy là Tâm Ân.



HT. Thích Tánh Thiệt, khai sơn Chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc

Khi đầu sư học đạo với Thiền sư Mật Nguyên, Tổ đình Linh Quang Cổ đô Huế, thầy xin đổi chữ Tâm xuống thành chữ Nguyên nên pháp danh là Nguyên Ân, vì sư phụ húy là thượng Tâm hạ Địa.

Thọ tỳ kheo và Bồ tát giới tại Đại giới đàn Hải Đức, Nha Trang năm Mậu thân 1968, thuộc hệ phái Trúc Lâm Đại Thánh, đời thứ 44. Trong giới đàn này hiện tại còn các vị như Hòa thượng Tịnh Từ, Hòa thượng Tịnh Diệu, Hòa thượng Đồng Tuyên (tức Thái Siêu), ...

Được tấn phong lên ngôi vị Thượng tọa vào Vu lan 2532 – 1988.

Và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cung thỉnh lên ngôi vị Hòa thượng trong Giới đàn Đôn Hậu, ngày 03 tháng 7 năm 2005 được trang trọng tổ chức tại chùa Viên Giác, Đức Quốc.

Nơi theo nhân cách và hạnh nguyện của Sư phụ mà đặc biệt là Trúc Lâm Pháp Phái, dù hoàn cảnh khó khăn nơi xứ lạ quê người cũng cố gắng tạo cho được nơi để Tăng Ni học tập tu niệm, tín đồ có chỗ lui tới chiêm bái, đóng góp Phật sự; lo an sinh cho quảng đại quần chúng.

Sư phụ thường dạy các con là người của muôn phương, muôn hướng thì Hòa thượng Tánh Thiệt

canh cánh bên lòng với lời giáo huấn ấy, một mặt tạo dựng cơ sở, dù cho có bị hỏa hoạn làm ngôi già lam thành đồng tro tàn chẳng nữa, cũng vững tâm tái tạo cho bằng được; mặt khác mở Đại giới đàn để lớp hậu bối được đăng đàn thọ giới.

Đại giới đàn Liễu Quán Âu Châu lần thứ nhất được tổ chức trọng thể và trang nghiêm vào các ngày 4, 5 và 6 tháng 5 năm 1990 (nhằm các ngày 12, 13 và 14 tháng tư năm Canh ngo), gồm có: 126 vị tất cả, có đến 108 vị phát tâm thọ Tại gia Bồ tát giới, có nhiên hương cúng dường và có 97 vị thọ Thập thiện giới. Liễu Quán là vị tổ khai sáng dòng Thiền thuần túy Việt Nam tại đàn trong từ thời chúa Nguyễn, đồng thời với Thiền sư Chân Nguyên ở đàn ngoài.

Đại giới đàn Quảng Đức từ ngày 08 đến 11 tháng 9 năm 2011 (nhằm các ngày 11, 22, 13 và 14 tháng tám năm Tân mao), quy tụ: 25 vị tất cả, nhưng có đến 07 vị ngoại quốc, gồm cả Đức, Pháp và Tây tạng; 80 vị phát tâm thọ Tại gia Bồ tát giới, nhưng không có lễ nhiên hương cúng dường, không có đàn truyền Thập thiện giới.

Tuy thế, cả hai Đại giới đàn đều quy tụ giới tử từ khắp các châu lục về cầu giới pháp.

Quảng Đức là vị Bồ tát phát nguyện thiếu thân, để cứu nguy Phật giáo đang bị áp bức khốc liệt dưới chế độ Ngô Đình năm 1963.

Song song với những Phật sự cần phải chu toàn không những chỉ tại địa phương mà còn cả Âu châu nữa, như hướng dẫn Phật tử tu Bát quan trai, hướng dẫn lớp thanh thiếu niên hướng về cội nguồn, tham gia chương trình tuyệt thực nhiều lần với Giáo Hội và Hòa thượng Chủ tịch Thích Minh Tâm ở Genève - Thụy Sĩ, hoặc những chương trình Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tổ chức.

*.- Ngày Về Nguồn V: Điều mà Đại Tăng trong bốn Giáo hội các châu lục trông đợi và mong chờ là Ngày Về Nguồn V.

Vừa lo tái tạo lại ngôi Đại

hùng Bảo điện mới bị hỏa hoạn để có nơi tu niệm và cho hàng Phật tử chiêm bái, vừa lo những Phật sự hằng năm như các ngôi chùa khác, thì Hòa thượng đã không quản ngại tài hèn đức mỏng, đứng ra nhận lãnh trọng trách làm Trưởng ban Tổ chức cho Ngày Về Nguồn V trước Đại Tăng ở Ngày Về Nguồn IV tại Tu viện Viên Đức, Đức Quốc; mặc dù Giáo chỉ Số 9 đến với Bốn Giáo Hội các châu lục ra sao, trong ngày thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Ngày Về Nguồn II tại chùa Bát Nhã, Hòa thượng vẫn tham gia và tham dự rất nồng nhiệt. Hòa thượng đã hành xử cái Dũng trong Phật giáo đúng mức, ứng dụng tâm nguyện lúc ban đầu phát tâm xuất gia là hoài bồi đạo cổ, thượng cầu hạ hóa.

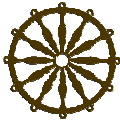
Kỷ Yếu kỷ niệm: **“Sau Năm Năm Tái Thiết Chùa Thiện Minh - Ngày Về Nguồn V - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư - Đại Giới Đàn Quảng Đức”** là một công trình Đại Phật Sự không ngừng nghỉ, mà Hòa thượng Thích Tánh Thiệt đã tận tụy dành trọn cả cuộc đời tu hành khi mang tâm trạng lưu đày xa xứ nơi đất khách quê người là một điểm son trong lịch sử chấn hưng Phật Giáo thời cận đại ở hải ngoại.

Hòa thượng Thích Tánh Thiệt đã hiện thực những điều Tổ Giác Tiên và chư Đại Tôn Đức trong tông môn mà gần nhất là nhị vị thạch trụ thiên gia là Thiền sư Mật Hiển và Thiền sư Mật Nguyên.

Tâm nguyện ấy, ý chí ấy, lý tưởng ấy chỉ có chư Phật, Bồ tát mới thông suốt. Chúng ta chỉ biết bái phục và ngưỡng mộ.

*Hoa Kỳ, Quý đông Tân mao –
Dec. 10, 2011
Nguyễn Nhơn*





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (949) 986-2433

Phật lịch 2555

THÔNG BẠCH XUÂN NHÂM THÌN - 2012

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Kính bạch chư tôn Giáo phẩm, chư tôn thiền đức Tăng Ni,
Kính thưa quý vị thiện hữu tri thức, nam nữ Phật tử,

Một lần nữa, Tết truyền thống Việt Nam lại đến với cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ. Thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHHK, chúng tôi thành tâm kính chúc chư tôn Giáo Phẩm, chư tôn thiền đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc chư thiện nam tín nữ Phật tử Bồ đề tâm bất thoái, thân tâm an lạc, và sở cầu như nguyện.

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử,

Thời gian đi nhanh, mạng người rút ngắn. Thế giới trong năm qua nhiều chiến tranh, bạo động, chết chóc, thiên tai đang đe dọa sự sống và hạnh phúc con người trên hành tinh này. Riêng tại Hoa Kỳ, nạn thất nghiệp vẫn còn rất cao. Người mất việc, kẻ mất nhà, gia đình ly tán, thống khổ trùm lên thống khổ. Cũng trong năm qua, Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ mất đi nhiều chư tôn thạch trụ đã tận hiến đời mình cho nền Phật Giáo tại quê hương mới này.

Trong tâm thức mặc niệm quá khứ và hướng về tương lai, Tết Nhâm Thìn là dịp chúng ta cùng nhau siết chặt đạo tình và nhìn về quê hương, xứ sở, thầy tổ, đạo bạn để hướng tâm cầu nguyện cho dân tộc được tự do phú cường, cho đất nước độc lập và vẹn toàn lãnh thổ. Chúng ta cũng ý thức rằng, những nét đặc thù văn hóa Việt Nam, mỗi người con Việt, đặc biệt là người con Phật phải hết lòng bảo vệ, giữ gìn nó. Chúng ta được huấn dụ, Phật giáo đặt sự sinh tồn của mình trong sự sinh tồn của dân tộc.

Trong năm qua, nhiều tu viện, tự viện, trung tâm Phật giáo khắp nước Mỹ đã nỗ lực tổ chức các khóa tu học dài hạn, ngắn hạn, pháp luận quần chúng, lập đàn truyền giới, v.v... Những Sứ giả Như Lai đã không ngừng nỗ lực thực hiện sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp. Số lượng tu viện, tự viện đã tăng đáng kể trong nhiều năm qua. Hàng ngàn người đã trở thành thiện tín và hàng trăm người phát nguyện làm Bồ Tát tại gia. Giáo Hội chúng ta thực hiện được nhiều Phật sự đáng khích lệ, trong số đó đặc biệt nhất là tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ nhất (phối hợp Hoa Kỳ và Canada) rất thành công. Ánh sáng Đạo đang bùng lên khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Kính thỉnh chư Tăng Ni và chư thiện tín thêm gia tâm chú nguyện.

Là người con Phật, chúng ta ai cũng có hạt giống Phật trong tay, xin đừng để mất cơ hội, hãy trồng nơi đâu mình có thể trồng được. Chỉ có hiểu biết giáo pháp, hành trì giáo pháp thì mới tận hưởng sự an lạc của tâm tịch nhiên. Nhờ vậy, mới đoạn trừ phiền trước và mang lại sự an lành cho cuộc sống. Hoa Kỳ là nước tập hợp nhiều bản sắc di dân và đức tin. Giáo pháp đức Phật và quan điểm về đức tin của Ngài thật mới lạ đối với đại đa số quần chúng, nhưng giới thượng lưu trí thức Mỹ rất yêu chuộng nền giáo lý thâm diệu và khoáng đạt này. Điều chúng ta quan tâm là mang giáo pháp Phật Đà đến với họ bằng cách nào. Đòi hỏi các Sứ giả Như Lai cần nhiều kiên nhẫn và nỗ lực.

Chúng ta đến Hoa Kỳ từ nhiều điều kiện di dân khác nhau. Chúng ta thực hành Phật Pháp từ nhiều truyền thống, và giáo hội. Nhưng chúng ta chỉ có một nguồn cội đó là Phật giáo Việt Nam. Chúng ta là đoàn người tiên phong mang Phật giáo Việt đến Hoa Kỳ trong giai đoạn năm mươi năm đầu khai sinh. Trong hoàn cảnh đó tất nhiên có nhiều cam go, thử thách đến với những sứ giả như chúng ta. Vì vậy, sự hiệp lực, cảm thông và bao dung của chúng ta là nền tảng cho mọi công cuộc hoằng pháp và xây dựng của cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Một lần nữa, thành tâm kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni và thiện nam tín nữ Phật tử năm Nhâm Thìn vô lượng an lạc.

Nam mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát

California, ngày 26 tháng 12 năm 2011
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

Nụ hoa vàng mùa xuân

Anh cho em mùa xuân
Nụ hoa vàng mới nở
Chiều đông nào nhung nhớ
Đường lao xao lá đầy
Chân bước mòn vìa phố
Mắt buồn vin ngọn cây
Anh cho em mùa xuân
Mùa xuân này tất cả
Lộc non vừa trẩy lá
Thơ còn thương cõi đời
Con chim mừng rú rít
Vui khói chiều chơi vơi
Đất mẹ gầy có lúa
Đông ta xanh mấy mùa
Con trâu từ đồng cỏ
Giục mõ về rộn khua
Ngoài đê diều thả cánh
Trong xóm vang chuông chùa
Chiều in vào bóng núi
Câu hát hò vắng đưa
Tóc mẹ già mây bạc
Trăng chờ trong liếp dừa
Con sông dài mấy nhánh
Cát trắng bờ quê xưa
Anh cho em mùa xuân
Bàn tay thơm sữa ngọt
Giải đất hiền chim hót
Người yêu nhau trọn đời
Mái nhà ai mới lợp
Trẻ vui đùa nơi nơ
Hết buồn mưa phố nhỏ
Hẹn cho nhau cuộc đời
Khi hoa vàng sắp nở
Trời sắp sang mùa xuân
Anh cho em tất cả
Tình yêu non nước này
Bài thơ còn xao xuyến
Nắng vàng trên ngọn cây.

KIM TUẤN

Tự khúc Xuân

Ta gieo xuống mảnh đất em gầy hoang
Nhành lộc nõn chiết từ tim cháy bỏng
Em còn đứng trên đồi xưa gió lộng ?
Đợi ta cùng dạo khúc gọi mùa sang
Giọt nắng nào rơi môi em hồng ngoan
Ta mơ mình được uôm tình lên đó
Bao mùa qua lòng em còn khép ngỏ
Ta xin vào gõ cửa rước tình qua
Đồi còn xanh, và em, còn hát ca ?
Ta ôm đàn vỗ vang lời hoa lá
Hồn âm ba tiếng em cười trong quá
Chim muông về quần tự khúc xuân tươi
Cụm mây hồng giăng góc trời thanh thoi
Em xòe tay hứng tơ cài tóc rối
Ta nghe hồn reo vui như mở hội
Lược xuân tình xin chải tóc cho em
Ta ước mong trang cổ tích dài thêm
Cho ta kể về giấc mơ hoàng tử
Đánh thức em bằng nụ hôn tình tứ
Khúc xuân nồng so phiếm tặng riêng em.

Xuân hồng đào

Như thừa xuân xưa
Xúng xính giao thừa
Ao hoa, túi đỏ
Đông đào tuổi nhỏ
Ta hát vang trời
Nhành lộc nõn tươi
Cài lên tóc bím
Môi đào chúm chím
Hé nụ băng khuâng
Chuông chùa vọng ngân
Trâm vương hương nhẹ
Nếp mình bên mẹ
Lễ Phật đầu năm
Chừ đã xa xăm
Tuổi thơ - cổ tích
Xuân này tĩnh mịch
Ta lắng lòng ta
Đào chưa khai hoa
Hồn chưa chớm nụ
Nhưng tình chẳng cũ
Đời vẫn hồng xuân...

DIỀU LINH

QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo)

CHƯƠNG IV LỊCH SỬ PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ XEM DUY THỨC HỌC

II.- DUY THỨC HỌC VÀ PHẬT HỌC ĐẠI THỪA ẤN ĐỘ:

Phật Học Đại Thừa phát sanh sau Phật nhập diệt 400 năm, khoảng từ thế kỷ thứ nhất trước kỷ nguyên. Phật Giáo Đại Thừa tại Nam Ấn và Tây Bắc Ấn là những địa điểm lần lượt phát triển cho đến ngày nay. Căn cứ nơi truyền ký: học giả đầu tiên đề xướng Đại Thừa chính là Bồ Tát Mã Minh. Có thuyết cho rằng Bồ Tát là người tiền phong đề xướng Đại Thừa và cũng có thể nói ngài là vị Tổ Sư đầu tiên của Đại Thừa Giáo. Từ thời đại Mã Minh trở về trước, kinh điển Phật Giáo Đại Thừa lẽ đương nhiên hoàn toàn đã được phát hiện và nhất định cũng có người đề xướng mà Bồ Tát Mã Minh chỉ là học giả phụ trách có nhiệm vụ phát huy tư tưởng Đại Thừa trở thành nổi tiếng. Bồ Tát Mã Minh là một thiên tài rất giỏi về văn học được quốc vương kính trọng, cho nên dễ thu hút mọi người chú ý đến Đại Thừa. Bồ Tát Mã Minh sanh vào cuối thế kỷ thứ nhất của công nguyên, nhằm thời kỳ Vua Ca-Ni-Sắc-Ca đương kim chấp chánh. Bồ Tát chính là người sáng tác bộ *Đại Thừa Khởi Tín Luận* và có người cho đó là ngụy tạo, nhưng vấn đề đây đáng được nghiên cứu (1). Đại Thừa Khởi Tín Luận mặc dù trình bày nguyên lý Duy Thức, nhưng chỉ sử dụng danh nghĩa "Tâm Chúng Sanh" làm nền tảng thâm nhiếp tất cả pháp và thuyết minh Như Lai Tạng Duyên Khởi làm chủ yếu để hiển bày Thể của Đại Thừa Bất Cộng. Như học thuyết Nhất Tâm Nhị Môn của *Đại Thừa Khởi Tín Luận* chủ trương. Nhứt Tâm Nhị Môn gồm có: Tâm Chân Như Môn và Tâm Sanh Diệt Môn. Tâm Chân Như Môn là Pháp Vô Vi không sanh không diệt (Lý); Tâm Sanh Diệt Môn là Pháp Hữu Vi (Sự). Nhứt Tâm Nhị Môn nói trên là Thể Đại Tổng Tướng Pháp Môn của một pháp giới, nghĩa là Tổng Thể đầy bao trùm tất cả Pháp Tướng và tất cả Phật Pháp. Những dữ kiện nói trên là căn cứ nơi Sử Ấn Độ và được xem thấy trong Phạn văn của Bồ Tát trước tác lưu truyền cho đời sau (2). Ngoài ra Bồ Tát còn là một thi nhân Phật Giáo nổi tiếng và thi phẩm bằng Phạn văn của Bồ Tát đã chiếm địa vị trí danh trong Văn Học Sử Cổ Điển (3)!

Học giả thứ hai là Bồ Tát Long Thọ. Bồ Tát ra đời sau Bồ Tát Mã Minh, có chỗ nói là đồng thời với Bồ Tát Mã Minh, người Nam Ấn (nay thuộc Mạn Đức Lạp Tư, nơi phía bắc núi Kiết Tường), ước định sanh vào

khoảng 150 năm đến 250 năm công nguyên. Truyền thuyết rằng, Bồ Tát thỉnh Kinh Hoa Nghiêm nơi Long Cung và thỉnh Kinh Đại Nhật nơi Nam Thiên Thiết Tháp, v.v... Nếu quả đúng như thế đích thực là thần thoại, nhưng trên thực tế Bồ Tát là một học gia khảo cổ. Vào khoảng thế kỷ thứ nhứt trước kỷ nguyên, Kinh Đại Thừa Bát Nhã, v.v... bắt đầu xuất hiện tại Tây Bắc Ấn Độ và cũng là tư tưởng đối lập của Hữu Bộ. Còn Nam Ấn Độ là chỗ căn cứ của Đại Chúng Bộ và cũng là nơi tư tưởng Không của Bát Nhã rất phát triển. Vào khoảng thế kỷ thứ nhứt kỷ nguyên, Kinh Bát Nhã đã tồn tại nơi Nam Ấn Độ và Trung Ương Á Tế Á. Tư tưởng Long Thọ sở dĩ được đại biểu cho Phật Học Đại Thừa của thời kỳ thứ nhất là vì Bồ Tát trở thành học giả đánh dấu của thời đại. Nếu như so sánh giữa Bồ Tát Long Thọ và Bồ Tát Mã Minh, học thuyết của Bồ Tát Mã Minh thì bao gồm Tánh Tướng dung thông lẫn nhau và Có Không cùng nhau hiển bày. Còn Bồ Tát Long Thọ thì thiên về phương diện nguyên lý Không của Pháp Tướng; sau đó Bồ Tát Vô Trước, v.v... xuất hiện thì lại thiên về phương diện sự thật của Pháp Tướng; riêng con sông học thuyết trước kia của Bồ Tát Mã Minh thì đầy đủ cả hai tư tưởng nói trên. Từ khi Bồ Tát Long Thọ khởi xướng, Phật Giáo Đại Thừa trở nên phát đạt. Có thể nói Bồ Tát Long Thọ là Tổ thứ hai của Đại Thừa Ấn Độ và cũng là bậc Thánh thứ nhất sau này của Phật Đà. Bồ Tát chính là ngọn đuốc to lớn của Phật Học Đại Thừa và giáo nghĩa Đại Thừa do Bồ Tát phát huy thì soi sáng rộng xa ngàn trượng. Học thuyết lớn của Bồ Tát có chỗ siêu việt tợ hồ như những ngôn từ khí khái của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và do đó cổ nhân đều tôn vinh Bồ Tát là Tổ Sư của tám Tông Phái (4). Bồ Tát chính là nhà triết học, nhà tư tưởng và nhà phê bình vĩ đại của Triết Học Ấn Độ thời bấy giờ. Bồ Tát đề xướng học thuyết Bát Nhã, chuyên môn phát huy giáo nghĩa Tánh Không Duyên Khởi của Phật Đà, dùng Tánh Không làm giáo học của Trung Đạo Liễu Nghĩa. Phật Học tại Ấn Độ từ Bồ Tát Long Thọ trở về sau đều chạy trên con đường Hình Nhi Thượng Học hoàn toàn cực đoan. Học thuyết Không cốt yếu của Bồ Tát như thế nào?

Căn cứ nơi lời dạy của Phật sau khi diệt độ, người Tiểu Thừa luôn luôn chấp trước cho tất cả pháp đều có, chấp rằng Pháp thì thật tại của ngã, cho nên Bồ Tát Long Thọ căn cứ nơi Kinh Bát Nhã, v.v... đã phá sự chấp có của họ. Bồ Tát nói: Đức Phật dạy các pháp đều do nhân duyên sanh và đã duyên sanh tức là Tánh Không. Bồ Tát đối với Mười Hai Nhân Duyên phát huy rất tường tận và sử dụng nghĩa Trung Đạo

của Tánh Không Duyên Khởi đây phê bình tất cả học thuyết đến chỗ rất linh hoạt. Bồ Tát Mã Minh mặc dù đề xướng Đại Thừa đầu tiên, nhưng thực sự chỉ là thi nhân mà không phải là nhà triết học và lại cũng không phải là nhà phê bình, cho nên trên bình diện học Phật, tiếng tăm vang rộng lớn lao của Bồ Tát không bằng Bồ Tát Long Thọ. Trong Tạng Luận, những tác phẩm của Bồ Tát Long Thọ sáng tác ước lượng có thể phân thành năm loại:

1)- *Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận, Thất Thập Không Luận*, đây là những kinh điển giải thích hệ Bát Nhã để hoằng dương tư tưởng Không.

2)- *Hồi Tránh Luận, Lục Thập Như Lý Luận*, là phê phán các học thuyết ngoại giáo để xướng minh nghĩa Không.

3)- *Đại Trí Độ Luận* là chú giải Đại Phẩm Bát Nhã.

4)- *Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Đại Thừa Nhị Thập Luận*, trước hết là chú giải Thập Địa Kinh và sau đó là thuyết minh Duy Thức Chánh Lý.

5)- *Tư Lương Luận, Vương Chánh Pháp Luận, Khuyến Vương Tụng*, v.v... là thuyết minh pháp môn tu hành của Bồ Tát.

Sở học của Bồ Tát Long Thọ không chỉ nằm trong phạm vi cái "Không" mà thôi. Bồ Tát đối với các học thuyết của ngoại đạo và Tiểu Thừa, tuy nói là chỉ đả phá mà không kiến lập, nhưng kỳ thực trong đó bao gồm cả kiến lập, như học thuyết Tánh Không Duyên Khởi của Bồ Tát gồm có Bát Bất Trung Đạo ở trong (Lý học), và Bồ Tát Hạnh, v.v... đều là những tác phẩm do Bồ Tát kiến lập. Rất nhiều người truyền thừa học thuyết của Bồ Tát như, Đề Bà, Thanh Mục, Thanh Biện, Nguyệt Xứng, v.v... đều là những nhân vật nổi tiếng sắc sảo và bén nhọn của học phái Long Thọ.

Những học giả thứ ba là hai anh em Vô Trước và Thế Thân. Hai vị này ra đời ước lượng vào khoảng 310 năm đến 400 năm công nguyên. Kinh điển Đại Thừa hưng khởi của thời kỳ thứ nhất trở về trước thì chỉ ẩn chứa nguồn gốc sâu xa của học hệ Long Thọ. Còn sau Long Thọ, Kinh điển Đại Thừa thực sự được phát hiện chính là căn cứ nơi học hệ Du Già của Vô Trước và Thế Thân, v.v... Kinh điển Đại Thừa của thời kỳ này đại lược trong khoảng thời gian kể từ Kỷ Nguyên 200 năm đến 400 năm, gồm có Kinh Thâm Mật, Kinh Thắng Man, v.v... Vô Trước và Thế Thân cũng như các đệ tử sau này của quý ngài đều tận lực phát huy kinh điển duy nhất của hệ phái mình. Vô Trước và Thế Thân trước đây theo xuất gia nơi Tiểu Thừa Hữu Bộ, nhưng về sau lại hoằng dương Phật Học Đại Thừa và hai ngài đề xướng Pháp Tướng Duy Thức đều căn cứ nơi học thuyết Du Già của Bồ Tát Di Lặc, trình bày tất cả pháp đều "Có" (tồn tại diệu hữu). Học thuyết Có của Vô Trước và Thế Thân so với học thuyết Không của Long Thọ thì tương đối hơi xa, một bên thì Không và một bên thì Có, cả hai đều quan niệm Có một cách diệu lý, đó là nguyên do đưa đến hai đại học phái Đại Thừa được thành lập. Cổ nhân cho rằng, hai đại học phái này cũng như hai bánh xe của một cỗ xe. Thầy của Vô Trước có nói rằng, ngài là người đồng thời với Bồ Tát Di Lặc và theo truyền thuyết của Phật Giáo Cựu Sử: Ngài Vô

Trước mỗi lần nhập định lên trời Đâu Suất thỉnh giáo với Đức Phật Di Lặc đời vị lai và Đức Phật Di Lặc vì lợi ích của giáo pháp liền thuyết giảng cho ngài nghe. Sau khi xuất định, ngài liền ghi lại những lời của Phật Di Lặc và lập thành 100 quyển mang tên là Du Già Sư Địa Luận. Du Già Sư Địa Luận là bộ luận căn bản của Duy Thức Học và bộ luận này chỉ thuyết minh "Diệu Hữu" mà không thuyết minh "Tánh Không". Nguyên do mọi người lúc bấy giờ đều chịu ảnh hưởng của học phái Long Thọ, đại bộ phận đều chấp trước cho tất cả hoàn toàn là Không, những gì có liên quan đến nhân quả cũng đều thuộc về Không cả, cho nên cái Không trở thành ác thú, không chỗ nào là không lo sợ sẽ bị lọt vào đại tà kiến. Những người nghiên cứu Phật Học đều giống nhau như thế, lẽ dĩ nhiên đều có căn bệnh Không Kiến Ác Thú trở thành tư tưởng và căn bệnh đây căn phải gia công trị liệu bằng cách cải chánh: thứ tư tưởng này nếu như muốn cải chánh không cách nào khác hơn là phá trừ tà chấp, tà kiến của cái Không, mà muốn đả phá cái Không thì không ngoài thuyết minh cái Có để đối trị. Vì muốn phá trừ tà chấp, tà kiến của cái Không nói trên, Du Già Duy Thức Học nhân đây được phát sanh. Đúng ra học phái của Long Thọ là nhân duyên trực tiếp giúp cho học phái của Vô Trước và Thế Thân hội đủ thời cơ thích ứng để trở thành một học thuyết.

Chú thích:

- 1) Được thấy trong "Triết Học Sử Ấn Độ", chương thứ nhứt và trong kinh điển Đại Thừa của thời kỳ thứ nhứt, trang 269.
- 2) Tham cứu trong "Đại Thừa Khởi Tín Luận Nghiên Cứu".
- 3) Tham cứu trong Phạn văn "Phật Sở Hạnh Tấn Kinh" cùng với "Tôn Đà La Nan Đà" và "Cảnh" của Tạng Văn Dịch Bốn tức là thi phú diễn tả tình ái rất vui.
- 4) Giáo học của Long Thọ (Nhật Bản Tả Tả Mộc Nguyệt Tiêu Trước, do Trương Ngã Quân dịch, Hải Triều Âm xuất bản, quyển thứ 11, định kỳ thứ 12) nói rằng: "Đặc biệt Long Thọ được tôn xưng là Tổ Sư của tám Tông... Xưa nay Phật Học của Long Thọ cũng được tôn sùng là Tổ Sư của tám Tông..."

(còn tiếp)



MÙA XUÂN, TUỔI TRẺ VÀ ĐẠO PHẬT

Ỗ Thu Am

Từ lâu lắm, chừng như trong tâm khảm và ước vọng của con người, mùa xuân bao giờ cũng hiện ra với dáng vẻ tươi vui, rực rỡ và sinh động, bởi vì nó là giai kỳ khởi đầu cho một vận hành dịch biến mới của vạn vật.

Trong vận hành tử sinh của đời người cũng vậy, tuổi trẻ là mùa xuân của cuộc đời, là giai đoạn khởi đầu của một đời sống mới. Cái khác biệt chính là trong vận đồ biến dịch tử sinh của con người, có nhân duyên thức tâm đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng chánh báo và y báo cho mỗi cá nhân. Từ đó, mùa xuân tuổi trẻ không hẳn đã thường trực biểu lộ ra trong sắc thái tươi vui, rực rỡ và sinh động mà lắm khi nhốm màu tan thương! Đây không phải là nhận định phát xuất từ cảm quan tiêu cực hay bị quan yếm thế như một số người thường nghĩ. Đây là nhận thức đúng bắt nguồn từ thực tại của đời sống.

Có can đảm và như thật nhìn nhận thực tại, dù đó là thực tại bị thương hay thống khổ đến đâu, con người, trong đó có tuổi trẻ, mới có thể làm hiển sinh được cái dũng lực của trí tuệ siêu việt để hướng cuộc đời lên chiều thẳng hoa và giải thoát. Đó chính là ý nghĩa vi diệu mà Thiền sư Mãn Giác đời Lý đã trao gởi trong hình ảnh sống động tuyệt vời của đóa mai nở muộn trước sân trong một đêm trường nào đó vào cuối xuân:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.
Đừng nghĩ: Xuân tàn hoa rụng hết
Bên thềm, mai nở trắng... đêm qua.*

(Thích Đức Nhuận dịch)

Một cành mai nở trọn vào những ngày cuối xuân là biểu tượng hy hữu nhưng không phải là điều bất khả. Nó là hình ảnh của khả tính nằm sâu trong mỗi hiện hữu mà nếu có đầy đủ thời tiết nhân duyên thì sẽ khai biểu ra như một thực thể khẳng định. Hiện tượng kỳ diệu đó cũng là thông điệp nhắc nhở cho chúng ta rằng, trong chốn khổ đau triền phược này vẫn tiềm ẩn khả tính ưu việt của sự an lạc, giải thoát và giác ngộ, giống như trong chốn ao tù bùn lầy kia vẫn có những đóa sen hương thơm và thanh khiết vươn lên. Hơn nữa, nó không còn là một thứ hiện tượng hãn hữu chỉ xảy ra vài lần hiếm quý mà nó là yếu tố ắt có để những thành tựu như vậy có mặt. Sen là phải được trồng, nuôi dưỡng và nở hoa từ



trong chốn bùn lầy. Cũng vậy, sự giác ngộ và giải thoát không thể tìm kiếm đâu xa ngoài chốn khổ đau phiền lụy.

Tuổi trẻ là mùa xuân, cho nên tuổi trẻ đang nằm trong tay cái cơ hội quý giá nhất của đời người để làm hiển sinh những niềm vui chân thật, làm nở hoa những hy vọng vừa nảy mầm, làm chói sáng giá trị đích thật của đời sống vừa mới nhô lên.

Giáo pháp của đức Phật là những tia sáng triều dương chiếu rọi vào vùng tâm thức bị che lấp bởi đêm dày vô minh để nhờ đó chúng ta có thể thấy rõ được lộ trình chân thật hướng đến sự thăng hoa của đời sống và sự thành tựu mục đích cao cả của đời người.

Trên bình diện nhận thức, giáo pháp của đức Phật khai thị cho chúng ta thấy rằng, do tập khí vô minh huân tập từ vô lượng kiếp, cho nên chúng ta lúc nào, ngay

dù là trong khoảnh khắc của sát na, cũng thấy các pháp là thật có, có tự tánh, có tự ngã, trong đó có cái ngã của tập hợp ngũ uẩn mà chúng ta đang mang. Từ căn bản của nhận thức hữu ngã này, chúng ta tạo lập cái nhìn nhị biên phân biệt và chia cắt thực tại ra làm hai mảnh: chủ và khách, bị và thủ, nhân và ngã, v.v... Dưới quan kiến hữu ngã, chúng ta không thể nào bước sâu vào, nhập thể vào được trong cội nguồn nguyên nguyên của vạn pháp, mà chỉ có thể đứng ở bên ngoài để ngắm xem, để phê phán. Thí dụ, khi chúng ta đang nghe một người bạn trình bày về một điều gì đó, với tập khí vô minh hữu ngã, chúng ta rất hiếm khi có thể bình tâm, thanh thản để nghe trọn vẹn câu chuyện mà không khởi lên bất cứ một ý niệm mang theo nó nội dung của định kiến, thiên kiến, chủ kiến, lập trường, thái độ, cảm quan, hay cả những hậu cảnh tâm thức đã được dựng lập từ trước. Đó chính là tình trạng góp phần làm cho chúng ta khó có thể nhận thức đúng như thật những sự kiện mà mình tiếp xử trong cuộc sống thường ngày. Nó cũng chính là nhân duyên dẫn đến sự thiếu hiểu biết, sự ngộ nhận, sự thiên vị, sự cố chấp, sự bất hòa, sự đấu tranh mà chúng ta đang chứng kiến mỗi ngày, mỗi giờ trong đời sống. Thêm một thí dụ khác, như đóa mai nở trước sân trong một đêm nào đó vào cuối xuân của Thiền sư Mãn Giác đã nói ở trên, có bao giờ trong đời sống bận rộn, tất bật, bôn ba chạy theo cái ăn cái mặc, chạy

theo giờ giấc sinh hoạt học đường: bài vở, thi cử, bằng cấp học vị, chúng ta biết dừng lại vào một buổi sớm tinh sương trong khí trời lạnh lạnh của mùa xuân để ngắm nhìn trong trạng thái đơn sơ, mộc mạc và thuần khiết của tâm thức, của nhãn quan mình, vào nụ hoa mai, để cảm nhận bằng trực giác sự vi diệu và nhiệm mầu của nó?

Nhận thức hữu ngã như vậy chỉ là cái nhìn bề ngoài, cái thấy ở hình thức tổng thể chứ chưa phải là sự quán chiếu vào chiều sâu bên trong, vào chính nội thể của pháp. Thực ra nội thể bên trong của pháp không là gì cả ngoại trừ là một tập hợp của các duyên, các điều kiện. Quả thực như thế, giáo pháp duyên khởi mà đức Phật đã khai thị cho chúng ta biết rằng không một pháp nào hiện hữu độc lập bởi chính nó như là nguyên nhân đơn độc, mà tất cả đều có mặt trong mỗi tương quan, tương duyên với nhau. Một ý niệm cũng không thể chỉ là một tự hữu đơn nhất mà phải có các duyên như là sự có mặt của tâm, của dòng ý thức khởi động, của căn, của cảnh, của xúc, v.v... Rộng hơn nữa là bình diện vũ trụ, giáo pháp của đức Phật mở ra cho chúng ta hiện tượng giới tồn tại trong mỗi tương quan, tương duyên bao la vô tận không có ngăn mé. Thế giới mà chúng ta đang sống chỉ là một điểm nhỏ trong dải thiên hà chứa hàng triệu triệu tinh tú, và trong vũ trụ mênh mông còn có vô lượng vô số những dải thiên hà như vậy. Nhiều vì tinh tú mà tia sáng rơi đến thế giới chúng ta phải mất hàng tỷ năm ánh sáng, có khi chúng ta nhìn thấy ánh sáng thì vì tinh tú ấy đã hoại diệt từ bao giờ rồi. Dù là rộng lớn bao la như thế, sự tồn tại của vũ trụ vẫn không ra ngoài mỗi tương quan duyên khởi. Sự sinh khởi và hoại diệt của một hạt bụi, một vi trần, dù mắt phàm không thể nhận biết, vẫn có mối liên quan chặt chẽ với toàn thể vũ trụ. Nhờ những phát triển của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là ngành vật lý không gian, đã giúp cho con người ngày càng nhận thức ra được mối quan hệ duyên khởi gắn bó của vũ trụ. Cũng qua đó, con người ý thức được những tác động hỗ tương trong vũ trụ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ các sinh vật trong đó. Mỗi quan tâm đối với vấn đề an toàn môi sinh, bảo vệ môi trường sinh thái của

thế giới đang càng lúc càng trở nên cần thiết, là bằng chứng rõ nhất mà chúng ta có thể nhận biết được.

Từ quan kiến về vũ trụ duyên khởi như vậy, con người đã bắt đầu ý thức sâu sắc và thực tiễn hơn về mối tương quan tương duyên trong sinh hoạt của thế giới mà mình đang sống. Những nỗ lực mà con người đã và đang thực hiện trong các lãnh vực: văn hóa, giáo dục, kinh tế thương mại, giao tế, định chế chính trị, tôn giáo, v.v... cho chúng ta thấy rằng, thế giới đang ngày càng xích lại gần nhau hơn, có quan hệ thường trực và gắn bó hơn, thể hiện trách nhiệm và hiểu biết qua cảm thông, đối thoại, hỗ tương nhau nhiều hơn. Ngày nay, nhân loại đã nhận thức được một cách cụ thể rằng không một quốc gia nào, không một hình thái sinh hoạt nào trên thế giới này có thể tồn tại và phát triển được nếu tách rời ra khỏi mối tương quan tương duyên với cộng đồng thế giới. Trong ý nghĩa này, con người cũng hiểu biết chân xác hơn rằng muốn cải thiện và phát triển một quốc gia, người ta không thể không quan tâm đến việc cải thiện và phát triển toàn thể thế giới, bởi vì nếu phần còn lại của thế giới không được cải thiện và phát triển thì không một quốc gia nào có thể thực hiện thành công sự cải thiện và phát triển mang tính khu biệt và độc lập của mình. Chính nhận định đó đã dẫn đến sự hình thành những chương trình và kế hoạch được gọi là toàn cầu hóa mà chúng ta đang chứng kiến hiện nay.

Nhìn vào sinh hoạt của xã hội nhân sinh, giáo pháp duyên sinh của đạo Phật chỉ bày cho chúng ta điều gì? Giáo pháp duyên khởi mà đức Phật dạy đã vén mở ý nghĩa thâm sâu của thân phận người. Theo đó, sự có mặt của chúng ta là sự hội tụ của những nhân duyên mà do chính chúng ta đã tác tạo. Tương tự như vậy, sự tác tạo hành nghiệp trong đời sống hiện tại của chúng ta sẽ là những nhân tố tự thành cho cuộc sống tương lai. Có điều lý thú mà chúng ta không thể bỏ qua hoặc xem thường, đó là yếu tố quyết định của sự hình thành và hoại diệt của nhân duyên không phải do bất cứ một ai khác mà là do chính chúng ta định đoạt. Điều này có nghĩa rằng, chúng ta chính là người nắm quyền quyết định lấy vận mệnh khổ đau và an lạc của mình. Gãy dựng nhân duyên hành nghiệp thiện, chúng ta sẽ chiêu cảm kết quả của đời sống an lạc. Ngược lại, tác tạo nhân duyên hành nghiệp ác, chúng ta sẽ nhận chịu hậu quả của đời sống khổ đau. Cũng qua giáo pháp duyên khởi của đức Phật, cho chúng ta hiểu rằng, sự khổ đau và an lạc của người này có mối tương quan tương duyên bất khả phân với sự khổ đau và an lạc của những người khác và ngược lại. Vì vậy, tâm thức chỉ mưu cầu an lạc cho cá nhân mà không quan tâm đến sự khổ đau và an lạc của tha nhân là điều không những không thể thực hiện được mà còn tiềm ẩn trong nó động lực phản tác dụng.

Giáo pháp duyên khởi ấy còn mở ra tầm nhìn đối với thân phận thực tế của chúng ta. Sự có mặt của chúng ta trong cuộc đời này là do nhiều tác duyên mà trong đó chúng ta không thể không nói đến một cách trân trọng vai trò quan yếu của cha mẹ. Cha mẹ



là duyên để tựu thành sự có mặt của chúng ta và cũng là duyên trưởng dưỡng cho chúng ta nên người. Môi trường sinh hoạt của gia đình là một trong những điều kiện then chốt giúp cho chúng ta trở thành người thành đạt và hữu dụng. Những tác duyên trong đời sống gia đình về cách cư xử lẫn nhau, về lòng thương yêu quý trọng nhau, về đức hiếu thảo đối với các bậc sinh thành và thuận hòa đối với anh em thân thuộc, về nề nếp luân thường đạo đức, tính ngay thật, nhẫn nại, tính hy sinh và phụng sự tha nhân, về sự khuyến khích và gương mẫu trong việc chăm chỉ học hành, về nếp sống chứa đựng tinh thần văn hóa cao, phẩm hạnh trong sáng, về sự thực nghiệm đời sống tâm linh thuần khiết, v.v..., tất cả những tác duyên ấy đều góp phần trọng đại cho một con người trưởng thành hoàn bị và hướng đời mình đến mục đích cao cả hơn.

Đặc biệt đối với tuổi trẻ, một nền giáo dục thành tựu là yếu tố duyên sinh cơ bản để tạo dựng tất cả những gì tốt đẹp mà con người mong muốn. Ngày nay, khi nói đến một nền giáo dục thành tựu người ta không đổ hết trách nhiệm lên cơ cấu điều hành giáo dục học đường mà thường đề cập đến nhiều tác duyên khác như là: bản thân của người học sinh, đời sống gia đình, môi trường xã hội, nền tảng của truyền thống văn hóa giáo dục của đất nước, các chính sách của nhà nước liên quan đến giáo dục, mức phát triển kinh tế và thị trường lao động, hệ thống điều hành giáo dục học đường trong đó bao gồm: phẩm chất chuyên nghiệp của giáo sư, đường hướng giáo dục, nội dung chương trình giảng dạy, sách vở tài liệu giảng dạy, cách thức điều hành học đường, mối liên hệ giữa nhà trường, phụ huynh và học sinh. Vì thế, một nền giáo dục thành tựu là biết cách vận dụng tính tương quan duyên khởi của nhiều điều kiện khả thi đến mức toàn vẹn. Nền giáo dục thành tựu không phải chỉ biết áp đặt những quy luật học đường và những công thức của kiến thức chuyên môn một cách khô cứng, giáo điều và

Sơ Tâm

NGUYỄN SIÊU

Cái tâm ban sơ. Tâm lúc đầu. Giờ phút đầu tiên phát nguyện xuất gia. Ra khỏi ba cái nhà. Xuất thế tục gia. Xuất phiền não gia. Xuất tam giới gia. Ra khỏi nhà thế tục, phiền não và ba cõi.

Năm lên mười tuổi, từ thời ấu thơ của tuổi măng non, đâu biết thế nào là xuất gia, sống đời tu hành của kẻ "xuất trần vi thương sỹ." Hay là "Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chẩn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu." Bây giờ nghe cái chí nguyện của kẻ xuất gia sao mà cao thượng quá. To lớn quá. Thật tình siêu tuyệt quá, mà từ thời nhỏ dại ấy chả biết gì. Cha mẹ bảo đi tu thì cứ xách đồ vào chùa ở, gọi là tu.

Buổi chiều, sau bữa cơm tối. Mẹ tôi gọi lại, hôm nay, cho con đi tu với thầy đó nghe. Lời nói thật giản dị. Chẳng bằng khuâng. Không hề tính toán. Chẳng thăm dò. Ý kiến. Muốn. Không. Chấp nhận. Bằng lòng. Phủ nhận. Đúng là tình mẹ thương con. Không so đo, cân lường. Trù định. Chỉ muốn con, bằng ước nguyện là thành đạt như những người đi trước.

Mang xách theo Thầy mà lòng cũng không quen luyến. Chẳng tự hỏi mình có tu được không. Tự đứng bỏ cha mẹ, anh em, bỏ bạn bè vào chùa tu! Cúi đầu bước theo sau Thầy, sang bên kia bờ sông. Ngồi chùa nơi đó.

Có một đời sống mới, trong một ngôi chùa đơn sơ, nhỏ hẹp, tọa lạc trên dòng sông, chung quanh toàn là dừa và cây ăn trái. Ngày hai buổi nấu cơm, quét rác, xách nước, qơ củi. Chèo đò qua sông để đưa rước quý Phật tử sang lễ Phật, thăm chùa.

Sau ba tháng tu của thời ấy. Sáng sớm hôm nọ, Thầy bảo cạo đầu, trên chiếc cầu dúi ra dòng sông. Những sợi tóc ướt lăn xuống má, rơi vào dòng nước cuốn đi một thời thơ ấu, còn lại cái vá nơi mỏ át. Chứng tích của thời mùi sữa mẹ còn trinh nguyên.

Cũng cái ngày ấy, cho đến bây giờ tôi vẫn không quên. Cái sơ tâm sao mà mãnh liệt quá, hùng tráng quá và có một năng lực, mình cúi đầu, xoa xà-boong để đặt chiếc dao cạo tóc, cắt đi một mái tóc xanh. Vô tư. Ngày đại. Nhìn dòng nước lững lờ, như gửi trọn đời mình xuôi theo dòng nước. Mà quả thật, từ độ ấy đã khẳng định một cuộc sống

cục bộ lên học sinh. Nền giáo dục ấy phải biết khôn khéo khai mở tâm trí của học sinh mà trong đó tinh thần khai phóng, sáng tạo và vượt thoát là những động lực chủ yếu giúp cho tuổi trẻ vươn lên. Chính vì vậy, giáo dục tức là nuôi lớn tuổi trẻ bằng phương thức dạy dỗ, chuyển hóa và nâng cao cả về thể dục, đức dục và trí dục. Thiếu giáo dục, tuổi trẻ sẽ không thể trưởng thành, giống như thiếu điều kiện thời tiết nhân duyên thì đóa mai không thể nở rộ.

Xuân mà thiếu vắng những cành mai vàng rực rỡ thì dường như xuân không có hương sắc. Cũng vậy, tuổi trẻ lớn lên cho dù có thành đạt bao nhiêu danh vọng, địa vị và tiền tài mà không thể làm nở được những đóa mai hương sắc thanh khiết trong tâm hồn và trí tuệ, không thể vén bày được khung trời xuân quang đăng cho đời mình thì chừng như sự hiện hữu ấy thiếu đi ý nghĩa và mục đích cao cả.

Ý Thu Am

khác thường. Cuộc sống của sơ tâm.

Quả nhiên, hay hẳn nhiên giờ mình là một chú tiểu. Một chú tiểu mới tinh khôi. Rạng rỡ như những tia nắng mới chiếu rọi qua những kẽ lá dừa, lá mận, tạo thành những vệt nắng dài, trong suốt, hay lấm tấm như những hạt thủy tinh. Chú tiểu đầu đời được sinh ra trong ngôi nhà Phật pháp, mà phận sự của tiểu là phải quét lá. "Con vua thì được làm vua, con sãi ở chùa phải quét lá đa."

Kể từ ngày tiểu được làm tiểu tụng kinh, gõ mõ, đánh chuông, trên tay tiểu là cuốn kinh Nhật tụng. Lắm nhảm học thuộc hai đường công phu, mà các thầy sa di thường hay chọc phá: "Lăng Nghiêm sợ bà già. Di Đà sợ Xá Lợi." Mà sợ thật, năm đệ chú Lăng Nghiêm đếm không biết bao nhiêu bà già ẩn cư trong đó. Vì bà già nhiều quá nên đọc lộn: "Bà già bà đi bà té, ai xô bà ha."

Dòng thời gian trôi chảy êm xuôi như con nước dòng sông khi rờng lúc lớn tuần tự, lặng yên; một quãng đời hành điếu cũng bình yên nơi đó, để nuôi cái sơ tâm thánh thiện. Cái tâm làm Phật tức thời: cái tâm mà nhìn đâu cũng thấy Phật hết. "Nhất niên Phật tại tiền." Cái tâm trong thời này, thật xứng đáng là tâm kẻ xuất gia. Đi đứng năm ngời một cách cẩn trọng, giữ gìn. Ngó trước, nhìn sau, sao cho xứng đáng người đi tu đầu Phật.

Một dòng sông ngăn cách, bên kia bờ là tình thương của mẹ. Bên này bờ là lòng đại bi của Đấng Thế Tôn. Do vậy, cứ mỗi lần chèo đò đưa Thầy đi Phật sự, một mình quay về, gát mái chèo, nhìn qua bên kia bờ sông mà nhớ một cái gì đó đã tiềm tàng trong lòng tự bao giờ. Tự nhiên. Nhẹ nhàng. Đôi chút băng quơ. Hương thừa của tuổi trẻ, thì chính những giây phút này sơ tâm giao động. Lòng từ bi của Phật, ý niệm yêu thương của mẹ cha.

Bắt đầu phân tách, lý luận, xem hợp lý để bảo vệ và ý niệm xuôi dòng bao giờ cũng nặng hơn. Lắm khi sơ tâm bị chao đảo, hoang mang, gãy đổ, để tự bênh vực cho mình một chuyến đò qua

sông, để lại sau lưng sơ tâm, đờn độc. Nhưng chuyến đò vẫn nằm lì nơi bến. Sơ tâm vẫn lảng lạng để nghe mỗi buổi sáng, tay cầm chuỗi mà lòng thênh thang:

*Cần tảo già lam địa
Thời thời phước huệ sanh
Tuy vô nhân khách đảo
Diệc hữu thánh nhưn hành.*

như một thói thường mà thời làm điếu ai chẳng bước qua.

Một năng lực sống còn. Một ý chí tự tồn bồi đắp cho sơ tâm dường như là phước nghiệp. Tác nghiệp. Duyên nghiệp. Hay Phật pháp nghiệp, mà sự đi tu để làm điếu đâu ai lựa chọn. Chọn làm tiểu để quét lá đa, lá bồ đề, rồi đêm đêm ngủ nơi điện Phật để nghe muỗi mòng vo ve chầm sóc. Ngày hai bữa cơm nơi ngăn cà mèn để nơi nhà trù thì buồn quá. Nhưng cứ thế mà sống. Như vậy mà lớn khôn, cho đến ngày cuối cùng phải sạch nhóm tóc - cái vá của điếu, để làm thầy Sa di mà lòng không mong muốn. Đâu còn cái vá trong vẻ xinh lịch. Còn lại cái gì của đời tươi tắn, hiền hòa với nhóm tóc vất sau tai. Giờ sạch tóc, thấy đầu tròn dĩnh, đạo mạo, trang nghiêm. Mà nào có muốn làm lớn. Thích tiểu quét sân, tưới nước, mà lá cây sứ, mộc lan bên cạnh chánh điện vẫn không thôi rung.

*Lạc điệp tiểu đồng vị tảo
Điều để sơn khách du miên.
Dịch: Lá rụng tiểu đồng chưa
quét*

*Chim kêu sơn khách còn
ngồi.*

Từ giá trị thực nghiệm qua đời sống hằng ngày, kẻ mới phát tâm xuất gia thấy mình quá ư bé bỏng trước nỗi bao la, vô cùng của biển Phật pháp. Lời dạy của Đức Phật thật đơn giản, rõ ràng, thực tiễn qua hành vi đi, đứng, nằm, ngồi, uống, ăn, sinh hoạt, mà cũng có lời dạy siêu tuyệt, ly ngôn, tuyệt tướng, tách khỏi phạm trù đối đãi, tục đế.

Bằng những bước đi chập chững của thời ban sơ, để sau này nghe Đức Phật khen ngài A Nan - Đa văn cường ký: "Phật pháp như đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm." Phật pháp như nước trong biển lớn, chảy vào tâm A



Nan, mà thấy mình bợt bèo, rêu rong. Vì tâm của ngài A Nan lớn quá. Rộng thênh thang như hư không. Bao hàm, dung nạp tất cả. Lời dạy của Phật đâu chỉ riêng trong phạm trù thế gian, mà còn siêu xuất thế gian hơn nữa cho các bậc thánh đệ tử. Cho các hàng đại bồ tát, thượng căn thượng trí, vậy mà ngài A Nan đều nhớ hết. Nhớ để sau này, khi Đức Thế Tôn nhập niết bàn, đích thân ngài A Nan trùng tuyên giáo pháp, kiệt tập kinh điển. Cái tâm của bậc thánh là như vậy. Còn tâm của tiểu quét lá thì sao? Sơ sai. Dễ dôi. Chênh mảng quá! mà có lần tiểu công phu khuya ngủ gục trên mỏ. Lắm lúc hư việc Thầy bắt quỳ hương. Đó là sơ tâm của người phạm. Nhưng dẫu sao tiểu quét lá bồ đề vẫn tin và hiểu rằng: "Phật chúng sanh tâm vô sai biệt" thì đến khi nào đó, tâm tiểu được lắng trong. Tâm chúng sanh không còn, chừng ấy tâm Phật hiển lộ. Tiểu điếu thành Phật. Trong ý nghĩa này, tiểu có nghe:

*"Nhút điểm như tinh tượng
Hoành câu tợ nguyệt tà
Phi mao tùng thứ đắc
Tổ Phật già do tha.
(Một điểm như hình sao
Mốc câu giống trăng tà
Chẳng mang lông đội sừng
Làm Phật cũng do tâm).*

Hình tượng của thời sơ tâm vẫn còn mường tượng. Dòng sông nọ. Mái chùa xưa như vết mòn thời gian lặng mờ trong dĩ vãng.

10 NHÂN VẬT NỔI TIẾNG THẾ GIỚI THEO ĐẠO PHẬT

By **Emily Breder**, *Buddhism Examiner*
Thủy Ngọc lược dịch (theo Examiner.com)

Những người trong danh sách này là những Phật tử thuần thành, nhưng họ không phải là những nhà lãnh đạo tôn giáo. Nhiều nhân vật danh tiếng tự nhận theo đạo Phật và một tôn giáo khác cùng một lúc; những người này không đủ điều kiện nằm trong danh sách này.

Bạn cũng sẽ không tìm thấy tên một số nhân vật cho rằng mình là Phật tử, nhưng lại không có bằng chứng tu tập, không có lời phát biểu, không hoạt động từ thiện, hoặc không gặp gỡ trò chuyện như một Phật tử; do đó họ cũng không có tên trong danh sách này.

1. Lý Liên Kiệt - diễn viên điện ảnh võ thuật Trung Quốc: "Từ một cây sinh ra nhiều nhánh. Những tôn giáo lớn trên thế giới (như Phật giáo và Cơ-đốc giáo) cũng xuất phát từ Cội Nguồn Yêu Thương"



Lý Liên Kiệt

Là một Phật tử Tây Tạng mộ đạo, Lý Liên Kiệt tu tập khí công và thiền định mỗi ngày. Ông là đại sứ Hội Chữ Thập Đỏ của Trung Quốc, và đã thành lập One Foundation Project, một hội từ thiện khuyến khích những người tình nguyện và làm công tác từ thiện. Trang web cá nhân của ông có nhiều bài viết về Phật giáo (PG) và tôn giáo nói chung, và một loạt những câu hỏi các fan hỏi quan điểm của ông về những vấn đề tôn giáo và tâm linh khác.

2. Richard Gere - diễn viên điện ảnh Mỹ: "Chúng ta đều có một điểm chung là đánh giá cao về lòng tốt và lòng từ bi; mọi tôn giáo đều như vậy. Tất cả chúng ta đều hướng về tình yêu thương."

Ngôi sao điện ảnh Mỹ Richard Gere là đệ tử thuần thành của Đức Dalai Lama. Hiện nay ông càng nổi tiếng hơn về những nỗ lực thay mặt cho nhân dân Tây Tạng. Trong trang web của ông, The Gere Foundation Website, ông nói rõ về sự cống hiến của mình cho việc bảo tồn truyền thống PG Đại thừa. Ông đã hoàn thành một việc có ý nghĩa lớn là mang một nhận thức chân chính về đạo Phật đến với phương Tây.



Richard Gere

3. Alice Walker - nhà thơ, tác giả, nhà hoạt động người Mỹ: "Chúng ta không liên hệ với nhau như những con người hoàn thiện, mà như những con người còn nhiều thiếu sót"

Alice Walker, nổi tiếng trên thế giới là một nhà thơ và tác giả của cuốn *The Color Purple* (Màu tím), đã bắt đầu tu tập Thiền định Tây Tạng sau khi bà đọc cuốn *Awakening Compassion* (Lòng từ bi thức tỉnh) của hòa thượng Pema Chodron vài năm trước, tuy rằng bà đã thực hành thiền định từ những năm trước đó.

Bà đi khắp thế giới, thuyết giảng về nhân quyền và nữ quyền ở Trung Đông và châu Phi.

Alice Walker



4. Oliver Stone - đạo diễn, biên kịch người Mỹ: "Nếu nghệ thuật tồn tại như một cuộc hồi sinh tâm linh đối với một quốc gia, thì nó luôn cần nhiều tranh luận, bởi vì nghệ thuật thách thức sự suy nghĩ và tập tục của thời đại và xã hội. Nghệ thuật phải lột trần điều gian dối"

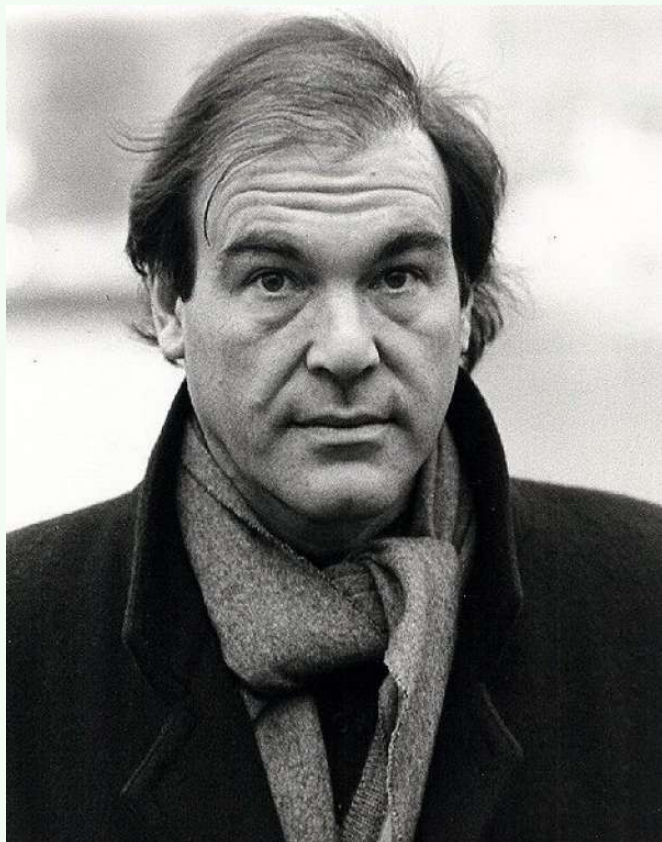
Oliver Stone đến với đạo Phật từ năm 1975, khi đó ông tình nguyện chiến đấu trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Đạo Phật mà người Việt Nam tu tập đã làm ông xúc động, và bộ phim *Heaven and Earth* (Trời và Đất) đã giúp ông tiến một bước quan trọng vào một thế giới rộng lớn hơn. Những bộ phim của ông có khuynh hướng nói về phần xấu ác của con người hoặc một khía cạnh nhân tính cần được giải quyết, chẳng hạn như phim *Greed* (Tham lam) và *Platoon* (Trung đội).

5. Phil Jackson - huấn luyện viên bóng rổ chuyên nghiệp Mỹ: "Tình thương là sức mạnh kích thích tâm linh và kết chặt các đoàn thể lại với nhau"

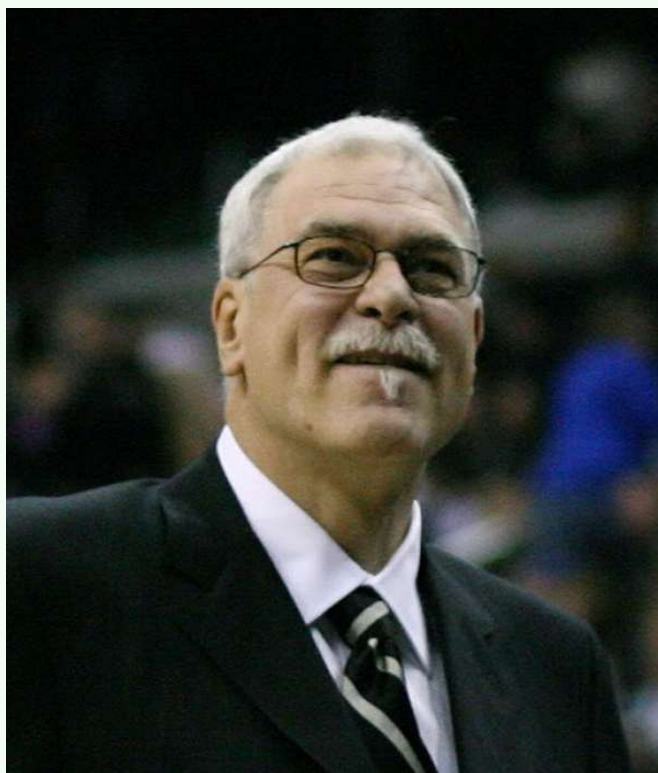
Đã từng là huấn luyện viên của đội bóng rổ chuyên nghiệp của Mỹ Chicago Bulls, và hiện giờ là của đội L.A. Lakers, Jackson đã dùng niềm tin của mình để tạo ra nhiều kỷ lục đáng kinh ngạc trong thể thao. Bằng cách khuyến khích các đội bóng của mình chơi thể thao bằng tình thương và sự chan hòa, Jackson đã hướng dẫn thành công đội bóng của mình phá kỷ lục 70 lần chiến thắng trong một mùa bóng.

Qua đó cho thấy triết lý sống của ông là hoàn toàn đúng: Trước hết phải làm cho tâm được thanh tịnh và không được nhiễu loạn, thì mới có thể có quyết định sáng suốt trong khi thi đấu.

Oliver Stone



Phil Jackson



6. Châu Nhuận Phát - một trong những ngôi sao lớn nhất của điện ảnh Hong Kong: "Nếu mỗi ngày tôi có thể kết giao với những người hiền hòa, thân thiện, tôi rất vui. Nếu tôi không tôn trọng họ, tôi thấy tâm tôi rất khó chịu".

Châu Nhuận Phát giống như một ngôi sao nhạc rock trong nền điện ảnh lãng mạn, kịch truyền hình và phim hành động của Hong Kong. Tên ông đồng nghĩa với sự chính trực và lòng hào hiệp.

Danh tiếng của ông ở phương Tây liên quan đến phim hành động và kịch truyền hình, từ những phim như "Anna and the King" và "Pirates of the Caribbean: At World's End". Ông theo đạo Phật từ nhỏ và đạo Phật đã ảnh hưởng đến những vai diễn cũng như trong đời sống gia đình của ông.



Châu Nhuận Phát



Herbie Hancock

7. Herbie Hancock - nhà soạn nhạc, chỉ huy dàn nhạc người Mỹ: "Bởi vì thời gian là liên tục, từng giây phút luôn khác xa nhau, nên âm nhạc luôn khác biệt"

Là nhà soạn nhạc nổi tiếng, Herbie Hancock bắt đầu tu tập theo giáo phái Nichiren từ 1972. Trong một cuộc phỏng vấn về cộng đồng Beliefnet, Hancock đã mô tả Phật giáo đã nâng cao khả năng sáng tạo của ông như thế nào: "... Nhạc Jazz thật sự là một thí dụ tuyệt vời về những đặc tính vĩ đại của PG và của tâm linh con người. Vì trong nhạc jazz, chúng ta chia sẻ, lắng nghe nhau, tôn trọng nhau, chúng ta đang sáng tạo trong từng giây phút."



Tina Turner

8. Tina Turner - nữ hoàng nhạc rock, nhạc sĩ, diễn viên người Mỹ: "Đôi khi bạn phải biết xả bỏ mọi thứ - để thanh lọc chính bạn. Nếu bạn không được vui về điều gì . . . bất cứ cái gì đã làm bạn thất vọng, hãy loại bỏ nó đi. Bởi vì bạn sẽ thấy rằng khi bạn không còn gì vướng bận, sức sáng tạo thật sự của bạn, chính con người thật sự của bạn sẽ hiện ra."

Tina Turner đã tìm thấy sức mạnh để rời bỏ người chồng cũ đã ngược đãi bà nhờ vào phái Nichiren của PG. Lần phỏng vấn với Larry King đã trở nên nổi tiếng vì Tina đã tụng câu "Nam Myoho Renge Kyo" trước công chúng đã khiến cho giáo phái này của đạo Phật truyền sang phương Tây.

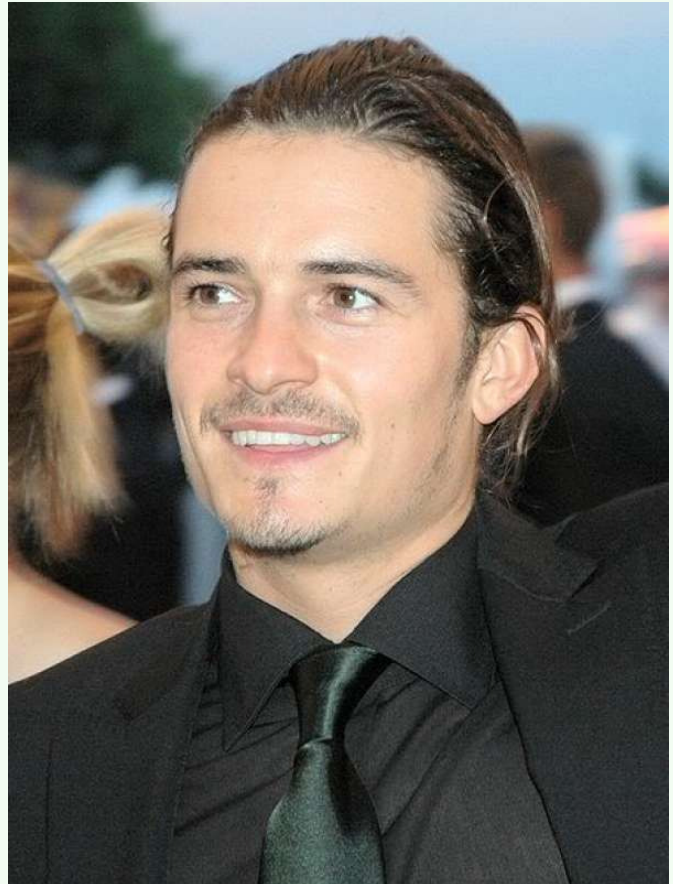
Ông đã bắt đầu một số tổ chức từ thiện để giúp đỡ phòng chống AIDS, giúp tuổi thơ đói nghèo và các quyền động vật. Công tác từ thiện của ông tập trung ở châu Phi.

10. Orlando Bloom - diễn viên người Anh: "Tôi tin rằng bạn chỉ có thể thành người nhờ vào tâm linh"

Orlando Bloom, ngôi sao của bộ phim Lord of the Ring, đã trở thành thành viên của Tổ chức Quốc tế Soka Gakkai, một phái của Phật giáo Nichiren vào năm 2004. Anh cũng là một nhà hoạt động về các vấn đề khí hậu, và đã cải tạo ngôi nhà mình để thích hợp với môi trường.



Steven Seagal



Orlando Bloom

9. Steven Seagal - bậc thầy võ thuật người Mỹ, diễn viên phim tâm linh kết hợp bạo lực: "Hãy cố tìm ra con đường ít đối kháng nhất và sử dụng nó mà không làm hại đến người khác. Hãy sống chính trực và đạo đức, không chỉ với con người mà với tất cả chúng sinh"

Phim hành động của Steven Seagal được biết đến với những chuỗi hành động liên tục và những pha chiến đấu - nhưng điều này nói lên bản chất nhân tử của diễn viên này. Bậc thầy của võ thuật Aikido này thích những kịch bản trong đó người xấu phải thua cuộc và công bình phải thắng thế.

"Bạn cũng sẽ không tìm thấy tên một số nhân vật cho rằng mình là Phật tử, nhưng lại không có bằng chứng tu tập, không có lời phát biểu, không hoạt động từ thiện, hoặc không gặp gỡ trò chuyện như một Phật tử; do đó họ cũng không có tên trong danh sách này."

TOP 10 CELEBRITY BUDDHISTS

By Emily Breder, *Buddhism Examiner*

Famous people practicing Buddhism; not those famous for being Buddhists

The people listed below have a devoted, traditional Buddhist practice but are not religious leaders. There are many celebrities that claim a Buddhist 'influence', being 'drawn to Buddhism', or who a practice of hybrid of Buddhism and another religion; they do not qualify for this list. Likewise, you won't find the names of people who claim to be Buddhists but then don't act like it (ahem, Courtney Love). Many people are rumored to be Buddhist but there is no evidence for their practice; no quotes, charitable works, or interviews that elucidate the issue for proper reference, so they were not included. Enjoy!

Jet Li

"A tree trunk grows branches; in the same way, the major world religions (such as Buddhism and Christianity) spring from the root source of love."

A devoted Tibetan Buddhist, Jet Li practices Qi Gong and daily meditation. He is an ambassador for the Red Cross Society of China, and founded the One Foundation Project, a charity that encourages volunteerism and charitable work. His personal website contains several essays he has written about Buddhism and religion in general, and a series of questions that fans have asked about his stance on religion and other spiritual issues.

Richard Gere

"What we all have in common is an appreciation of kindness and compassion; all the religions have this. We all lean towards love."

Gere is a devoted student of the Dalai Lama, and is now more famous for his efforts on behalf of

the people of Tibet than his movies. His personal website now points directly to The Gere Foundation website, speaking clearly of his dedication to the preservation of the Mahayana tradition and aiding the Tibetan people in exile. He has done monumental work in bringing a more genuine perception of the Buddhist religion to the West.

Alice Walker

"I remember the day I really got it that we're not connected as human beings because of our perfection, but because of our flaws." (Shambhala Sun)

Alice Walker, world-renowned poet and author of *The Color Purple*, began her practice of Tonglen after she read Pema Chodron's *Awakening Compassion* several years ago, but she has practiced various forms of meditation for many years previous. She travels the world speaking out for human rights and more specifically for women's rights in the Middle East and Africa.

Oliver Stone

"If art exists as spiritual revival for the country or the tribe, then it must include controversy, because art must challenge the thinking and fashion of the time and of society. Art must peel back the lie." Oliver Stone's journey to Buddhism began in 1975, when he volunteered to fight in the Vietnam war. The Vietnamese practice of Buddhism moved him at the time, and his more recent movie *Heaven and Earth* helped him take that step into a larger world. His movies tend to be about some personal demon or a facet of humanity which needs to be addressed, such as *Greed* and *Platoon*. The video

tribute below elaborates on his amazing body of work.

Phil Jackson

"Love is the force that ignites the spirit and binds teams together."

Once the coach for the Chicago Bulls and now for the L.A. Lakers, Jackson has utilized his beliefs to create an astounding career in sports. Through encouraging his teams to act with compassion and harmony, Jackson has led his team through a record-breaking 70 wins in one season. His philosophy of calming the chaotic mind in order to make better decisions on (and off) the court is demonstrably a winning one. *"If you meet the Buddha in the lane, feed him the ball."* - Jackson

Chow Yun-Fat

"If I can associate with the people very, very gently very, very friendly every day I'm happy. If I don't pay them respect I feel terrible inside." - from Chow Yun-Fat goes to Hollywood.

Chow Yun-Fat is like a rock star in China-romance movies, dramas, action films. His name is synonymous with integrity and fine acting. His fame in the West is mostly as an action and drama star, from movies like *Anna and the King* and *Pirates of the Caribbean: At World's End*. He was raised a Buddhist in China and it influences his acting, family life, and concerns.

Herbie Hancock

"Since time is a continuum, the moment is always different, so the music is always different."

Famed Jazz musician and composer Herbie Hancock began practicing Nichiren Buddhism in 1972. In an interview on Beliefnet, Hancock describes the way Buddhism

has enhanced his creative process: "... jazz is really a wonderful example of the great characteristics of Buddhism and great characteristics of the human spirit. Because in jazz we share, we listen to each other, we respect each other, we are creating in the moment."

Tina Turner

"Sometimes you've got to let everything go - purge yourself. If you are unhappy with anything . . . whatever is bringing you down, get rid of it. Because you'll find that when you're free, your true creativity, your true self comes out."

Tina Turner found the strength to leave her abusive ex through

Nichiren Buddhism. Her famous interview with Larry King in which she chanted "Nam Myoho Renge Kyo" on air (video below) helped bring this sect of Buddhism to the West.

Steven Seagal

"Try to find the path of least resistance and use it without harming others. Live with integrity and morality, not only with people but with all beings."

Steven Seagal's action films are known for their action-packed sequences and fight scenes- but this belies the actor's gentle philanthropic nature. This Master of Aikido prefers scripts wherein the bad guys lose and justice prevails. He has

started a number of charities to help fight AIDS, childhood starvation and poverty, and animal rights. The concentration of his charitable work is in Africa.

Orlando Bloom

"I believe that you can only grow as a human through spirituality." - from an interview

The heartthrob star of the *Lord of the Rings* trilogy, Orlando Bloom became a member of Soka Gakkai International, an offshoot of Nichiren Buddhism in 2004. He has become an activist of climate issues, and has renovated his homes to be environmentally-friendly.

Xuân bất tận

*Xuân đẹp nhất là mùa xuân bất tận
Hoa nở trong tim và gió đầy lòng
Bình minh đến ngập hồn bao thơ mộng
Bước chân trần về vạn nẻo mênh mông*

*Đời đẹp nhất khi lòng không ràng buộc
Yêu tha nhân, tình yêu chẳng đợi chờ
Ngày tháng trôi đưa, người không mơ ước
Có bao giờ tâm vướng bận buồn lo*

*Chiều sắp tắt còn ngàn tia nắng ấm
Bạn đường ơi, đừng tiếc nuôi xa xôi
Đời vẫn đẹp dù người luôn sân hận
Giòng sông đời huyền diệu lững lờ trôi*

*Xuân đẹp nhất là mùa xuân bất tận
Xuân ở trong ta, xuân của mọi nhà
Tình chân thật xin trao về muôn hướng
Lấy tin yêu hòa vũ trụ bao la.*



TỊNH NGHIÊM - NGHIÊM XUÂN CƯỜNG

Nụ Cười Đầu Năm

TÂM MINH—VƯƠNG THÚY NGÀ

Thưa quý Anh Chị,
Đối với người Phật tử chúng ta, ngày mồng một Tết là ngày vía đức Phật Di Lặc, nên chúng ta thường nói với nhau "Mùa Xuân Di Lặc". Nói đến đức Phật Di Lặc, chúng ta hình dung ra ngay nụ cười hoan hỷ, an lạc của Ngài dù cho lục tặc quây phá (còn chúng ta chỉ cần "nhất tặc" chọc tức một câu thôi cũng đủ nổi tam bành lục tặc lên rồi! làm sao mà cười được đây?)

Nụ cười vì vậy tưởng là dễ nhưng quả thật rất khó, vì nụ cười không phải nở ra từ môi, miệng của chúng ta mà thật sự phải được nở ra từ Tâm của chúng ta. Thật vậy, trong nhân gian, người ta cũng ca tụng nụ cười, không chỉ người Á Đông mà Tây phương cũng thích được tặng một nụ cười, cho nên Phật Pháp rất gần với Tuổi trẻ. Với nụ cười và tất cả những ai thích đem vui đến cho người khác, thích tặng người khác một nụ cười xuất phát từ trái tim mình, họ đều là con cháu của đức Phật Di Lặc, không phân biệt họ thuộc truyền thống tôn giáo nào, phải không thưa quý anh chị? Ngày đầu năm không phân biệt là Tết Dương lịch hay Tết Âm lịch, chúng ta hãy trao tặng cho nhau, cho anh chị em chúng ta, cha mẹ chúng ta, cho người láng giềng, cho người bạn đồng nghiệp, cho các em nhỏ, v.v... một nụ cười (vì "Một nụ cười bằng 10 thang thuốc bổ!").

Thật vậy, nếu có nụ cười sẽ không có chiến tranh - vì hòa bình luôn luôn bắt đầu bằng một nụ cười! Giống y như hai em bé đang giận nhau, nếu một trong hai em mỉm cười trước, thế là hòa bình, thân ái được lập lại ngay! Vì một nụ cười luôn kéo theo một nụ cười khác! Người lớn cũng không khác mấy! - Bởi vì nụ cười mang lại hòa bình, hạnh phúc, tình thương, sự

thông cảm. Và hòa bình, tình thương, thông cảm không thể đến từ một phía, không thể là một chiều mà luôn luôn là hai chiều.

Còn nữa, nhờ có nụ cười dẫn đầu, người ta có thể dang rộng tay ra, có thể dành ra một ít thời gian của mình, chia sẻ với tha nhân một ít tiền bạc của mình, ... Một nụ cười có thể xoa dịu nỗi đau, và đem lại cho chúng ta niềm hy vọng; nó làm xúc động trái tim của kẻ khác và có thể đong đầy trái tim đó bằng bác ái, bằng tử bi... Khi tình thương đã xâm chiếm trái tim mình thì không còn chỗ cho hận thù, giận dữ, tham lam, ganh ghét, đố kỵ... nữa. Nói rộng ra, chỉ có tình thương mới có thể làm cho chúng ta chiến thắng trong một cuộc chiến tranh vì chỉ có tình thương mới có cái khả năng kỳ diệu biến thù thành bạn, biến sự xâm lăng thành sự bảo vệ, đó là lý do đức Phật nói: "*Hận thù không dập tắt được hận thù mà chỉ có tình thương mới dập tắt được hận thù*".

Vì vậy, món quà quý nhất mà bạn có thể tặng cho một

người khác là một nụ cười! Nó không cần phải tốn tiền để mua, nên nó không làm "người cho" nghèo đi, nhưng có thể làm "người nhận" giàu thêm lên và nó đi vào lòng người như một dòng nước mát thấm tận tâm can con người; đó chính là vị ngọt cam lồ mà chúng ta thường nghe: đức Quán Thế Âm dùng nhánh dương liễu nhúng vào nước cam lồ rảy lên những tâm hồn đau khổ, phiền muộn, ăn năn, tuyệt vọng... của chúng sanh làm cho tất cả đau khổ phiền não "bay" đi hết, tâm chúng sanh cảm thấy thanh thản nhẹ nhàng...

Thực tập "rải tâm Từ" của chúng ta cũng gần giống như vậy! Chúng ta hãy nhắm mắt lại, nghĩ về một người bạn nào đó đang bệnh nặng hay đang sầu não, phiền muộn... hãy mỉm cười với họ, chia sẻ "qua không gian" niềm đau, nỗi phiền muộn của họ... Khi đã có thói quen thực hành nghĩ đến người khác rồi, chúng ta có thể "rải tâm Từ" hay tặng một nụ cười đến những người không thân lắm, rồi từ từ đến những người không ưa thích chúng ta, không thuận với chúng ta, v.v...

Xin gửi đến quý anh chị và các bạn, các em nụ cười đầu năm, nụ cười của đức Phật Di Lặc trong ngày mồng một Tết, cầu mong tất cả chúng ta và mọi người trên trái đất này đều nhận được nụ cười của hòa bình, tình thương và hy vọng để xoa dịu nỗi đau vì chiến tranh, hận thù trong cõi Ta-bà này.



TỈNH XÁ NGỌC HÒA

766 South 2nd St., San Jose, CA 95112 * Tel. (408) 295-2436

TÂM THƯ VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG TRUNG TÂM PHẬT GIÁO CHO HOÀ BÌNH

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ngưỡng bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni
Kính thưa quý Phật tử, quý Đồng hương thân mến,

Một vùng đồi núi xinh đẹp, 42 mẫu đất tại thung lũng Hoa vàng San José, tiếp ranh Milpitas, gần xa lộ 680, đang khởi phát một thắng duyên hy hữu cho một ngôi Đại Tòng Lâm có tầm vóc tại vùng Bắc California.

San José được mệnh danh là Thủ đô của người Việt Tỵ nạn với chừng 100,000 đồng hương định cư. Cùng với đông đảo cư dân người Việt ở các thành phố lân cận, mà đại đa số là Phật tử, là một thực tế thôi thúc việc tạo lập một Đạo Tràng có kích thước và hội đủ hai yếu tố tương duyên về mặt hoàng pháp: vừa trang nghiêm thanh tịnh, vừa không quá cách xa phố thị. Hai tiêu chuẩn này cung ứng cho đại chúng Phật tử cơ hội thuận lợi cho việc tu học và sinh hoạt đời thường. Với tiêu chuẩn lợi đạo thuận đời này, Trung Tâm sẽ là địa bàn khả thi cho những sinh hoạt tu tập và khả dĩ tổ chức những Kỳ Đại Hội, Đại Lễ Phật Đản... và Đất Trại cho các trại Huấn Luyện của tổ chức Gia-Đình-Phật -Tử...Cũng là nơi có triển vọng tổ chức các sinh hoạt về văn hoá, giáo dục, xã hội như các lớp học Tiếng Việt, luyện thi; Phòng trị liệu Đông Y và Châm Cứu...

Hai vợ chồng người Mỹ, hẳn đã có duyên nợ với người Phật tử Việt Nam và hẳn đã có duyên lành với Phật, đã phát tâm hỷ cúng một vùng sơn lâm rộng lớn 42 mẫu, với giá tương trưng non một triệu dollars chỉ để hoàn tất khoản thuế đất. Cơ duyên hiếm có này, đã chiêu cảm và khai phát cho duyên sự lớn lao này. Với sự nhiệt tình hy hiến cúng dường của quý Phật tử bốn phương và địa phương, đang là một thắng duyên công đức hướng về Tiên đồ sáng rỡ của sinh hoạt Phật Giáo vùng Bắc California.

Nơi đây, một giao cảm hài hoà giữa Trời cao và Đất bằng, giữa sơn khê và phố thị, giữa Mộng và Thực, giữa Đời Thường và Chí Nguyện Xuất Gia; đích thực là một trú xứ lý tưởng cho hạnh nguyện " thượng cầu Phật đạo, hạ hoá chúng sanh"

BAN VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG TRUNG TÂM PHẬT GIÁO CHO HOÀ BÌNH ước mong chư Phật tử bốn phương chung cùng một tấm lòng thương Phật mộ Pháp, nhiệt tình đóng góp tài năng và phương tiện cho vận hội hiếm có này. Tay trong tay, lòng nối lòng, xin cùng nhau ghi lại giữa lòng núi Phật một dấu ấn thân thương công đức cho tiền đồ Đạo Pháp.

Quý Phật tử, quý Đồng hương phát tâm cúng dường, hoặc muốn biết thêm chi tiết cho Phật sự cúng dường, xin liên lạc Tỉnh xá Ngọc Hoà, địa chỉ 766 South 2nd Street, San Jose, CA 95112 và số điện thoại (408) 507-2363 hoặc (408) 295-2436.

Xin tha thiết kêu gọi đóng góp một bàn tay, một tấm lòng cùng xây dựng ngôi nhà Phật Pháp.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trân Trọng Kính Chúc An Lạc

Thích Nữ Tiến Liên



Đầu Xuân đọc thơ Thiên

CƯ SĨ NGUYỄN GIÁC

Bướm

*Xuân về hoa bướm gặp nhau đây,
Hoa bướm phải cần họp lúc này.
Hoa bướm xưa nay đều là huyễn,
Giữ tâm bền chặt bướm hoa đây.*

GIÁC HẢI (Thế kỷ 11-12) –
Bản dịch HT Thanh Từ

(BÌNH: Tất cả các say đắm buộc chúng ta vào thế giới này, y hệt như bướm lượn quanh hoa. Bạn gặp một thiếu nữ đẹp, nói chuyện vui đùa với nàng, và khuôn mặt dễ thương của nàng có thể đã in vào trí nhớ bạn trong nhiều thập niên về sau. Khi bạn già đi, trong khi bạn chờ chết trên giường bệnh, hình ảnh nàng trong trí nhớ bạn vẫn thơ trẻ và dễ thương cho dù trong đời thực, nàng hẳn phải là một bà cụ tóc bạc và da nhăn. Nếu bạn có một niệm chấp giữ lấy hình ảnh thơ trẻ và dễ thương đó, bạn không có cách nào giải thoát ra khỏi cõi đau khổ này. Nhưng bạn cũng đừng tìm cách xóa đi hình ảnh đó trong tâm bạn. Đừng tìm cách xóa đi bất cứ gì trong tâm bạn, bởi vì điều đó bất khả và không thích nghi. Và bởi vì hình ảnh đó trong bản chất lại là tánh không rỗng rang. Hãy nhận ra định luật duyên khởi, hãy nhìn thấy tánh không của vạn pháp – đó là thiên đạo. Hãy mở hai mắt bạn ra, và nhìn thấy nó.)

Butterflies

With the spring coming back, butterflies and flowers meet here.

Urged by timely passions, butterflies and flowers unite.

All butterflies and flowers, since infinite time, have been illusions.

You should keep your mind unmoved, despite all the butterflies and flowers.

GIAC HAI (circa 11th century)

(COMMENT: All passions tie us to this world, just like butterflies hovering around flowers. You see a beautiful woman, have a nice talk with her, and her lovely face might be imprinted in your memory for decades. While you grow old, while you are waiting to die in bed, her image in your memory is still young and lovely even she in real life must be an old woman with white hair and wrinkles. If you have a thought of clinging to that young and lovely image, you have no way to break free from this suffering realm. But you should not try to empty that image from your mind. Don't try to empty anything from your mind, because that is impossible and unsuitable. And because that image is empty in nature. Just realize the law of dependent origination, just see the emptiness nature of all things – that is the way of meditation. Open your eyes, and see it.)

CÚC HOA

Bằng quên thân thể chẳng hề vương

*Lặng lẽ ngồi lâu lạnh thấu giường
Năm hết trong non không sẵn lịch*

Nhìn xem cúc nở biết trùng dương.

HUYỄN QUANG (1254-1334)
– Bản dịch HT Thanh Từ

(BÌNH: Đức Phật dạy chúng ta giữ tâm vô sở trụ. Nghĩa là chúng ta đừng dính mắc vào bất cứ gì, cho dù là kinh điển hay các vị Thiên Sư; Còn như, dính mắc vào bất cứ gì, có nghĩa là dính mắc vào một hình thức ngã chấp. Làm sao chúng ta có thể không dính mắc vào bất cứ gì? Chúng ta sống trong thế gian này, mang tam độc sẵn trong máu, và luôn luôn dính mắc vào những gì đó.

Chúng ta được dạy từ thơ ầu là hãy tự hào về đất nước vinh quang của mình, về tôn giáo ân sủng của mình, về các Thiên Sư nổi tiếng của chúng ta, về thành công, và vân vân...

Chúng ta tự hào về những chuyện gì đó trong quá khứ, về các giải thưởng thắng được hôm qua, về các bài thơ hay chúng ta viết năm ngoái, và về kỷ niệm ngọt ngào chúng ta đã có với những người chúng ta yêu thương. Chúng ta cũng bực bội về nhiều chuyện quá khứ, về tuổi trẻ nghèo khó mà chúng ta trải qua, về các lời chỉ trích bất công nhắm vào chúng ta, và về các kỷ niệm cay đắng khi những người chúng ta yêu thương rời bỏ ra đi.

Chúng ta cũng thêm muôn có những gì đó trong tương lai, muốn nổi tiếng hay vinh quang. Chúng ta sống nơi đây bây giờ, nhưng các niệm trong tâm chúng ta cứ lang thang từ giấc mơ này sang giấc mơ kia, về hướng một tương lai hào hứng. Và chúng ta sợ hãi những tương lai chưa rõ, bất định.

Thêm nữa, sống trong thế gian này, chúng ta phải thực dụng nghĩ về tương lai, phải viết một cuốn sách các bài kinh để cầu nguyện cho người mà chúng ta yêu thương, phải tụng kinh với các con chúng ta hàng ngày để vun trồng tương lai tâm linh của chúng, và vân vân. Chúng ta phải định kế hoạch, phải nghĩ về tương lai, hay phải để giành tiền để mua một chiếc xe vào tháng tới. Chúng ta phải hoạch định cho tương lai, nhưng nhớ đừng có dính mắc vào bất cứ gì trong tương lai. Hãy bình lặng, tĩnh thức.)

Daisies

Clinging to nothing, forgetting body and life,

I sat quietly so long that the

cold chill spread the bed.

As years passing by in mountain,
without a calendar,
I saw daisies blooming and
knew the autumn coming.

HUYEN QUANG (1254 – 1334)

(COMMENT: Buddha urged us to cling to nothing. That means we should not cling to anything, even to the scriptures or the Zen masters; Clinging to anything means clinging to a form of self-grasping. How can we cling to nothing?

We live in this world, have in blood the three poisons, and always cling to something.

We are taught from childhood to take pride in our glorious nation, in our blessed religion, in our famous Zen masters, in being successful, and so on.

We are proud of something in the past, of the trophy we won yesterday, of the beautiful poems we wrote last year, and of the sweet memories we had with those we loved. We are also resentful of something in the past, of the childhood poverty we lived in, of the criticism unfairly against us, and of the bitter memories we had when our loved ones leaving.

We also desire for something in the future, for the fame or the glory. We live here now, but our thoughts wander in dream after dream towards an exciting future. And we are scared of some future unknown, uncertain.

Also, living in this world, we have to practically think of the future, have to write a book of prayers for someone we love, have to chant the sutras with our children daily to nurture their spiritual future, and so on. We have to plan, have to think of the future, or have to save money to buy a car next month. We must plan something for the future, but we should not cling to anything in the future. Just be serene and awake.)

(trích từ tác phẩm "Những Lời Dạy từ các vị Thiền Sư Việt Nam Xưa" của Cs Nguyễn Giác)

Cõi hồn gầy guộc

*chim chuyền nhành gió bay xa
liễu sa hồ khóc duyên ta nhạt màu
tình người, ngọn sóng tan mau
hồn em gầy guộc như cau vườn nghèo
tàn đông tựa cửa nhìn theo
đầu xuân áo mới đành treo hứng sầu
sớm, trưa, ngời, đứng, lòng đau
buồn len mạch máu buồn vào ngăn tim
ví dầu tình chỉ lửa rom
đĩa gừng chén muối trót bung một lần
phụ nhau giữa buổi còn xuân
phụ nhau trời đất phong trần từ đây.*



NGUYỄN THỊ MINH THỦY

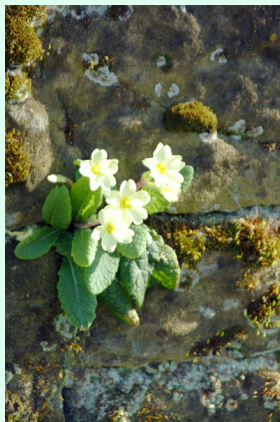
Tình Xuân

*Xuân pháo đỏ cúc vàng bánh tét
Con thơ cười giữa tiếng trống lân
Khói nghi ngút giữa nhang và pháo
Chan hòa trong nắng ấm tình xuân*

*Xuân pháo đỏ cúc vàng mứt kẹo
Tiếng Mẹ già khăn vải giữa trời
Lòng thành kính hướng về quê mẹ
Cầu bình an bên nớ bên ni*

*Xuân pháo đỏ cúc vàng hoa rượu
Hương hoa nào Ba uống chưa say
Sáng tình mơ giọt sương hiện hữu
Vừa giặt mình nửa kiếp vội bay*

*Xuân pháo đỏ cúc vàng bánh tét.
Nét cổ truyền dân tộc Việt Nam
Cây có cội, nước có nguồn"
Tổ tông bất diệt tâm hồn Việt ta.*



BẠCH XUÂN PHỄ

Hôm qua đã không còn

CHÂN HIỆN TÂM

Lâu lắm rồi, thời gian trong quá khứ đã không còn trong tôi. Không có ngày hôm qua, hôm kia hay hôm kia như trước đây đã từng có. Những gì đã qua trong đời, không có một mốc thời gian để ấn định.

Sự việc xảy ra sáng nay, nếu có thể nhớ lại sẽ đồng với sự việc của ngày hôm qua, hôm kia hay trước nữa. Những sự kiện chỉ là những điểm nhỏ đồng hiện trong tâm. Không có trước sau, không có một mốc thời gian cố định cho các sự việc như trước kia đã có. Muốn biết về thời gian đã qua, tôi phải sắp xếp lại các sự kiện, nhưng cũng mơ hồ không rõ nét...

*Nhân vật cố hữu thời
Ly vật hà hữu thời
Vật thượng vô sở hữu
Hà hưởng đương hữu thời.
(Nhân vật nên có thời
Lìa vật sao có thời
Vật còn vô sở hữu
Hà hưởng là có thời).*

Bồ tát Long Thọ đã nói như thế về thời gian: "Nhân vật nên



có thời". Vậy thì việc tôi phải sắp xếp lại các sự kiện để tự lượng định cho mình một thời gian trong quá khứ không phải là chuyện lạ. Vậy mà nhỏ bạn, khi nghe tôi nói về những điều đó, đã rờ trán tôi: "Mi nói cấy chi mà không có ngày hôm qua, hôm kia, không có quá khứ trong mi? Mi có vấn đề chi với thời gian? Trí nhớ mi tao thấy vẫn tốt mờ. Đâu có *tung* mà nói với tao điều đó".

Con nhỏ không hình dung ra được những gì tôi đang trải qua.

Và con nhỏ cũng không hình dung nổi cái gọi là quan hệ nhân duyên mà Bồ tát Long Thọ đã nói. "Nhân vật nên có thời" là nương nhờ những sự kiện mình thấy hiện nay trong không gian mà nói là có thời gian. Thấy cây sinh trưởng từ nhỏ đến lớn. Thấy quá trình hình thành và hoại diệt của một vật. Đứa trẻ, là thời quá khứ của tôi. Chết, là thời vị lai của tôi. Trong cái mốc gọi là hiện tại thì quá khứ, hiện tại và vị lai vẫn diễn biến không ngừng. Ba thời gắn liền với quá trình sinh trưởng của tôi, từ khi sinh cho đến khi chết. Nếu không có sự thay đổi đó ở các vật thể, mình không thể nhận biết có thời gian.

Thời gian không phải là một pháp độc lập như Newton đã nói. Ừ, tất cả đang cảm nhận thời gian trôi đi, không phải vì nó có một tướng xác định cho riêng nó mà là nhờ vào những sự kiện đã xảy ra. Là pháp nhân duyên nên "Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không". Không có quá trình sinh trưởng đó thì cảm nhận về thời gian cũng không. Quá khứ trong tôi không còn, không phải là chuyện lạ.

Việc sắp xếp lại các sự kiện để hình dung ra một quá khứ trong tôi cũng là đang nương vào những sự kiện mà hình thành nên thời quá khứ của chính tôi.

Nếu không có sự kiện nào để đánh dấu, hoặc tôi lỡ quên đi vài sự kiện nào đó của một quá trình thì quá khứ của tôi coi như tan biến, chỉ còn đọng lại những niệm tưởng. Tôi chỉ có thể hình dung thời gian theo những gì đang có trong hiện tại. Ánh sáng ban mai báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Những vạch nhỏ điểm trên đồng hồ báo hiệu một ngày dài sắp hết. Và rồi, nếu trong tôi những sự kiện đã xảy ra trong ngày hôm đó không được lưu giữ thì một ngày mới - cái gọi là hiện tại - lại bắt đầu tiếp tục, để những gì đã xảy ra không tồn tại trong tôi.

Nhỏ chăm chú nghe tôi giải thích từng chút, cũng gật đầu đồng ý với những biện luận của tôi về quá trình nhân quả của một sự việc, nhưng lại nhìn vấn đề theo một cách khác. Vẫn là cách mang hơi hướm độc lập của Newton. Thấy "Sự vật có tự tính và xuất hiện một cách độc lập với thời gian" in hình quá sâu trong tiềm thức con người. Có lẽ, do quá trình lịch sử tồn đọng được truyền thừa qua hàng ngàn năm của thế giới, khiến ta tin rằng thời gian là thứ gì đó thường hằng, là nền tảng xuyên suốt và chi phối tất cả. Con người dù có mất đi, thời gian vẫn còn đó để mọi việc được nối tiếp. Có lẽ, do nghiệp thức mang tính "phần đoạn sinh tử" của con người mà pháp nhân duyên ở thế gian trở thành những vật thể độc lập, tách biệt, như đang có cho riêng mình một tự thể. Mọi thứ sinh sinh diệt diệt nhưng thời gian vẫn nguyên đó, như con đường trải dài chứng kiến mọi thứ ngang qua, không can hệ gì đến nó(1).

Luận Đại Trí Độ nói về kiến chấp của người thời xưa tương tự như thế: "Có người cho rằng thời gian là nguyên nhân không thay đổi, là thực hữu, là vi tế không thể thấy, không thể biết, chỉ do



kết quả của hoa trái mà biết có thời gian. Thời gian không thể thấy mà biết chắc có thời gian, vì nhìn quả biết nhân". Cũng biết phải nương vào vật mới thấy có thời gian, nhưng thay vì nhận ra quan hệ nhân duyên giữa chúng, thì ta lại nhìn các hiện tượng ấy như là những biểu hiện cho một bản thể trôi chảy không ngừng, rồi gọi cái bản thể ấy là thời gian.

Ngày nay, ngành Vật lý hiện đại đã nói đến tính duyên khởi của thời gian và không gian như sau: "Trong vũ trụ Einstein, không gian và thời gian gắn bó khăng khít không thể rời. Thời gian duy nhất và phổ quát trong vũ trụ Newton bây giờ đã được thay thế bằng nhiều thời gian riêng và hoàn toàn khác nhau trong vũ trụ Einstein... Một giây đối với người ngoài trái đất, có thể sẽ là vĩnh viễn đối với chúng ta. Một giây cũng có thể thành một giờ, một năm, một thế kỷ... tùy thuộc vào vận tốc bỏ chạy của các thiên hà. Thời gian đã mất đi tính phổ quát của nó. Cũng như không gian, thời gian trở nên đàn hồi. Nó dài ra hay ngắn lại tùy theo chuyển động của người đo nó"(2). Thời gian không mang tính phổ quát để có thể làm "nguyên nhân

không thay đổi" của mọi vật. Vì nó không có tự thể của riêng nó mà lệ thuộc vào không gian. Một giây ở trái đất khác với một giây ngoài trái đất. Vì điều kiện ở trái đất không giống với điều kiện ngoài trái đất. Không cần ngoài trái đất, ngay chính trên trái đất này, thời gian cũng đã chậm lại ở những nơi có trọng lực lớn. Người ở tầng trệt, quá trình lão hóa của họ sẽ chậm hơn so với người ở tầng cao. Nhưng sự khác biệt đó về thời gian là vô cùng bé. Sai khác tổng cộng tích tụ trong một đời người chưa đầy một nhịp đập của trái tim. Vì thế, sự chậm lại của thời gian do trọng lực không thể được nhận biết trong cuộc sống thường nhật(3).

Những sai khác đó không phải đến bây giờ, khi khoa học tiến triển, con người mới tìm thấy. Xưa, Từ Thức dạo non tiên chỉ mất mấy ngày, nhưng khi trở về cảnh vật đã đổi thay, xóm làng đã qua mấy đời con cháu. Dù chỉ là một truyền thuyết thì câu chuyện cũng đã nói đến sự sai khác thời gian trong các thế giới. Trong kinh *Tạp A Hàm*, tập 3, các bài kinh 861, 862 và 863 cũng nói về điều này: "Một ngày một đêm ở cõi trời Đâu Suất bằng 400 năm ở thế gian. Một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc bằng 800 năm ở thế gian. Một ngày một đêm ở cõi trời Tha Hóa bằng 1.600 năm ở thế gian".

*Thời trụ bất khả đắc
Thời khứ diệc khả đắc
Thời nhược bất khả đắc
Vân hà thuyết thời tướng?
(Thời trụ không thể được
Thời đi cũng không thể
Thời nếu bất khả đắc
Làm sao nói tướng thời?)*

"Bất khả đắc", hiểu nôm na là "không thể được". Có khi dịch là "không thể nắm bắt". Thời gian là thứ không thể nắm bắt. Vì thế, không thể lấy tướng "trụ" hay tướng "đi" làm tướng thực của thời gian. "Trụ", chỉ cho trạng thái tĩnh của thời gian. "Đi", chỉ cho trạng thái động của thời gian. Đó là hai tướng tương đãi (đối đãi) của một pháp. Thời gian dừng trụ, với cái nhìn cảm quan của ta hiện nay, điều đó là

không có. Nếu thời gian dừng trụ thì không có quá khứ, hiện tại và vị lai, tức không có thời gian, không thấy mọi vật sinh trưởng như hiện nay.

Nói thời gian đang trôi có vẻ hợp lý hơn. Nó là cái thấy của hầu hết chúng ta trong thế giới này. Đó là loại "thời gian tâm lý" mà giáo sư Trịnh Xuân Thuận đã nói trong *Giai điệu bí ẩn và con người đã tạo ra vũ trụ*: "Chúng ta hình dung thời gian như nước trong một dòng sông chảy, như những gợn sóng trên mặt sông đi qua. Trên con thuyền thả neo đứng bất động trong hiện tại, chúng ta nhìn dòng sông thời gian trôi qua, những con sóng quá khứ lùi xa và những con sóng tương lai xô tới. Chúng ta thừa nhận cho thời gian một chiều không gian... Và chính sự biểu diễn như thế, sự chuyển động của thời gian đối với chúng ta trong không gian cho chúng ta cảm giác về quá khứ, hiện tại và vị lai... Cái thời gian chủ quan hay tâm lý ấy, tất cả chúng ta phải gánh chịu. Sự phân biệt như thế giữa ba thời chi phối cuộc sống của chúng ta...". Với cái nhìn của Long Thọ thì "Thời gian đi không thể" là muốn nói loại thời gian ấy không mang tính phổ quát. Đó chỉ là cái thấy về thời gian trong điều kiện tâm thức hiện tại. Nếu điều kiện liên đới thay đổi thì hiện tượng đó chưa chắc đã còn. Vì thế, tướng ấy không phải là tướng thực của thời gian.

Các nhà vật lý hiện đại thì nói về loại "thời gian tâm lý" ấy như sau: "Quan niệm như thế về thời gian - tức là sự chuyển động của nó đối với ý thức bất động của ta, hay tương đương như thế, là sự chuyển động của ta đối với thời gian bất động - không phù hợp lắm với các nhà vật lý hiện đại. Vì nếu thời gian có chuyển động thì vận tốc của nó là bao nhiêu? Một câu hỏi quá ư vô lý. Mặt khác, quan điểm cho rằng chỉ có hiện tại là tồn tại, chỉ có nó là thực tại, lại không tương thích với sự phá bỏ thời gian cứng nhắc và tương đối bởi thuyết Tương đối. Quá khứ và tương lai cũng thực như hiện tại vì Einstein đã nói quá khứ

của một người có thể là hiện tại của một người khác và là tương lai của một người khác nữa". Từ đó hình thành nên một cái nhìn mới đối với thời gian mà chưa vị gọi là "thời gian vật lý": "Sự phân biệt giữa quá khứ, hiện tại và vị lai từ nay không còn hữu dụng. Tất cả mọi thời điểm đều có giá trị như nhau... Vì các khái niệm của quá khứ, hiện tại và vị lai bị loại bỏ, nên thời gian không cần chuyển động nữa. Nó không trôi nữa mà đơn giản nằm đó bất động như một đường thẳng kéo dài vô tận về cả hai phía...". Vật lý hiện đại nói thời gian bất động không trôi nữa. Với Long Thọ, "Thời gian trụ không thể". Tức bất động, nếu có, cũng chỉ là một hiện tượng khác của thời gian khi điều kiện thay đổi. Như nước trong điều kiện nhiệt độ cao thì thành hơi, trong điều kiện nhiệt độ thấp thì thành đá. Đó cũng không phải là tướng thực của thời gian. Bởi nếu "trụ" là tướng thực của thời gian thì tướng ấy phải bất biến, thường còn, không cho phép ta tìm thấy một tướng khác khi điều kiện thay đổi. Song tướng thời gian mà "tất cả chúng ta phải gánh chịu đây" không phải là tướng bất động mà là tướng trôi chảy.

Tướng thực của thời gian thì... vô tướng. Nhờ cái "vô tướng không tánh" đó mà thời gian có thể sinh khởi nhiều tướng khác nhau khi đủ duyên. Nói theo *Lãng Nghiêm*, tướng thực của thời gian thì "phi đó mà tức đó", không phải các tướng đó nhưng không lìa các tướng đó. Nói theo "Bát bất" của *Trung Luận* thì thời gian "không đi cũng không trụ". Theo *Bát Nhã Tâm Kinh* thì "Tướng không của...". Tướng không ấy, không phải là đối tượng (sở kiến) của nghiệp thức chúng sinh. Những gì ta thấy được đều là hiện tượng tùy duyên. Chỉ là tùy điều kiện liên đới mà xuất hiện các hình thức thời gian khác nhau, gom lại không ra ngoài tứ cú mà người xưa đã nói: "Đi, trụ, vừa đi vừa trụ, không đi không trụ".

Để chấm dứt bài viết, xin kể một câu chuyện: Đứa cháu, được mẹ dẫn đi chơi qua các chùa và

nhà thờ. Qua các hình tượng Phật và Bồ tát, nó hỏi "Ai vậy mẹ?". Mẹ nhóc đều trả lời "Phật". Đến Nhà thờ Đức Bà, nhóc lại hỏi: "Ai vậy mẹ?". Mẹ nhóc, do đang bận nói chuyện với bạn, nên trả lời cho xong: "Phật". Nhóc buột miệng nói: "Chỉ có một Phật mà nhiều mặt vậy thì toàn đồ giả rồi". Chỉ là câu nói của một đứa trẻ nhưng nó chứa đựng ý nghĩa Duyên khởi sâu xa trong đó. Thứ gì theo duyên mà

hiện thì đều không thực, chỉ như mộng, huyễn, bào, ảnh. Thời gian không ra ngoài lệ ấy.

Chân Hiền Tâm

(1) Đây chỉ là một ví dụ nói về cái chấp của người đời.

(2) "Giai điệu bí ẩn và con người đã tạo ra vũ trụ" của Trịnh Xuân Thuận.

(3) "Giai điệu bí ẩn và con người đã tạo ra vũ trụ" của Trịnh Xuân Thuận.



Đi qua năm tháng

*Đi qua năm tháng mệt nhoài
Nỗi buồn ở lại, nụ cười bay đi
Chợt nhìn khắc khổ trên tay
Thấy hoa vừa nở đã đầy sắc hương
Đi qua năm tháng yêu đương
Mộng mơ trốn chạy, vô thường ghé thăm
Con tim đã mỏi bao rằm
Đêm nghe ngưng nhịp lặng câm với tình
Đi qua năm tháng du hành
Chén cơm manh áo đầu xanh bụi đời
Sắc không không sắc đời người
Vẫn ngậy ngô với khúc cười trần gian
Đi qua năm tháng lang thang
Rượu xưa còn thấm tim gan chập chờn
Nhập nhoà hình bóng cố nhân
Ta ngồi ru mãi muôn lần tình xa
Đi qua năm tháng đi qua
Giờ im phẳng phắc chỉ ta với hồn
Hồn còn bận bận lon ton
Ta nằm xuống ngủ cho tròn giấc mơ.*

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

Sách được soạn thảo dựa vào hai tài liệu của Cơ Sở Giáo Dục Phật Giáo Nước Anh (Buddhist Education Foundation, UK) là: Phật Học Cấp 1 (Buddhism – Key Stage One, 2000) và Phật Học Cấp 2 (Buddhism – Key Stage Two, 2002).

Nguyên tác viết bằng tiếng Anh bởi các tác giả Jing Yin, Ken Hudson và W. Y. Ho. Minh họa bởi Yanfeng Liu.

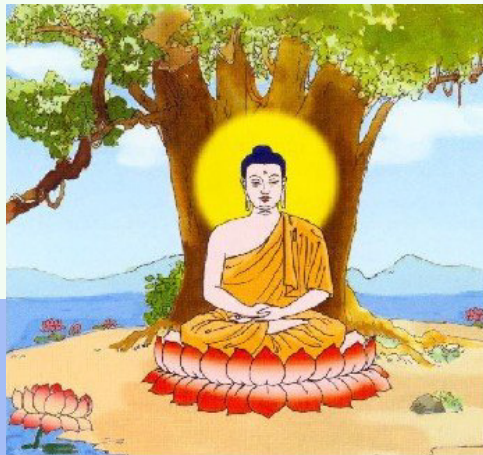
Theo hai tài liệu được tham khảo nói trên thì nội dung được viết dành cho các em từ 5 tới 7 tuổi (soạn giả Tâm Minh ghi lại trong phần đầu sách

dịch) và dành cho các em từ 7 tới 11 tuổi (từ trang 60 đến cuối sách dịch.)

Soạn giả Tâm Minh khi chuyển dịch sang tiếng Việt đã nhằm dịch thật sát nghĩa và sử dụng những từ ngữ thông thường đơn giản để các em dễ hiểu.

Ước mong rằng trẻ em gốc Việt tại nước ngoài sẽ dễ dàng đến với Đạo Phật qua phần tiếng Anh và học được thêm tiếng Việt qua phần phiên dịch.

DIỆU PHƯƠNG—2011



INTRODUCTION

We know that as a child, the Buddha was troubled by some of the same thoughts as children have today. Children wonder why they get sick. They wonder why their grandfather died. They wonder why some people are poor, while others are rich. They wonder why their wishes do not come true. Children also wonder at the beauty and happiness of life.

Because the Buddha knew what was in the hearts of children and mankind, he showed us how to live a happy and peaceful life.

Buddhism is not about learning strange beliefs from faraway lands.

It is about looking at and thinking about our own lives. It shows us how to understand ourselves and how to cope with our problems.

Buddhism is not based on superstition. It teaches us to rely on our own efforts if we want to better ourselves. The Buddha taught tolerance of other faiths and compassion to all living creatures.

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng ta biết rằng khi còn trẻ, Đức Phật đã có một số thắc mắc giống như các trẻ em suy nghĩ ngày nay. Trẻ em tự hỏi tại sao các em lại bị đau bệnh. Các em tự hỏi tại sao ông của các em lại chết. Các em thắc mắc tại sao một số người thời nghèo khổ, trong khi một số khác thời giàu có. Các em thắc mắc tại sao những mong ước của các em không được thể hiện. Trẻ em cũng thắc mắc về cái đẹp để và cái hạnh phúc của cuộc đời. Bởi vì Đức Phật biết rõ những gì trong tâm hồn của trẻ em và nhân loại, ngài chỉ dạy cho chúng ta làm cách nào để sống một cuộc đời hạnh phúc và bình an. Đạo Phật không phải là việc học hỏi những niềm tin kỳ lạ từ những vùng đất xa xôi. Đạo Phật xem xét tới và suy nghĩ về chính cuộc đời của chúng ta. Dạy cho chúng ta làm cách nào để hiểu về chính chúng ta và làm thế nào để đối phó với những vấn đề của chúng ta. Đạo Phật không đặt nền tảng vào sự mê tín. Đạo Phật dạy chúng ta phải dựa vào những nỗ lực của chính mình nếu chúng ta muốn tự tiến bộ hơn. Đức Phật dạy nên hòa đồng với các tín ngưỡng khác và có tình thương với tất cả mọi sinh vật.

1 THE BUDDHA ĐỨC PHẬT

THE BUDDHA:

He is the founder of Buddhism.
He found the Truth.
He is the most honoured person in Buddhism.
He represents wisdom.
He taught us how to find happiness through wisdom and love.

BUDDHISM:

Buddhism is the teachings of the Buddha.
He was a wise teacher.
His teachings help people to live wisely and happily.
Today, more than 500 million people in the world follow his teachings.
In this unit, we are going to tell you the story of the Buddha.

ĐỨC PHẬT:

Ngài là người sáng lập ra Đạo Phật.
Ngài khám phá ra Chân lý.
Ngài là người được tôn kính nhất trong Đạo Phật.
Ngài tượng trưng cho trí tuệ.
Ngài dạy chúng ta làm cách nào để tìm được hạnh phúc bằng trí tuệ và tình thương yêu.

ĐẠO PHẬT:

Đạo Phật là những lời dạy của Đức Phật.
Ngài là một ông thầy thông thái.
Những lời dạy của ngài giúp cho mọi người sống một cách khôn ngoan và hạnh phúc.
Ngày nay, có hơn 500 triệu người trên thế giới theo những lời dạy của ngài.
Trong phần này, chúng tôi sẽ kể cho các em nghe câu chuyện về Đức Phật.

About 2,600 years ago, there lived a great king named Suddhodana. He had a pretty wife called

Maya. They lived at the bottom of the H i m a l a y a n Mountains in northern India.

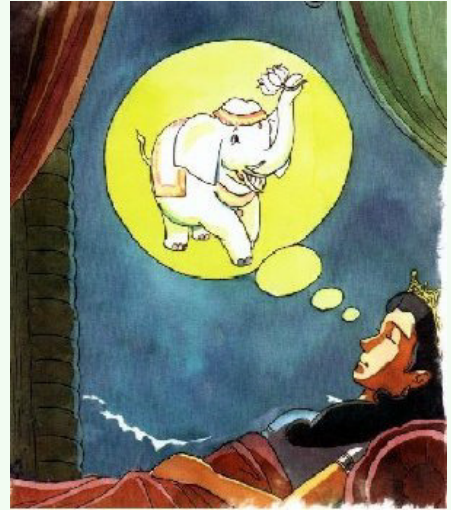
Vào khoảng 2.600 năm trước đây, có một ông vua vĩ đại tên là Vương Đâu Đà N à (Suddhodana). Ông có một người vợ đẹp

tên là Ma Da (Maya). Họ sống tại chân Núi Tuyết ở phía Bắc nước Ấn Độ.



One night, Queen Maya had a wonderful dream. She saw a huge white elephant come into her room. It was holding a lotus flower. The elephant blew its trunk as it was walking round her bed three times.

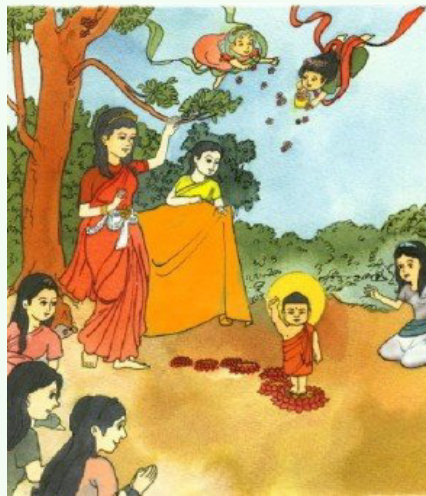
Một đêm, hoàng hậu Ma Da có một giấc mơ tuyệt vời. Bà nhìn thấy một con voi trắng to lớn đi vào trong phòng của bà. Voi mang theo một bông hoa sen. Voi tung vòi của nó khi nó đi quanh giường của bà ba lần.



In the morning, the king asked his wise men about the queen's dream. They said, "Oh King! A great son will be born to Queen Maya." The king and queen were very happy with this news.

Vào buổi sáng, ông vua hỏi các nhà thông thái của ông về giấc mơ của hoàng hậu. Họ nói, "Thưa Đức Vua! Hoàng hậu Ma Da sẽ sinh ra một người con trai vĩ đại." Vua và hoàng hậu rất sung sướng với tin này.

Queen Maya gave birth to Prince Siddhartha in a pretty royal park. It was the full-moon day of May. All the trees were in flower. The bees were humming around the fresh flowers. The birds were singing sweetly. Everyone was happy because a prince had been born.



Hoàng hậu Ma Da sinh ra hoàng tử Tất Đạt Đa (Siddhartha) trong một công viên hoàng gia đẹp đẽ. Đó là ngày trăng tròn tháng Năm. Tất cả cây cối nở hoa. Những con ong kêu vo ve quanh những bông hoa tươi thắm. Những con chim hót du dương. Mọi người đều vui mừng vì một hoàng tử vừa mới được sinh ra đời.



The prince was very kind. He never hurt anything, not even the smallest animals.

Hoàng tử rất nhân từ. Chàng không bao giờ gây tổn thương cho bất cứ thứ gì, ngay cả những con súc vật nhỏ bé nhất.

One day, his cousin shot a swan. It fell to the ground and was badly hurt. The prince felt sorry for it. He picked it up and looked after it. He knew that all animals wanted to live. They did not want to die.



Một hôm, người em họ của chàng bắn một con thiên nga. Chim rơi xuống đất và bị thương nặng. Hoàng tử cảm thấy thương xót cho chim. Chàng đỡ chim lên và săn sóc chim. Chàng biết rằng tất cả mọi thú

vật đều muốn sống. Chúng không muốn chết.



In the palace, the prince had many teachers. He was a very good student. His father wished that one day he would become a great king.

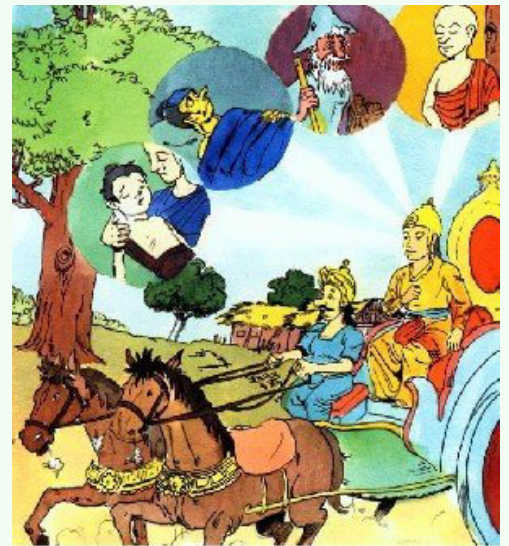
Trong cung điện, hoàng tử có nhiều thầy dạy. Chàng là một học trò rất giỏi. Cha của chàng mong ước rằng một ngày nào đó chàng sẽ trở thành một ông vua vĩ đại.

The prince grew up to be a strong, handsome, young man. He married a beautiful girl. They lived happily together.



Hoàng tử lớn lên và trở thành một thanh niên trẻ trung, đẹp trai, mạnh khỏe. Chàng cưới một cô gái xinh đẹp. Họ sống hạnh phúc cùng với nhau.

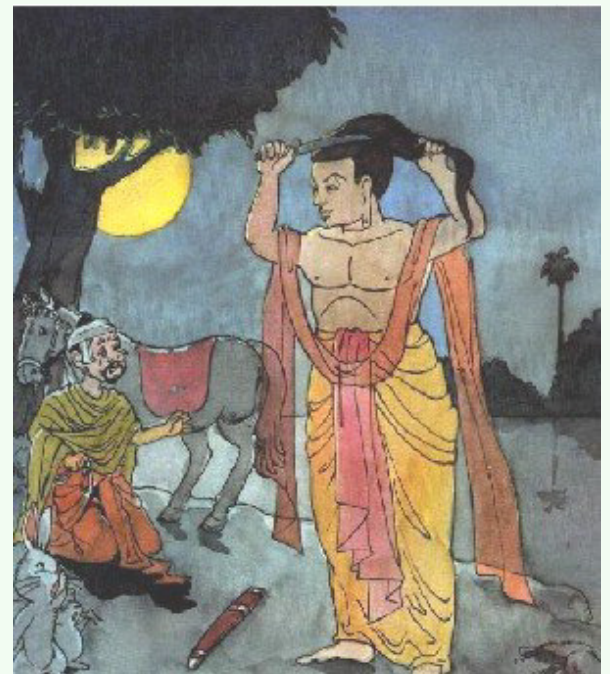
One day, when the prince visited a village, he saw four people: one sick, one old, one dead and a holy man. The first three made him very sad. The holy man made him think about what it meant to be happy.



Một ngày, khi hoàng tử đi thăm viếng một ngôi làng, chàng trông thấy bốn người: một người bệnh hoạn, một người già cả, một người chết và một thầy tu. Ba người đầu tiên khiến cho chàng rất buồn rầu. Ông thầy tu khiến cho chàng suy nghĩ về cách làm sao để được hạnh phúc.

At the age of twenty-nine, the prince gave up his palace life. He left his family to find a way to make everyone happy.

Vào tuổi hai mươi chín, hoàng tử đã từ bỏ cuộc sống trong cung điện. Chàng rời gia đình của chàng để mưu tìm một con đường làm cho mọi người được hạnh phúc.



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH “PHẬT PHÁP GIỮA DÒNG ĐỜI”, PHÁT CÁC BÀI GIẢNG CỦA HT THÍCH PHƯỚC TỊNH TRÊN CÁC LÀN SÓNG CỦA ĐÀI RADIO TIẾNG NƯỚC TÔI (TNT)

1. Tại San Diego: Làn sóng 97.3 FM-FCA

- Phát thanh vào mỗi tối thứ Tư hằng tuần lúc 8:30 pm – 9:00 pm
- Phát thanh vào mỗi thứ Bảy hằng tuần lúc 7:30 am – 8:00 am và
- Phát thanh vào mỗi Chủ Nhật tuần cuối cùng của tháng từ 7:00 pm – 7:30 pm

2. Tại các thành phố khác:

- + **Sacramento (CA)** trên làn sóng 1690 AM-FCA
từ 7:30 am – 8:00 am (Thứ Bảy)
từ 5:00 pm – 5:30 pm (Thứ Ba)
- + **San Jose (CA)** trên làn sóng 93.7 FM-FCA
từ 7:30 am – 8:00 am (Thứ Bảy)
từ 5:00 pm – 5:30 pm (Thứ Ba)
- + **Phoenix (AZ)** trên làn sóng 92.3 FM-FCA
từ 7:30 am – 8:00 am (Thứ Bảy)
từ 5:00 pm – 5:30 pm (Thứ Ba)
- + **Atlanta (GA)** trên làn sóng 92 FM-FCA
từ 10:30 am – 11:00 am (Thứ Bảy)
từ 8:00 pm – 8:30 pm (Thứ Ba)
- + **Austin (TX)** trên làn sóng 90.5 FM-FCA
từ 10:30 – 11:00 am (Thứ Bảy)
từ 8:00 pm – 8:30 pm (Thứ Ba)
- + **Boston (MA)** trên làn sóng 90.9 FM-FCA
từ 10:30 – 11:00 am (Thứ Bảy)
từ 8:00 pm – 8:30 pm (Thứ Ba)
- + **Kansas City (MO)** trên làn sóng 90.9 FM-FCA
từ 10:30 – 11:00 am (Thứ Bảy)
từ 8:00 pm – 8:30 pm (Thứ Ba)

NGOÀI RA ĐÀI CÒN PHÁT THỜI PHÁP VÀO 4 THÀNH PHỐ TẠI ÚC CHÂU VÀO MỖI CHỦ NHẬT HẰNG TUẦN TỪ 2:30 am – 3:00 am VÀ MỖI THỨ TƯ HẰNG TUẦN TỪ 3:00 pm – 3:30 pm Trên làn sóng 88.1-2RED.

Dưới đây là 4 thành phố được phát thanh: MELBOURNE, SYDNEY, BRISBANE, ADELAIDE

Liên lạc cô Lan Anh để đặt mua Radio phát thanh 24/24 (\$45 + \$10 vận chuyển): **619-282-3771**

Xin quý Đạo hữu hãy đặt mua radio để làm quà cho bạn hữu hoặc thông báo cho người thân ngoài tiểu bang về chương trình phát thanh lợi lạc này.

Vào website ngay giờ địa phương phát thanh của đài cũng có thể nghe được bài Thầy giảng:

www.radiotiengnuoctoi.com

Quý Đạo hữu cũng có thể nghe và tải về các bài giảng của Hoà Thượng Thích Phước Tịnh trên trang nhà của nhóm Mắt Thương: www.matthuonghindoi.org.

Hương Xuân

Ngày xuân rảo trên phố
Bâng khuâng nhớ quê nhà
Loanh quanh trong tiệm nhạc
Đem về khúc du ca.

Nhạc rung căn phòng quanh
Đất trời say muôn hoa
Đong đưa tình theo nhịp
Những mộng đời đã xa...

Vui Xuân

Vui xuân chỉ qua loa
Độc ẩm
Một bình trà
Ngoài hiên
Mưa xuống
Lạnh
Run rẩy bóng ngàn hoa.

Xuân cảm

Hoa pháo đỏ thêm này
Mơ xuân ở bờ kia
Đôi bờ đều như mộng
Xuân - Thu ở đâu kia?

Hỏi đường về

Ngon cỏ buồn phơ phát gió chiều đưa
Trời thênh thang bóng nhạt đã xa mờ
Ta lữ khách trầm ngâm hiên gác trọ
Hỏi đường về cho giấc mộng ngày xưa

Mây đã bay bao lần qua khung cửa
Mà bên kia núi bạc vẫn ơ thờ
Đêm từng đêm mắt nhìn sâu ánh lửa
Hỏi đường về cho giấc mộng ngày xưa.

VĨNH HẢO



Thiện Tri Thức – Người Đưa Ta Vượt Qua Gió Bụi

THÍCH THÁI HÒA

Trong đời sống con người, sự tư duy hợp lý không cho phép ta suy nghĩ và kết luận trên thế gian này có một con người hoàn toàn xấu hay có một con người hoàn toàn tốt.

Xấu và tốt hay thiện và ác của con người chỉ là những tập hợp của nhiều yếu tố tạo nên. Bản chất của nó là *rỗng không, không có thật thể*. Nên, nó không có bất cứ một hình tướng nào nhất định cho chính nó, để cho ta nhận định và kết luận một cách chính xác đối với nó.

Vì nó không có thật thể, và không có bất cứ một hình tướng nào nhất định cho chính nó, nên nó có thể trở thành bất cứ hình tướng nào hoặc thiện hay ác, hoặc tốt hay xấu tùy theo điều kiện nội và ngoại tại tác động để nó biểu hiện. Có khi nó biểu hiện có vẻ như là thiện, nhưng thực chất của nó là ác và có khi nó biểu hiện có vẻ như là ác, nhưng thực chất của nó là thiện.

Xấu và tốt hay thiện và ác của một con người tùy thuộc rất nhiều điều kiện để tạo nên những phẩm tính thiện ác, xấu tốt ấy. Không có ý nghĩ, hành động và lời nói nào liên hệ đến tham, sân, si, kiêu mạn, chấp ngã mà trở thành thiện bao giờ! Và không có ý nghĩ, lời nói và hành động nào đi từ Tâm bồ-đề và đại nguyện từ bi mà trở thành xấu ác bao giờ!

Trong đời sống của ta, thiện tri thức là điều kiện tác động giúp cho ta thấy rõ ta có tâm bồ-đề, và tâm ấy có thể sinh khởi và lớn

lớn trong đời sống của ta; thiện tri thức là người giúp ta nuôi lớn những hạt giống tốt đẹp ấy để kết thành hoa trái bình an trong đời sống hiện tại và tương lai cho ta.

Thiện tri thức là người bạn đồng hành với ta, để giúp ta dựng đứng lại những gì do những tư duy, những nhận thức, những tri kiến sai lầm của ta đã làm cho đời sống của ta bị chao đảo, bị nghiêng ngửa và sụp đổ.

Thiện tri thức là người bạn đã đồng hành với ta, để giúp ta hàn gắn lại những gì mà do những hành động vụng dại, cố chấp của ta làm cho đời sống của ta bị rạn nứt, vỡ đôi, vỡ ba...

Nếu đời sống của ta bị vỡ vụn, không thể hàn gắn, thì thiện tri thức là người có thể giúp ta đứng dậy từ những mảnh vụn của cuộc đời để tái tạo một cuộc sống mới, khiến cho nhân phẩm của ta được phục hồi, những điều thiện của ta được tái sinh trở lại.

Thiện tri thức không phải là người có khả năng lý luận giỏi mà là người có khả năng giỏi để bật sáng ngọn đèn, khi đêm tối phủ lên đời ta. Thiện tri thức không phải là người có khả năng ngăn chặn gió bụi cho ta mà là người có khả năng giúp ta vượt qua gió bụi của cuộc đời.

Thiện tri thức không phải là người suốt ngày ngồi hàn huyên với ta, hết chuyện này tới chuyện khác hay là người có quá nhiều hứa hẹn với ta, mà là người có thể chưa từng ngồi với ta một giờ

nào và chưa từng hứa hẹn với ta bởi bất cứ một điều gì, nhưng mỗi khi bất an, tâm ta nghĩ tới họ, thì sự bình an trong ta liền được phục hồi; niềm tin và hy vọng trong ta liền được phục sinh.

Thiện tri thức đến với ta không phải là những thiên sứ từ trời cao giáng xuống hay là những địa thần từ lòng đất vọt lên, hay từ nơi những am miếu, mà từ nơi Tâm bồ-đề và phát khởi đại nguyện của họ.

Tâm bồ-đề là tâm sáng suốt và nguyện sống cuộc đời sáng suốt, ví như ngọc lưu ly, không bị bất cứ một thứ bụi nào bám vào làm cho dơ bẩn, thiện tri thức đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm bồ-đề là tâm yêu mến và giúp đỡ hết thảy chúng sanh thành tựu thiện pháp không hề biết mỗi mệt, thiện tri thức đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm bồ-đề là tâm rộng lớn như đại địa và nguyện gánh vác hết thảy trọng trách mà không bao giờ cảm thấy mỗi mệt, thiện tri thức đã đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm bồ-đề là tâm rắn chắc như kim cương, và nguyện không bị hủy hoại bởi thời gian, không bị xê dịch bởi không gian, thiện tri thức đã đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm bồ-đề là tâm vững chãi, ví như núi Tu-di, nguyện khiến không bị các dục thế gian làm cho khuynh đảo, thiện tri thức đã đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm bồ-đề ví như bà mẹ hiền

nuôi con, nguyện không bao giờ cảm thấy nhàm chán và mệt, thiện tri thức đã đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm Bồ-đề ví như người học trò trung thành, nguyện không bao giờ đi ngược lời dạy của bậc đạo sư, thiện tri thức đã đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm Bồ-đề ví như người làm công nhiệt tình, nguyện không bao giờ làm trái lời chủ, thiện tri thức đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm Bồ-đề ví như lương khuyển, vì không bao giờ phản chủ, thiện tri thức đến với ta từ tâm và nguyện ấy;

Tâm Bồ-đề ví như kiện ngư, chuyên chở không bao giờ mệt mỏi, thiện tri thức đến với ta từ tâm và nguyện ấy...

Tâm và nguyện của thiện tri thức là vậy, nên thiện tri thức đã đến với ta rất nhiều hình thức khác nhau:

Có khi là một hài nhi; có khi là một bậc trưởng thượng; có khi là một vị tướng giỏi; một quốc vương; có khi là một nhà truyền giáo; có khi là hình tượng của một trưởng giả giàu có; có khi là hình ảnh của một vị đạo sĩ; một vị Bồ Tát hay Phật; và cũng có khi là một con người đầy thô bạo, không có chút nết na nào cả; hoặc có khi chỉ là một vầng trăng; một đóa hoa; một trang sách; một câu thơ hay một dòng suối reo chảy vô tình... nhưng tất cả những hình thức ấy là những điều kiện giúp cho ta phát khởi được niềm tin nơi cuộc sống; khơi phát được tâm Bồ-đề, chuyển hóa được tâm thức thô trước nơi ta, khiến trong ta sinh khởi những hạt giống tốt đẹp và thánh thiện; giúp ta có khả năng phòng hộ những hạt giống xấu ác trong tâm, không để sinh khởi; giúp ta đứng dậy từ tâm lý tham, luyến, si, kiêu mạn, luyến ngã và luyến chấp ngã; giúp ta vượt qua con đường đầy gió bụi của sinh tử, để đến nơi an toàn và hạnh phúc cao thượng.

Ác tri thức thì ngược lại với thiện tri thức. Thiện tri thức là người có khả năng làm cho những điều xấu ác trong ta càng ngày

càng giảm thiểu và những điều tốt đẹp trong ta càng ngày càng tăng lên; là người có khả năng làm cho những khổ đau trong đời sống của ta càng ngày càng giảm thiểu và sự bình an trong đời sống của ta càng ngày càng tăng lên.

Trái lại ác tri thức là người có khả năng làm cho đời sống của ta từ giàu trở thành nghèo, từ thanh cao trở thành thấp kém, từ thẳng đứng, trở thành xiêu vẹo và từ xiêu vẹo trở thành nghiêng ngửa và sụp đổ; là người có khả năng làm cho đời sống của ta đang liên lạc trở thành rạn nứt và từ rạn nứt đến đổ vỡ, bể nát.

Ác tri thức là người ta gần bên họ, khiến lòng tham của ta càng ngày càng tăng lên; lòng sân của ta càng ngày càng để bộc phát; lòng si của ta càng ngày càng tăng lên một cách thái quá; tâm nghi ngờ và tính ích kỷ của ta càng ngày càng trở nên trở trêu và mù quáng.

Ác tri thức là người có khả năng đưa ta từ ánh sáng đi vào bóng đêm và từ bóng đêm này tới bóng đêm khác, khiến cho đời sống của ta từ khổ đau này dẫn sinh ra sự khổ đau khác.

Vì vậy, thiện hay ác, xấu hay tốt của một con người, chúng tùy thuộc vào rất nhiều

tác duyên để biểu hiện. Thiện tri thức hay ác tri thức là những điều kiện rất tích cực để cho tính thiện hay ác, xấu hay tốt nơi ta biểu hiện mỗi ngày.

Nên, ta không ngạc nhiên gì, một người ngày hôm qua rất tốt mà ngày nay họ lại trở thành xấu và người ngày hôm qua rất xấu, mà hôm nay họ lại trở thành một người rất tốt. Xấu và tốt hay thiện và ác ở nơi con người hoàn toàn không có tự tính, chúng chỉ biểu hiện theo duyên. Duyên ấy là thiện tri thức hoặc ác tri thức vậy.

Vì vậy, thiện duyên hay thiện tri thức là những điều kiện giúp ta vượt qua gió bụi cuộc đời.

Ở trong đời, ta thà mất châu báu, mất địa vị, mất tay chân, nhưng nhất định không để mất thiện tri thức, vì mất thiện tri thức tâm Bồ-đề của ta sẽ bị thổi chùn, ta sẽ mất hết thầy phước báo làm người, làm trời, làm thánh, làm Bồ Tát và Phật, và vì mất thiện tri thức, thì không còn có ai bật ngọn đèn tuệ giác giữa đêm trường, cho ta thấy rõ những giá trị cao quý của cuộc đời, để phát khởi tâm Bồ-đề nhằm bước tới và yêu thương; và mất thiện tri thức ta sẽ bị gió bụi giữa cuộc đời cuốn mất. Mất đi đâu đó ai biết!

(Nguồn: Tập san Hoảng Pháp)



Chúng sanh bình đẳng

Cùng trên đoạn đường, vai sánh vai,
Kẻ Tu, người Tục nhẹ gót hài,
Vui cười, hớn hở trong nắng sớm,
Bỏ để bóng rợp, khách vắng lai.

Cũng đoạn đường này, cùng thời điểm,
Kẻ bán hoa mời khách, cung, khiêm,
Người tàn tật, thân đầy bụi bám,
Kiếm sống ngày qua, cả nỗi niềm!

Cũng đoạn đường này, ngay phút ấy,
Mẹ con dê Đốm, đáng thơ ngây,
Theo chân chó Vá, về nhà sớm,
Sau buổi rong chơi, dạo đó đây.

Đường này thể hiện Phật Bảo Sinh,
Không phân giai cấp, tuyến lộ trình,
Không được, không mất, không vinh, nhục...
Phật Tánh Bình Đẳng, mọi chúng sinh!

NHẬT THANH - TUYẾT NGUYỄN

Bodhgaya – India



Hương Xuân

Nắng xuân về khắp đất trời
Giọt xuân vờn lá một màu biếc xanh
Mơn man trên cánh mai gầy
Con chim én lượn bồi hồi cỏ cây
Đất trời một cõi riêng tây
Đất lòng dậy sóng ngát ngậy hương tình
Nàng ly chào đón xuân nồng
Vẽ trên muôn lá vọng lòng giai nhân
Nàng xuân ngập ghé cõi tình
Bâng khuâng mai nở bên đời quạnh hiu
Riêng ta chốn cũ tịch liêu
Vui buồn một cõi xiêu xiêu hồng trần
Thủy tiên e ấp nắng hồng
Hoàng mai sao mãi vọng lòng hồng nhan
Gió xuân nhận đón én chào
Hương xuân phơi phới một màu trinh nguyên.

Ta yêu Xuân

Xê da thịt - căng bùng tim - Trần lá phổi
Ta yêu xuân trên từng nỗi đoạn trường,
Ta yêu buồn bởi một cõi riêng ta!
Trong sâu thẳm giữa cõi đời vô vọng

Xuân cất bước ta riêng mình lặng lẽ
Bờ xuân đến - xuân đi - lý vô thường
Vì sắc màu xuân lại quá kiêu sa
Ngập muôn lối hoa xuân về rộn rã

Chỉ lòng ta bồi rối đến ngõ ngang
Ta chỉ muốn ôm xuân trong tay ngọc
Nhưng được gì sau bao lần gối mộng
Sực tỉnh rồi ta một chốn đi hoang

Chỉ mình xuân riêng một cõi dịu dàng
Ta một cõi ôm mộng đàn lữ thứ
Xuân đã đến - xuân sẽ đi trong sinh diệt
Ta vẫn ta trong muôn kiếp đoạn trường!

MAI PHƯỚC LỘC

FROM STUDYING THE CONCEPT OF TIME IN BUDDHISM TOWARDS UNDERSTANDING THE MEANING OF LIFE

THÍCH HẠNH TUẤN

Introduction

"Impermanence, old age and sickness never make appointment with us. Whenever they arise, they will arise without any invitation. Because life is impermanent, we do not know for sure that we are still alive in the next moment. If an accident happens to us, we will disappear from the world instantly. Our lives could be resembled to a dewdrop sitting on a blade of grass in the morning of a Spring. It disappears as soon as the sun rises. Our thoughts

change very fast in every moment. Time is very short. It lasts only in a single moment (kṣaṇa), like a breath. If we inhale but we don't exhale, we die." This is the first lesson that I learned from my master more than thirty-nine years ago on the first day after I became a novice monk.

The message I learned from this lesson could tell me that I should practice Buddhism seriously. I should not let time passing by empty without doing any

meaningful things. In the past thirty-nine years, I was struggling to fight for the meaning of life. I always ask myself, 'Do I have life? How long my life is going to last? Does my life last only a short moment or does it lasts in hundred years with the continuation of the flux from this moment to another moment?

'Life is suffering'. Definitely, there is no doubt about this. Life is suffering because every thing is impermanent. This is the very first notion of Four Noble Truths. Do all sentient beings suffer since the very first day of their lives to their last breaths? Can we get rid of this suffering right now or do we have to wait for another eon till the day we become enlightenment, like the Buddha? During this process of practicing Buddhism, do we have a meaningful life or we just struggle fighting for the meaning



of our lives? Does life have a meaning only in mental state or physical body? Can we separate our mental state to our physical bodies to have a meaningful life?

In Buddhism, these questions are not new to us, I believe. In the past, specially, in the dawn of Buddhism, how did Buddha explain time and how his followers understood times? What is the meaning of the life of Buddha after he became enlightenment? Can we imitate the life of the Buddha in this life? In

order to find out the meaning of life, I need to go back to study the theories of time that were explained in the early Buddhist literature of Theravāda Buddhism to the highest development period of Mahāyāna Buddhism. In this essay, I am studying the concept of time in Buddhism, in order to find the meaning of life.

Time Understood in Early Buddhism

Since the very date of enlightenment, Śākya Muni Buddha laid down his basic doctrine, the

Four Noble Truths. Not need to say, we all know that the first truth of these four is, 'Life is suffering'. It is so because every thing is impermanence (*anitya*). Every thing (*dharma*) is conditioned and they composed of different characters. Vasubandhu describes that these conditions are four basic characters of dharma. They are: arising (*jāti*), old age (*sthiti*), duration (*jarā*), and impermanence (*anitya*). These four characters give rise to all speculations of early Buddhism.

Time is presented in Theravāda school by the term *samaya*, meaning both 'condition' and 'time'. Among the many commentaries, the one referring most often to the problem of time is Buddhaghosa's *Atthasālinī*, the commentary of *Dhammasaṅgani*, in which *samaya* is divided into the following five classifications:

1. *Kāla* (time) represents the continuity of a situation, such as the time of coldness or of an illness, etc. This term is again classified into nine sub-divisions: (a) momentary (mental) time (*citta-kara*); (b) the *dhamma* of beings, memory of *dhamma*, or *dhamma* in the past, present and future; (c) the orderly process of things (*dhammapatti*), i.e., the time when seeds sprout; (d) the appearance of things (*dhammalakkhaṇa*), i.e., the time of being born or of old ages; (e) the time of reception or intimation (*dhammakicca*); (f) the action of human beings (*sattakicca*), i.e., the time of taking a both or of eating; (g) the postures of movement (*iriyāpatha*), i.e., walking, standing, sitting and lying; (h) the proceedings of natural phenomena (*candimāsuriyādi, parivattana*) i.e., the progress of the morning, evening or night and the day's evolution; and (i) the divisions of time (*kālasaṇḍaya*), i.e., half month, month and year.
2. *Samūla* (the group). A group in the sense of accumulation (*punja*) of *dhamma* such as *phassa* (touch, feeling), utilized to deny the notion of an individual entity, and the single cause and effect theory since Buddhism maintains everything exists by means of conditions or causes and effects. This classification was directed against the incorrect view that one existence can arise independently of others, therefore it demonstrates mutual interdependence.
3. *Hetu* (cause) represents the mutual interdependence of existence. For example, in order to see, the eye consciousness is required as a sufficing condition.
4. *Khaṇa* (momentariness) refers to the connected situation of consciousness from the past to the present and pertains only to the meritorious mind and not to the non-meritorious. As momentariness is constantly flowing from moment to moment into the past, it is difficult to attempt to catch the moment itself. The mind itself is considered to exist in the manner of momentariness. Just as momentariness is difficult to grasp, so it is difficult for the meritorious mind to arise and remain static. This classification refers to Buddhist morality or practice, because momentariness is considered only in relation to the meritorious mind. The ethical stress is to utilize the moment in the practice of good deeds.
5. *Samavāya* (combination) refers to a concord among the conditions (*paccaya-sāmaggī*) and is intended to demonstrate that the consciousness have a mutual coordination in the present. In other words, it shows that time is dependent and interrelated (*aññamāṇ'upekkhā*). Time is shown to have no reality and the existence of a Creator is denied.

Whenever we say all things are impermanent

because they all are limited duration. This limited duration is presented in early Buddhism as a momentariness, or instant (*kṣaṇa*). In addition, most schools of Buddhism soon come to explain the change of things as a succession of momentary states (*kṣaṇika*). This origin of this notion is certainly to be looked for in the axiom accepted by some Buddhist schools and found also outside Buddhism, which holds that two psychic conditions can not co-exist in thought because the field of conscience is unique. Thus most of the early Buddhist sects, the Sarvāstivādin, the Mahīśāsaka, the Kāśyapīva, the Vātsīputriya, the Pūrvaśāila and the Apasaśāila, maintained that all things are momentary. As all composite things are impermanent, the Pūrvaśāila declared, they only last a single instant of thought (*ekacitakkhaṇika*), for being impermanent, what difference is there between a thing which is rapidly destroyed and another which lasts for a long time? Before giving any thought about this question, I would present the definition of the word *kṣaṇa* of some schools of early Buddhism.



Time Presented in Abhidharmakośa

What is the duration of *kṣaṇa*? This was already mentioned in the previous paragraph that it is 'a single instant of thought (*ekacitakkhaṇika*)'. But how long this single of thought can be measured? We could use the smallest duration of time, the second, to measure the *kṣaṇa*. In his careful study of this account, Louis de la Vallée Poussin, it is presented as follow:

"In Buddhism, as same as all the world, the word *kṣaṇa* is understood as it very short period of time if we compare it to the time of day, night or hour. Therefore, in order to have exactly duration of time of *kṣaṇa*, we need to compare the duration of it to the duration of a second. According to Sarvāstivādin, 120 *kṣaṇa* = 1 *tatkṣaṇa*, 60 *tatkṣaṇa* = 1 *lava*; 30 *lavas* = 1 *muhūrta*. In all systems, 1 *muhūrta* is the thirtieth of a day and a night. Thus, *kṣaṇa* = 0,013333 second.

In addition, *kṣaṇa* presented in Śārdūlakarṇa slightly different: 16 *nimeṣas* = 1 *kāṣṭhā*, 16 *kāṣṭhās* = 1 *kalā*, 64 *kalās* = 1 *muhūrta*. In Manu,

18 *nimeṣas* = 1 *kāṣṭhā*, 30 = *kāṣṭhās* = 1 *kalā*, 30 *kalās* = 1 *muhūrta*. These measures are variant in schools of Purāṇas, Kauṭīliya, and Bhāskara. They have 100 *truṭis* = 1 *tatparas*, 30 *tatparas* = *nimeṣa*, 18 *nimeṣa* = 1 *kāṣṭhā*

According to the Abhidhārmikas, there are sixty-five instants (*kṣaṇa*) in the time that it takes a healthy man to snap his fingers.



The Dimension of *kṣaṇa* of Sautrantikas:

Vasubhandu mentions in his *Abhidharmakośa*: If the right conditions (*pratyaya*) are present, the time that it takes for a *dharma* to arise; or rather the time that it takes for a *dharma* in progress to go from one *paramāṇu* to another *paramāṇu*, Vasubhandu gives another definition of *kṣaṇa*, 'The *kṣaṇa* or moment is the time during which the characteristics have achieved their operation.'

The Sarvāstivādin based their theory on yet another consideration which concerned more closely the very doctrine of Buddhism. The same person – they contended – cannot simultaneously accomplish an act (*karma*) and receive the fruit to which it has given rise (*vipākaphala*). When an act is a future thing, and when the agent picks that fruit the act which engendered it is a thing of the past. If therefore things past and future did not exist, past acts, being non-existent, could not engender fruits. It must be confessed that bold as this thought was, in this particular case it was very ingenious, since Buddhism rejected all personal substances which, like the *ātman* of the *Upaniṣads* or the *jīva* of the Jains, might have acted as a support for the mechanism of retribution for deeds committed.

Other school refused to accept the theory of the momentariness of all things. Among others the

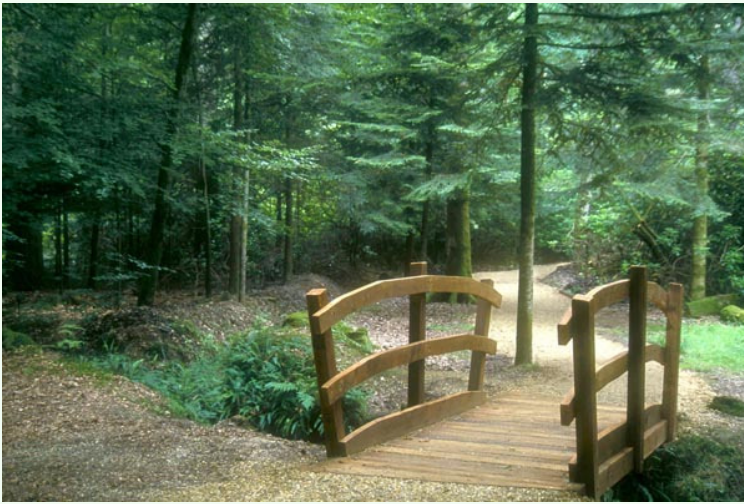
Theravādin called attention to the fact that the great earth, the great ocean, the king of mountains Sumeru, water, fire, wind, the grass, the woods, the trees, last much longer than a single instant of thought. Actually, this is the objectively consideration of Theravādin about the duration of time. They just considered the outside of things but not the substances of the operations of things.

The Sautrāntika and the Dārṣṭāntika, whose doctrine was more elastic, got round these difficulties more adroitly. The Dārṣṭāntika affirmed, on the one hand, that the characteristic features of composites are not substances (*dravya*) for they are included in the disjointed composites of thought (*cittaviprayuktasamskāra*), e.g., abstractions possessing no intrinsic reality. Moreover, the moment, they said, is devoid of the three characteristics of birth, decline and cessation, for, did it possess them, it would have to be born, decline and cease all at the same time, which is obviously impossible.

On their side, the Sautrāntika did not recognize the characteristic of duration (*sthiti*) – but like the Theravādin – only of modification (*sthiyanthātva*). There was in their theories a certain amount of evolutionism, in opposition to the pure instantaneousness of the Sarvāstivādin. This trend is found again in the theory attributed to them by the *Vijñāp-timātratāsiddhi* according to which these characteristics may be attributed not only to the moment but also to a certain prolonged condition. It would thus seem that they adopted on this point a compromise between the opinion of the Sarvāstivādin, for whom the characteristics are proper to the instant, and that of the *Sammātiya*, according to whom they are, on the contrary, proper to a prolonged condition. It seems indeed that the Dārṣṭāntika, who gave to the moment its real value, i.e. the nullity of duration, were also evolutionists. They maintained, in opposition to the Sarvāstivādin, that things arise gradually and not all at once.

Nevertheless, the same source attributes to them a theory which it is rather difficult to interpret, but which seems to contradict the previous one, as it claims that there is neither a precise moment of production nor a precise moment of cessation, so that, in the case of composites, there are only two times, that in which they have not yet been produced, and that in which they have already been produced; or that in which they have not yet ceased, and that in which they have already ceased.

The only two schools whose speculations on the nature of the moment have come down to us, the Sarvāstivādin and the Dārṣṭāntika, therefore held diametrically opposite opinions. The former, having inconsiderately made of radical momentarism one of the bases of their doctrine, had been led to introduce far too many elements into the moment, swelling, thickening and weighting this atom of time with all the potentialities, the efficiency of duration. As reaction to this the Dārṣṭāntika, laid down a *priori*



the equation ((moment = zero)), and stuck to it stolidly, refusing to see in the moment anything but its nullity, and this drove them back to the evolutionary stand which is more orthodox and more in keeping with common sense.

Time Presented as Past, Present and Future

One of the Indian philosophers who presents time as past, present and future is Buddhadeva. Even though we have access to none of his works in either Sanskrit or Chinese and Tibetan translations of Buddhadeva, we can still learn his explanation of this account mentioned in *Vibhāṣā*. The following passage quoted from *Vibhāṣā* will show Buddhadeva's view of time.

"A dharma circulating in the three times is named past, present and future in mutual dependence on the moments before and after. Just as the same woman is called 'mother' and 'daughter'. Thus with reference to before and after, when there is something previous to a dharma but nothing after it, the dharma is future, when there is both a before and after, that is present, and when there is an after but no before, that is past."

This view of time of Buddhadeva is presented slightly differently in *Abhidharmadīpa* and *Abidharmakośa*. In *Abidharmadīpa*, we find, 'A dharma circulating in the three times is said to be one or the other dependent on before and after. This dharma does not undergo change of condition or of essential nature. Just as one woman is called mother or daughter in dependence on before and after.' In the commentary of *Yaśomitra* on the *Abidharmakośa*, we find, 'It is named by mutual dependence on before and after. It is called future in dependence on the fact that present and past are prior. It is called present in dependence on the fact that past is prior or future comes after. And it is called past in dependence on the fact that present or future comes after.'

Lastly, according to Buddhadeva, the past, the future and the present are based on reciprocal relations (*anyonya*) one and the same thing being past

in relation to what will follow it, and future in relation to what has preceded it. As we can see, the past, the present and the future were not considered by the Sarvāstivādin as things in themselves, but as modes of being, states, features, positions, reciprocal relations.

Throughout the history of Indian philosophy, Buddhadeva was cited by fellow Sarvāstivādin only to be refuted in favor of the philosophically far cruder theory of Vasumitra, which obtained its status as the orthodox Sarvāstivādin theory simply because of its being favored by the *Vibhāṣā*, which, as has already been noted, was probably written by Vasumitra himself.

Time Presented in Mādhyamika of Nāgārjuna

In *Mādhyamika*, Nāgārjuna does not use the terms: past, present and future to examine three times. Instead, he uses three temporal relations, namely, earlier than, later than and simultaneous with. Indeed, he attempts to show that the production of particular things is impossible because it cannot occur in any temporal moment and because a temporal relation between events cannot be established. In chapter XI of *Mādhyamika*, Nāgārjuna states,

'Again, all things are empty. Why? A cause is neither earlier than, later than, nor at the same time as an effect. As it has been said, "Earlier than", "later than" and "simultaneous with" such events are impossible. How can events be produced by causes? It cannot be true that a cause is prior to an effect. Why? If a cause exists earlier and from it an effect is produced later, there would be no effect initially, and what would be its cause? If an effect is prior to a cause, then the effect has already been established when there is no cause, and why must it need a cause? If a cause and an effect exist at the same time, there would be no causal production either. For example, the horns of a cow are produced simultaneously; the left and the right do not cause each other. The so-called cause cannot be the effect of the cause, for they are produced at the same time. Therefore the three temporal relationships between cause and effect are unattainable.

Obviously, causal production must be performed in certain temporal relationships: a cause is either earlier than, later than or simultaneous with an effect. But Nāgārjuna wants to show that the temporal moments of priority, posteriority and simultaneity are empty: hence the functioning of causal production cannot be established. Since causality is empty, all things are empty. For all things are causes and effects. Nāgārjuna's intention was to demonstrate that all things are empty. Because all things are lacking of their own self-natures, they depend on each other. This is the doctrine of Dependent Origination (*pratīyasamutpāda*) presented in *Mādhyamika* of Nāgārjuna.

Time Presented in Milindapañha

The *Milindapañha* shows us a clear advance of interest in the question of time. Milinda questions Nāgasena in detail on this point, and is informed that there is past, present, and future time; time which exists and time which does not exist. In his studies of time in *Milindapañha*, A.B. Keith states,

'This is explained in the sense that there are dispositions (*saṃkhāra*), which are past in the sense of having ceased to be, or having been dissolved, or altogether changed; to them time is not. But there are also conditions which are now producing effect,, or which will otherwise lead to re-individualization; to them time is. When there are beings who when dead will be reborn, there is time; when there are beings who when dead will not be reborn, there is no time; and, when beings have been altogether set free by the attainment of *Nirvāṇa* and bodily death; there time is essentially not.'

Further, it is made clear that there is no possibility of finding a beginning to time, or ultimate point in the past; the position is made clear by the analogy of the seed, fruit, seed; egg, hen, egg; and the circle of eye, colors, sight, contact, feeling, longing, action, and, as the outcome of action, an eye in a future birth. Finally, the sage insists as against the suggestion of the king that there may be discontinuity between the present and the past and the future that there is constant continuity. That which has not been becomes, that which has begun to become vanished away; past, that is to say, passed over to the present, and the present passed over to the future.

A.B. Keith believes that the ideas of the *Milindapañha* appear in a varied form in the *Abhidharmaśāstra*. The Sarvāstivādins are there credited with maintaining the existence of everything past, present or future, while the Vibhāvjavādins distinguish in their usual mode between: (1) the present elements and those among the past which have not yet produced their fruition, which are existent and (2) future elements and those among the past which have produced their fruition, which are non-existent.

Time Presented in Mahāyāna Texts

Time presented in *Mahāyāna* texts is considered from the view of the triple times, past, present and future to *kalpas* of time in one world system. This view is treated special in Chinese Tripitaka (T). Lewis R. Lancaster argues that in the early *Mahāyāna* sūtras, the discussion of time (*adhvaṇ*) does not mention the term in the singular, only in the plural: the three times of past, future and present.

'The problems of the triple time had occupied Buddhists long before the advent of the *Mahāyāna* texts and such schools as the Dārṣāntikas had proposed that the three times exist and are permanent while the conditioned entities which move through them are impermanent. They described their view by giving the analogy of three houses on beside the



other. From the first house a man emerges and goes to the second, that is, he leaves the future and enters the present, then he moves from the second house to the third, thereby going from the present to the past. Man is the impermanent and fleeing one while the three houses of time are fixed and stand always ready to receive the constant flow of impermanent things.'

Obviously, time presented in *Mahāyāna* texts is much more different in Early Buddhism. The *Mahāyāna* texts merely state what has been understood and cognized by the Buddha, it is not presented as a matter to be proved or disproved the concepts of time in Early Buddhism, but only as a statement of what is. The Buddha as an enlightened one possessed all-knowledge, the supernormal power developed through *samādhi* or trance and in this special state he was able to penetrate and comprehend the nature and essence of the three times.

When the triple times were viewed in his special way, they appeared to the Buddha as equals, the same, without distinctions or separations. The times did not oppose one another, for there was nothing in the present which was different or distinct from the future. This being the case, the sutras say, the three divisions of time, the three characteristic marks of time, are limited to the mundane world, to those who lack the insights of the all-knowers; but, on the higher level, the transcendent plane, these marks are shown to be an illusion. Therefore, the Buddha taught that the three times only possess one mark, the mark of lacking any distinguishing characteristics.

In *Ta Chih Tu Lun* (大智度論), commentary of the *Prajñāpāramitā* compiled by Kumārajīva, states that those who do not have all-knowledge will encounter obstacles when they try to achieve a cognition of the three time. It was beyond the capabilities of ordinary man. In addition, the *Avatamsaka-sūtra* mentions that our universe is but one of thousands of universes or world systems. All of these worlds are not on the same scale, and so our own

system is encapsulated within another real that in expanse is beyond anything we can comprehend. The sutra says,

‘If we add up all the days and nights of our world systems until they totaled a *kalpa*, these countless years would be equal to but one day and one night in the realm of *Amitābha*. And if one were to stay in *Amitābha*’s realm for a *kalpa* of that time, it would be equal to one day and one night in the next realm of *Vajrasaṃhata* and one *kalpa* there would equal to one day and one night in *Dharmaketu*’s realm, and so on through hundreds of millions of Buddha realms.

Therefore, the sutras once again bring us back to the emptiness of time, as well as to the difficulty of its comprehension, and absence of characteristic marks. The sutra further mentions that only and when the Buddha enter a state of *samādhi* then he sees that the three times are all equal and the same.

Here, time is understood as the durational whole of the reality. It is not a short period of time as *kṣaṇa* which was presented in Theravāda Buddhism and in *Abhidharmakośa*. Hence, the concept of time in Mahayana texts can be formed only when change in reality or succession of events representing past, present and future are experienced. In the absence of such change in terms of temporality, etc., there will be no concept of time. Time is in this sense a derived notion. At the level of suchness (*tathatā*) or ultimate reality, no such change is admitted whether in *Kumārajīva*’s commentary on the *Prajñāpāramitā* or in the *Uttaratantra* of Maitreya. Thus if time lacks any marks, how can we say there is time. When Lancaster says that ‘it is the whole reality, the truly universal’, he takes time as the durational whole of the reality.

Kṣaṇa Relates to the Meaning of Life

Throughout the studies of some main sources dealing with the concept of time in Buddhism, we would come up with some basic understanding of *kṣaṇa*. In early Buddhism, *kṣaṇa* is presented as ‘condition’ and ‘time’ or momentariness (*khaṇa*). This concept of time in early Buddhism reveals that life is very short. Therefore, the practitioners should always be aware of every *kṣaṇa* for their moral conducts. They need to devote their times to practice *dhamma* for the benefits of themselves and for all sentient beings. In addition, though *kṣaṇa* only lasts in a single instant of thought (*ekacita-kkhaṇitka*), our moral conducts will turn to good results in the near future if we keep practicing the *dhamma* continuously form this single moment to another single moment.

In *Abhidharmakośa*, a *ksana* equal to 0,01333 second. And, according to *Abhidhārmika*, sixty-five instants (*kṣaṇa*) take a healthy man to snap his fingers. This is the necessarily minimum duration of time for its characteristics to achieve their operations. Without this necessarily minimum duration of time, things (*dharma*) can never be formed. From



Buddhadeva’s point of views, times are presented as pas, present and future for a dharma to circle. To Nāgārjuna, time is regarded as a *dharma* or a thing. Because all things, which depend on each other, are lacked of their own self-natures, they are empty. Time is also empty. Because of this, we cannot find its beginning or its termination. Moreover, in Mahayana texts, time cannot be recognized because it is beyond the capacity of our faculty of thoughts. Because of the mark of lacking any distinguishing characteristics, three time cannot be penetrated and comprehended by us but only by the Buddha who possessed all-knowledge, the supernormal power developed through *samādhi*.

Finally, from our own experiences and the understanding through studying the concept of time in Buddhist literatures, we understand that *kṣaṇa* is very short duration of time; it is even shorter than a single moment of thought, but it is a necessarily duration of time for thing to operate. Obviously, our life, even short or long, are composed of every single moment. Because the only present moment is real, we do not need to worry about our past or future, but only dwelling on this present moment with mindfulness. The the future will full of wonderful promised things will be there for us.

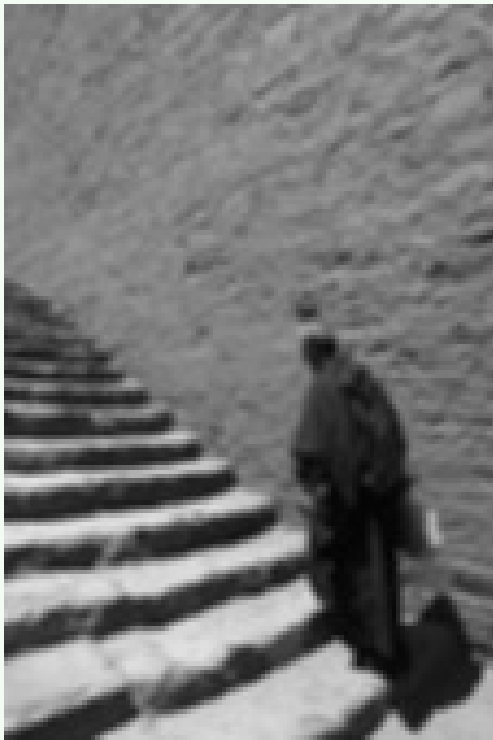
References

- Leo M. Pruden, trans., *Abhidharmakośabhāṣyam*, Asian Humanities Press, Berkeley, California, 1988
- Sasaki, Genjun H., ‘The Time Concept in Abhidharma’ *Proceedings of the 26th International Congress of Orientalists*, New Delhi, 1964.
- Bareau, André, ‘The Notion of Time in Early Buddhism’, *East and West* 7, 1957.
- Louis de la Vallée Poussin, ‘Documents d’Abhidharma: la controverse du temps’ *Mélanges chinois bouddhiques* 5, 1937.
- *Mahāvibhāṣā*, T.1545
- Paul Williams, ‘Buddhadeva and Temporality’, *Journal of Indian Philosophy* 4, 1977.
- P.S. Jaini, ed., *Abhidharmadīpa with Vibhāṣāprabhāvṛitti*, Kashi Jayaswal Research Institute, Patna, 1959.

- U. Wogihara, ed., *Sphuṭārthā Abhidharmakośavyākhyā by Yaśomitra*, Part 2.
- Hsueh-li Cheng, trans., *Nāgārjuna's Twelve Gate Treaties*, D. Reidel Publishing Company, Dordrecht: Holland / Boston: U.S.A. / London: England, 1982.
- A. B. Keith, 'The Doctrine of Reality (The Nature of Time)', *Buddhist Philosophy in India and Ceylon*, Oxford University Press, 1923.
- Lewis R. Lancaster, 'Discussion of Time in Mahāyāna Texts' *Philosophy East and West* 24, 1974.
- H. D. Prasad, *Essays on Time in Buddhism*, First Edition, Mehra Offset Press, Darya Ganji, Delhi, 1991.
- *Taisho Buddhist Tripitaka* (T), 100 volumes
- 13. La Vallée-Poussin, *Abhidharmakośa*, II, pp.223-224
- 14. La Vallée-Poussin, *Vijñaptimātratāsiddhi* p.67
- 15. Ibid., p.67
- 16. *Mahāvibhāṣā*, T.1545, pp.270a-463a
- 17. Ibid; p.141b and 919b
- 18. Andre Bareau, 'The Notion of Time in Early Buddhism', *East and West* 7, p.354
- 19. Paul Williams, 'Buddhadeva and Temporality', *Journal of Indian Philosophy* 4, 1977, p.279
- 20. P.S. Jaini, ed., *Abhidarmadīpa* with *Vibhāshāprabhāṛitī*, p.260 (*dharmo'dhavasū pravartamānasyā (-mānaḥ) pūrvāparamavekṣyānyathā coyate / naivāsya bhāvānyanthātvam bhavati drāyānyathātvam vā / yathāikā strī pūrvāparamapekṣya mātā coyate duhitā ca*)
- 21. U. Wogihara, ed., *Sphuṭārthā Abhidharmakośavyākhyā by Yaśomitra*, Part 2, p.470. (*pūrvāparamapekṣyānyonya ucyata iti / pūrvām aparāṃ cāpekṣyātīti' nagatavartamānā ucyanta ity arthaḥ / pūrvam evātītaṃ vartamānaṃ vā'pekṣyānāgata iti / pūrvam vā'ītātam aparāṃ vā'nāgatam apekṣya vartamāna itī / aparāṃ eva vartamānam anāgataṃ vā'pekṣyātīta itī /*)
- 22. Andre Bareau, 'The Notion of Time in Early Buddhism' *East and West* 7, p.356
- 23. Paul M. Williams, 'Buddhadeva and Temporality', *Journal of Indian Philosophy* 4, 1977, p.291
- 24. Hsueh-li Cheng, trans., *Nāgārjuna's Twelve Gate Treaties*, p.101
- 25. A. B. Keith, 'The Doctrine of Reality (The Nature of Time)', *Buddhist Philosophy in India and Ceylon*, pp.163-164
- 26. Ibid; p.164
- 27. Ibid; p.165
- 28. Lewis R. Lancaster, 'Discussion of time in Mahāyāna Texts' *Philosophy East and West* 24, p.209
- 29. T.228, p.630c; T.234, p.747c; T.1509, p.225a; and T.310, p.291b
- 30. T.234, p.747c; T.225, p.507c; T.279, p.648b; and T.657, p.166b.
- 31. Lewis R. Lancaster, Ibid., p.209
- 32. T.1509, p.255a
- 33. T.279, p.241a
- 34. T.1059, p.306c; T.225, p.507a and T.279, p.684b.
- 35. H.D. Prasad, *Essays on time in Buddhism*, pp.xviii-xix

ENDNOTES:

1. By using the term 'Early Buddhism', I am trying to avoid using another term, 'Hināyāna Buddhism'. Because the term, 'Hināyāna' became sensitive now whenever we use it, we may turn into humiliate people who are following this Buddhist tradition.
2. Leo M. Pruden, trans. *Abhidharmakośabhāṣyam*, p.238
3. Sasaki, Genjun H., 'The Time Concept in Abhidharma' *Proceeding of the 26th International Congress of Orientalists*, pp.471-472.
4. Bareau, André, 'The Notion of Time in Early Buddhism' *East and West* 7, p.353
5. Ibid., p.353
6. Louis de la Vallée Poussin, 'Documents d'Abhidharma: la controverse du temps' *Melanges chinois bouddhiques* 5, p.140
7. Leo M. Pruden, trans., *Abhidharmakośabhāṣyam*, p. 474
8. Ibid., p.474
9. Andre Bareau, 'The Notion of time in Early Buddhism', *East and West* 7, p.358
10. *Kathavatthu*, XXII. 8
11. *Mahāvibhāṣa*, T.1545, pp.198a-977b
12. Ibid., p.200a



thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã" mà lại!

- Đừng nói với ông ấy nữa. Gàn bướng! Phạm thượng! Thế mà cũng xênh xang y áo ra vào thiền môn. Thế Tôn hiền quá! Một sư trẻ trong nhóm nói nhỏ.

Sau đó họ cùng nhau đến đánh lễ, vấn an Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, vừa rồi chúng con thấy một trường lão ngồi chễm chệ trên pháp tòa, té ra sư không những mù mờ về Phật pháp mà còn ngang bướng về ngôn hạnh!

- Thế đấy! Sư Quảng Tạo đó! Sư tạo ra nhiều dáng nhiều vẻ lắm! Đại chúng trách hoài mà sư chứng nào tật nấy, giai do tập khí trì độn mà ra; đúng là thân người khó được, Phật pháp khó thông, chúng sanh khó độ! Hy vọng từ từ rồi thầy ấy sẽ sáng lạng và nhuần nhuyễn ra! Thế Tôn cười chum chim nói và đọc kệ:

*Kẻ ngu đầu tròn đời,
Thân cận với người trí,
Cũng không hiểu pháp vị,
Như muông trong nồi canh.*
(PC. 64)

THÍCH NGỒI NGẮM GIỮA PHÁP TÒA HIỀM VÌ CHỮ NGHĨA NHẬT NHÒA CĂN CƠ

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng U-đa-di (Udayi) là vị sư già ít học, ít có duyên với sách vở chữ nghĩa, nhưng lại thích ra vẻ bề vệ kiểu cách với đồng môn pháp侶, nhất là với người lạ. Một hôm, sau thời quán niệm, các bậc Trưởng lão rời khỏi chánh điện, U-đa-di ở lại và lên ngồi trên pháp tòa theo tư thế của một Pháp sư đang diễn thuyết. Bấy giờ có một số du tăng đến hầu thăm Đức Thế Tôn, thấy U-đa-di ngồi uy nghi trên pháp tòa, trông ra dáng quảng học đa văn, quán thông kinh điển, bèn nghĩ: “Đây hẳn là đại lão Pháp sư, may quá!” Họ cung kính đánh lễ U-đa-di và thưa:

- Kính bạch Pháp sư, hôm nay chúng con có chút duyên lành, được gặp Pháp sư, xin Pháp sư từ bi chỉ dạy cho chúng con một số vướng mắc về Phật pháp.

- Nghi gì cứ hỏi. Biết đâu nói đó. Miễn khách sáo!

- Dạ thưa Pháp sư, lâu nay chúng con học tập kinh văn nhưng chưa hiểu rõ thể nào là ngũ uẩn giai không và tứ đại phù trì.

- Có thể mà cũng hỏi! Ngũ uẩn giai không là năm uẩn đều không. Tứ đại phù trì là bốn đại giữ giúp.

- Sao đơn giản thế, thưa Pháp sư! Theo giáo lý chúng con học thì ngũ uẩn là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; tức là hình sắc, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức. Năm yếu tố này hoàn toàn lệ thuộc

vào các điều kiện thời gian và không gian, chúng không có thật tánh, không hiện hữu độc lập, nên gọi là không. Còn tứ đại là: đất, nước, gió, lửa; tức là bốn nguyên tố: rắn, lỏng, khí và nhiệt vận hành trong mỗi cá thể chúng sanh. Ngũ uẩn và tứ đại hỗ tương duyên hợp với lục căn lục trần mà hoạt dụng tương tục theo dạng giả danh, nên gọi là không.

- Thiện tai! Thiện tai! Cái uyên áo của Pháp sư là ở chỗ đó. Khởi gợi. Khởi gợi cho ý thức tham vấn bùng vỡ đúng lúc. U-đa-di gõ gõ ngón tay trở xuống thành pháp tòa nói.

- Thưa Pháp sư, chúng con còn một mối nghi nữa!

- Tự nhiên!

- Thế nào là quán “tứ niệm xứ”?

- Chà... thấy các sư thông thái quá mà còn hỏi chi nữa hè!

- Chúng con muốn lĩnh thọ thâm ý kiến giải của Pháp sư.

- Vậy là các người muốn đồ ta! Muốn chơi ta hả?

- Dạ không dám! Chúng con thật sự muốn cầu học, xin Pháp sư hoan hỷ!

- Ủ!... Thế thì được. Nhưng trước hết ta muốn thấy sự hiểu biết của quý vị. Hãy trình bày ta xem.

- Thưa Pháp sư, theo chúng con biết thì quán tứ niệm xứ là quán niệm, suy xét về bốn lĩnh vực hay đối tượng cơ bản, tiên quyết cho

cuộc hành trình của người xuất gia, tu hạnh giải thoát. Đó là:

1. Quán thân bất tịnh: quán sát sâu sắc để thấy rõ căn thân là một tổ hợp không trong sạch, nói cách khác là bản thiu. 2. Quán thọ thị khổ: chiêm nghiệm tận cùng để thấy mọi cảm thọ vui buồn đều khổ; nói chung, nhận lãnh sắc thân và nhu cầu sinh hoạt là đương đầu với vô vàn khổ lụy. 3. Quán tâm vô thường: soi rọi tinh tế để thấy tâm tư máy động, luồn lách vô thường. 4. Quán pháp vô ngã: rà xét toàn triệt để thấy các pháp hữu vi vô vi, tức là đối tượng của nhận thức, đều do duyên sanh, không có tự tánh, hoàn toàn vô ngã. Quán niệm và ngộ đạt “tứ niệm xứ” sẽ giúp hành giả vững bước trên lộ trình thẳng đến mục tiêu thánh đạo.

- Hay! Cái bí quyết ưu việt của Pháp sư là thế đó. Khởi gợi. Khởi gợi cho tinh hoa phát tiết, nghi vấn tự tiêu.

- Nay, chúng tôi nói cho sư biết nhé. Chúng tôi đang tạo cơ duyên cho sư nhìn lại chính sư đấy! Lâu nay nghe nói ở Kỳ Viên có một sư sống lâu lên lão làng, tu học phật phơ mà hành xử bề vệ, nếu không muốn nói là hợm hĩnh; thích làm thầy thiên hạ mà hiếm khi đụng đến sách đèn, kinh điển. Sư biết pháp tòa đó dành cho ai không? Thế Tôn và đại chúng từ bi hỷ xả cho sư nhiều lắm rồi đó!

- Ô kìa! “Thân bất tịnh, thọ



LTS: Học giả **Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ** với bút hiệu Tiểu Đệ đã được trang nhà Tự Điển Larousse Paris (France) đăng giới thiệu Ông (Publié le: 30/ 06/ 2011): http://www.larousse.fr/encyclopedie/article/Nguyen_Phu_Thu/11027558. Nhân dịp Xuân đến, hãy cùng nhớ về quê hương với ba giống cây thân thuộc và hữu dụng của người Việt từ mấy ngàn năm lập quốc.



BA CÂY HỮU DỤNG CHO MỌI NHÀ

Tiểu Đệ

Trước đây, tôi đã viết bài **Các Nông Cụ Việt Nam Vang Bóng Một Thời**, nay lại nhớ đến Ba cây hữu dụng cho mọi nhà. Đó là, **Chuối**, **Dừa** và **Tre**, xin trích dẫn như sau:

độc hại như ngày nay.

Khi buồng Chuối già thấy có vài trái chín cây, người ta đốn buồng Chuối xuống để có thể nấu ăn ngay hoặc đem giú cho nó chín còn cây Chuối cũng chặt luôn, thân cây chuối này dùng **dao yếm** để xắt chuối cho Heo ăn.

1. Cây Chuối

Cây Chuối, nếu chúng ta nhìn kỹ sẽ thấy hữu ích của nó nào là: Lá chuối dùng để gói bánh Tét... **Bắp chuối xắt** mỏng ngâm giấm dùng để trộn gỏi hoặc với gà xé phay... Chuối còn non chưa già gọi là **Chuối Chát** hay thân cây chuối còn non xắt mỏng làm rau ghém dùng để

mắm, thịt ba rọi luộc hay cá nướng rất hấp dẫn.

Thời xa xưa (năm 1945), vì chiến tranh lương thực không đầy đủ nên phải dùng đến củ Chuối để ăn sanh tồn, bởi vì, củ Chuối có vị ngọt, tính hàn, có tác dụng thanh nhiệt và giải độc.

Hơn nữa, nhà nào có vườn Chuối sau hè, sau khi cắt lúa xong, thường lấy rơm chất nơi các cây Chuối một thời gian, thì chúng ta sẽ thấy nấm rơm mọc lên, bởi vì, cây Chuối nó có độ ẩm và giữ nước mưa, làm cho men của rơm sanh ra nấm rơm. Đó là, phương pháp làm nấm rơm đơn giản thời xưa, không dùng hóa chất làm



Viết đến đây, tôi lại nhớ:
*Mẹ già như chuối chín cây,
Gió đưa trái rụng con rày mỡ côi.*

(Quả đúng vậy, bởi vì khi Mẹ già có khác gì «Chuối chín cây», khi bị một ngọn gió Mẹ sẽ bị đau bịnh rồi chết, hơn nữa nếu nhà nào có trồng chuối nhiều, sẽ thấy buồng chuối chín cây, vì không đốn kịp, mỗi khi có ngọn gió, các trái chuối lần lượt rơi rớt, có khác gì thân Mẹ già bị ngọn gió độc vậy. Đây là, hai câu tục-ngữ rất xác-thực trong dân gian VN, đã tài tình ví tuổi già yếu đuối của Mẹ không khác Chuối chín cây).

Khi Chuối chưa chín hẳn, còn ương ương thường làm các món Chuối như: **Xào dừa, hầm dừa hoặc nướng** ăn tuyệt vời.





Chuối nướng

Khi Chuối đã chín, thông thường dùng làm món tráng miệng, gồm có các loại Chuối như: **Chuối Cao, Chuối Già**. Khi nhắc đến **Chuối Già**, thì chỉ thường thấy bày bán ở Pháp hay các nước Âu Tây mà thôi. Nếu chúng ta chịu khó tìm kiếm ở Việt Nam, không những

thấy loại **Chuối Già** có nhiều loại như: **Già Hương, Già Cui, Già Lùn...** Ngoài ra, còn có các loại Chuối khác: **Cao, Cơm, Hột, Sáp, Xiêm, Xứ...** ở Việt Nam bày bán khắp nơi rất nhiều.



Chuối cao



Chuối già

Riêng **Chuối Xiêm** thường dùng nhưn bánh Tét hoặc các món ăn khác rất ngon.

Ngày nay khoa học đã tìm thấy Chuối có tên khoa học Musa Paradisiaca L. thuộc họ chuối Musaceae và theo Đông Y, Chuối có vị ngọt, tính bình, nhuận phế, chỉ khát, lợi tính tràng vị.

Do vậy, không những dùng làm món tráng miệng, mà còn trợ giúp cho bộ tiêu hóa, nhuận trường và các bệnh khác cho nhân loại nữa.

Ngoài ra, người ta cho rằng, nếu chúng ta dùng Chuối chín rục thâm kim, tức làm cho vỏ chuối có đốm đen có tác dụng tăng cường tính chất của các tế bào máu trắng lên gấp 7 hay 8 lần so với vỏ chuối còn xanh. Vì thế, có người cho rằng mỗi ngày một trái chuối... khỏi cần gặp bác sĩ?

Hơn nữa, nếu chúng ta dùng Chuối chín rục thâm kim để gây giảm ăn rất tốt, không dùng hóa chất làm độc hại như ngày nay.

Ngoài ra, còn trị các bệnh thông thường như:

1 - **Muối cắn**: Khi muối cắn, chúng ta hãy thử chà nhẹ phần trong của vỏ chuối vào chỗ muối cắn, sẽ thấy da bớt sưng và bớt ngứa.

2 - **Mụn cóc**: Dùng phần trong của vỏ chuối đắp lên chỗ mụn cóc, rồi băng keo dán lại, sau một thời gian mụn cóc sẽ mất!

2. Cây Dừa

Sau cây Chuối là cây hữu dụng từ lá, rồi trái cho đến củ, nay xin bàn đến cây Dừa, chúng ta thấy 2 loại Dừa là : Dừa sống trên đất như Dừa: Xiêm, Lửa, Lùn và Dừa sống dưới nước thường gọi Dừa Nước nó cũng hữu dụng không kém.

Nhân đây, xin trích dẫn **Sinh Hoạt Đời Sống Việt Nam** trong quyển sách **4000 TỪ NGỮ THỰC HÀNH của Nguyễn Phú Thứ** từ trang 567 đến trang 599) dưới đây : Ở Việt Nam, có rừng Dừa tại Bến Tre, vì nơi đây, du khách đi đâu cũng thấy Dừa hàng hàng lớp lớp, không những Dừa ở trên đất liền, mà còn thấy hàng Dừa ở dưới nước, bên lề đường.



Cây lá Dừa Nước

Đó là, loại Dừa Nước, nó cũng có nhiều trái rất công dụng, cơm và nước dùng để ăn uống rất ngon... Ngoài ra, còn có *lá Dừa nước*, trước kia dùng nó làm vách hay lợp nhà để che nắng che mưa.



Thốt Lốt: (khi nói đến trái Dừa Nước, phải nhớ đến trái Thốt Lốt), bởi vì, nước chúng nó có vị ngọt thơm đặc biệt giống nhau, cho nên du khách khi đến Núi Sam (Châu Đốc) hoặc biên giới Miên

Việt, sẽ thấy trồng những cây Thốt Lốt và nơi đây còn được ăn trái và đường Thốt Lốt được bày bán.

Trái cây Thốt Lốt (Le fruit de palmier) khi bở ra, thấy có 3 hoặc 4 múi, màu trắng, nạo bỏ vào ly cùng với nước Thốt Lốt, ăn rất thơm ngon hơn Dừa tươi.

Ngày nay, người ta đã lấy nước trái Thốt Lốt pha thêm si-rô để vô hộp xuất khẩu (Fruit de palmier au sirop).

Còn đường táng Thốt Lốt, làm bằng nước Thốt Lốt có hình bầu dục, bề dài khoảng 3 hay 4cm và bề dày khoảng 2cm, loại đường này ăn có vị ngọt thanh tao, thường dùng để nấu chè hay ăn dưa gang rất ngon tuyệt. (Phương pháp lấy nước Thốt Lốt để làm đường, không phải lấy từ trong trái, mà lấy từ hoa cây cái của Thốt Lốt, vì nó có khoảng trên 30 hoa mỗi cây, có chiều dài từ 5 đến 6cm. Khi hoa trở bông, người ta thường dùng Ống tre đã được xông khói và lau chùi cho sạch để hứng nước hoa, sau khi cắt một đoạn đầu vòi hoa, từ đó nước từ vòi đó sẽ chảy từng giọt, mỗi ngày hứng được khoảng 1 lít nước, tùy theo vòi hoa lớn nhỏ).

Ngoài ra, khi nhắc đến cây **Thốt Lốt**, phải nhắc đến "Cành lá cây **Thốt Lốt**", bởi vì, nó cùng loại với cây Palmier (Le palmier = cây kê, cây **Thốt Lốt**), rất được trân quý, cho nên Chánh Phủ Pháp làm biểu tượng làm cành Vinh Quang và Chiến Thắng, vì thế chúng ta mới thấy có Palme Academique (Giáo Dục Huy Chương hay Hàn Lâm Huy Chương), để Chánh Phủ thường trao tặng, cho nên mới có huy chương **Đệ Ngũ Đẳng Hàn Lâm** tức **Chevalier dans l'Ordre des Palmes Academiques** người có công trạng trong ngành Văn Hóa, Nghệ Thuật và Giáo Dục của nước Pháp, cho nên vào tháng 5 hằng năm tại thành phố **Cannes** ở miền Nam nước Pháp, thường tổ chức Đại Hội **festival à Cannes** dành cho những tài tử đóng phim quốc tế cũng thấy cành cây Palmier xuất hiện một cách trang trọng.

Trở lại, **cây Dừa**, chúng ta thấy có những công dụng hữu ích như sau : **cây Dừa** không gây giống để trồng bằng hạt hay chiết cành như các loại cây khác, mà bằng **trái dừa khô**, khi **trái dừa khô**, để lâu ngày sẽ có **mọng dừa** (mọng dừa còn nhỏ ăn được), rồi từ đó mọc ra thành **cây dừa Con**.

Trái dừa tươi để uống nước giải khát, **trái dừa khô** thường nạo lấy **nước cốt dừa** để làm bánh hay nấu ăn hoặc thăng dầu... Riêng **trái dừa khô** có công dụng làm **giò bình tích** hay **gáo dừa**...

Lá dừa khi còn non dùng gói bánh, cho nên có tên **bánh lá dừa**, còn **thân cây dừa** ngày xưa làm cột nhà hoặc khắc trạm những **đôi liễn** để thờ nhà xưa.



Gáo dừa

Trái dừa

3.- Cây Tre

TRE : Việt Nam có nhiều loại như : Tre Mạnh Tông, Tre Gai... thân Tre cao lớn thường để làm nhà hoặc đan những dụng cụ để xài như : Thúng, đặng, đó, giỏ, cần xé, nơm, nia, sàng, sê, rổ, lờ... cho nên trong dân gian thường thấy như:

*Tre già dùng để làm nan,
Đan đan đặng đó, nhỏ đan thúng sàng,
Gốc thì tạo dựng cái nhà,
Ngon ngành thì để làm giàn trâu leo,
Hết thân rồi đến mọc măng,
Cho ta khẩu vị làm tăng bồi phần...*

Ngoài **cây Tre**, còn có **cây Lồ ô** (nó có thân nhỏ hơn Tre và có lóng dài) và **cây Trúc**... có công dụng mỗi loại khác nhau.

Nhưng, ở Pháp không tìm ra tên đặc biệt từng loại **Tre**, **Lồ ô** và **Trúc**, mà chỉ gọi tên chung là : **Le bambou** rồi giải thích thêm ...

Trường hợp này, giống như các cái đã nói ở trên như : **Thúng, đặng, đó, giỏ, cần xé, nơm, nia, sê, rổ, lờ...** cũng không có từ ngữ nào chính xác của Pháp Ngữ nên sự chuyển dịch từ Việt Ngữ sang không thể đúng nghĩa của nó hết được. Bởi vì, ở Pháp không có sử dụng các vật dụng này và chỉ có các từ ngữ để dùng chung chung mà thôi, đó là : **La corbeille** và **Le panier**, cho nên quý độc giả đã thấy các cái : **Bung, đục, Giỏ, Rộng** để đựng cá chỉ chuyển dịch sang Pháp Ngữ là **La corbeille**. Còn các cái : **Thúng, Rổ, Cần Xé, Sê, Nia...** chuyển dịch sang Pháp Ngữ là **Le panier** rồi giải thích thêm, ví như :

- **Cái Cần Xé** = **Le panier grand à anses**
- **Cái Thúng** = **Le panier en bambou tressé**
- **Cái Rổ / Sê** = **Le panier à claire-voie**
- **Cái Nia** = **Le panier plat...**

Hoặc cái : **Lờ, Đục, Đó, Đặng...** chuyển dịch sang Pháp Ngữ là **La nasse, Le verveux** rồi giải thích thêm. Cũng như cái **Đặng** = **Le gord** hoặc **Le duit** ou **duis** (xin trích trong quyển **Pháp Việt Tân Tự Điển** của **Thanh Nghị** và xem lại các hình ảnh trong bài **Các Nông Cụ Vàng Bóng Một Thời** cùng tác giả **Tiểu Đệ** vừa qua).



Mọc măng tre

Từ đó, những **Pháp Ngữ** nghèo nàn như : **La corbeille, Le panier, La nasse** và **Le verveux** khi chuyển sang **Anh Ngữ** **The basket, The lobster pot...** thì càng không đúng nghĩa các cái vật dụng của **Việt Nam**.

Khi nói đến **Pháp Ngữ** nghèo nàn, tôi lại nhớ ở **Việt Nam** có rất nhiều từ ngữ **lúa gạo** ví như : **gạo lúc, gạo trắng, gạo dài, gạo tròn, gạo tằm, cơm, lúa...** nhưng khi chuyển dịch sang **Pháp Ngữ** thì chỉ dùng chữ **Riz** rồi giải thích thêm.



Thanh âm cuộc lữ

*Người cười gió qua bờ sông sanh tử
Nghe thanh âm vang vọng ở quanh mình
Có tiếng khóc vô thanh sâu cuộc lữ
Giọt lệ buồn khép chặt mộng bình sinh*

*Và đâu đó nụ cười chưa hé nụ
Bỗng vụt tan trên khóe miệng rưng rưng
Ai gào thét trong đêm dài lịch sử
Là hồn ma hay tiếng gọi non sông?*

*Những giai điệu phù du kiếp sống
Mãi dật dờ trong máu óc tim gan
Ta chối bỏ trần gian ảo mộng
Mà vẫn nghe...
Ray rứt...
Bến trắng ngàn...*

HÀN LONG ẨN

Thiên Trúc, San Jose 12/2011

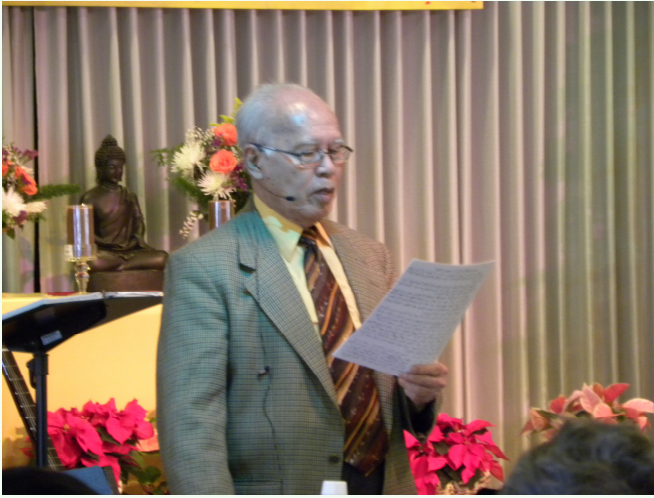
Bất hoại

*tựa lưng hoàng hôn
vết sẹo ẩn tàng
trở mình mỗi tháng tư
mùa xuân thất sủng đã bao năm
những móng vuốt của trầm tư
u áo từ bao giờ
gìong mật nguyên sinh
trôi vào đời sống không đối cực
chiều khâm liệt
hoang mang đất trời tìm thiên sứ
ai lay giấc ngủ xuân tàn
nghêu ngao tiếng ca cùng tử
đá khuất nẻo sa mù
gông trùm nỗi nhớ
xa lắm ở bờ môi chúc lụy
lênh đênh ngàn bến độ
như nắm lá khô tan tác
trong bàn tay vĩnh tuyệt*

VŨ TIẾN LẬP

HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ

Hội Thảo Về Hoằng Pháp Của Người Cư Sĩ: Hoằng Pháp Là Đem Lại Sự An Lạc Cho Mọi Người



Cư sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ đọc diễn văn khai mạc hội thảo. (Photo VB)



Quang cảnh trong cuộc hội thảo tại Trung Tâm Sangha. (Photo VB)

HUNTINGTON BEACH (VB) -- Khoảng 200 chư tôn đức Tăng, Ni, nhân sĩ trí thức và đồng hương Phật tử tham dự buổi hội thảo với chủ đề Sự Đóng Góp Của Người Cư Sĩ Trong Công Cuộc Hoằng Pháp Tại Hải Ngoại được tổ chức tại Trung Tâm Sangha, Thành Phố Huntington Beach, California, Hoa Kỳ, vào chiều Chủ Nhật, ngày 11 tháng 12 năm 2011.

Quang lâm tham dự gồm có Đại Đức Thích Minh Tuệ, Sư Cô Thích Nữ Nguyên Thẩm, Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County, Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ, Nhóm Thiền Sinh Sợi Năng, Nhóm Thiền Sinh Xóm Dừa, Nhóm Mắt Thương Nhìn Đời, Hội Phật Tử Lạc Pháp, Hội Phật Học Đuốc Tuệ, v.v

Chủ tọa cuộc hội thảo là Cư Sĩ Mật Nghiêm

Đặng Nguyên Phả, Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ. Điều hợp hội thảo gồm các vị Cư Sĩ Tâm Cát, Cư Sĩ Minh Trí, và Cư Sĩ Minh Đức. Các thuyết trình viên gồm có các Cư Sĩ Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí, Joe Đỗ Vinh, Tâm Quang Vĩnh Hảo, và Chân Văn Đỗ Quý Toàn.

Mở đầu chương trình hội thảo là phần trang nghiêm niệm danh hiệu đức Bổn Sư ba lần để cầu chư Phật gia bị cho cuộc hội thảo được thành tựu viên mãn. Sau khi niệm Phật, hội trưởng trở nên yên tịnh và cử tọa lắng tâm để theo dõi các phần thuyết trình của các diễn giả.

Cư Sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, trong lời khai mạc, đã bày tỏ niềm hoan hỷ được đón tiếp chư vị thiện hữu tri thức đã đến tham dự đông đủ. Cư Sĩ Mật Nghiêm nói rằng chúng ta thường nghe nói Tứ chúng đồng tu, tức là bốn chúng đệ tử Phật, gồm 2 chúng xuất gia Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và 2 chúng tại gia nam và nữ cư sĩ cùng tu tập. Cư sĩ Mật Nghiêm nhấn mạnh rằng tu là học, hành và hoằng pháp. Tăng, Ni thì tuyên Pháp, còn cư sĩ thì đem đạo vào đời, cũng tức là hoằng pháp. Cư sĩ Mật Nghiêm đặt vấn đề rằng hội thảo để chúng ta cùng nhau thảo luận cách làm sao người cư sĩ sống trong thế giới vật chất cám dỗ mà vẫn giữ được bản sắc của người Phật tử và của dân tộc. Riêng đối với giới trẻ thì làm sao để giữ con em mình không đánh mất nguồn gốc dân tộc và đạo pháp. Cư sĩ Mật Nghiêm cũng nghiêm túc nêu ra thao thức rằng chúng ta hiện giữ tu hành thế nào, đã tu chưa. Nhân đây, Cư Sĩ Mật Nghiêm cũng kêu gọi chư vị thức giả đóng góp bài vở để hoàn thành cuốn Kỷ Yếu từ nay đến cuối năm.

Trước khi bắt đầu phần thuyết trình, Cư Sĩ Tâm Cát đã trình bày sơ lược một vài nội quy của hội thảo để giúp cho cuộc hội thảo đạt được thành quả tốt nhất.

Diễn giả đầu tiên là Cư Sĩ Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang, chủ biên trang mạng Phật Giáo Thư Viện Hoa Sen - www.thuvienhoasen.org -- với đề tài

Vận Dụng Bài Học Lịch Sử Cận Đại Về Hoằng Pháp Của Các Cư Sĩ Tiền Bối. Cư sĩ Tâm Diệu đưa ra 3 hình ảnh tiêu biểu của người cư sĩ trong giai đoạn chấn hưng Phật Giáo Việt Nam cận đại. Đó là 3 vị Cư Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Cư Sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, và Cư Sĩ Đoàn Trung Còn. Theo Cư sĩ Tâm Diệu, Cư Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là người sáng lập Hội An Nam Phật Học tại Huế, Gia Đình Phật Hóa Phổ, và Báo Viên Âm, với 3 mục tiêu: Giáo dục tuổi trẻ bằng Phật Pháp, đào tạo Tăng tài, và hoằng pháp qua tuyên thông báo chí. Cũng theo Cư sĩ Tâm Diệu, Cư Sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền là người sáng lập Hội Phật Học Nam Việt, xây dựng ngôi chùa lịch sử là Chùa Xá Lợi tại Sài Gòn, và Tạp Chí Từ Quang từ năm 1951 tới năm 1975. Cư sĩ Đoàn Trung Còn,

theo Cư sĩ Tâm Diệu, là người sáng lập Phật Học Tùng Thư và Trí Thức Tùng Thư, biên soạn bộ Phật Học Từ Điển gồm 3 tập dày trên 2,400 trang, đồng sáng lập Tịnh Độ Tông Việt Nam, đến năm 1970 thì xuất gia với pháp danh Thích Hồng Tại. Cả ba vị cư sĩ trên đều là những cư sĩ đã cống hiến đời mình cho sự nghiệp hoằng pháp rất hiệu quả tại Việt Nam.

Diễn giả thứ 2 là Cư sĩ Nguyên Lượng Nguyễn Phước Trí, Hội Trưởng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County, với đề tài Kinh Nghiệm Sinh Hoạt Hoằng Pháp Của Cư Sĩ Lúc Hợp Tác Với Các Tự Viện. Cư sĩ Nguyên Lượng nói rằng đệ tử Phật có hai chúng: Xuất gia và tại gia. Chúng Xuất gia lo truyền giảng đạo pháp, và chúng tại gia lo gìn giữ chất liệu Phật Pháp cho trường tồn. Cư sĩ Nguyên Lượng kể về sinh hoạt của Hội Cư Sĩ Orange County trong 20 năm qua và công tác làm tài xế đưa đón các cụ già đến Chùa tụng kinh, nghe pháp vào mỗi tối Thứ Sáu hằng tuần. Cư sĩ nói rằng khi chở các bác, các cụ đi chùa thì gặp rất nhiều trường hợp nghịch duyên, nhưng ông nghĩ rằng đây là công tác chở một vị Phật tương lai nên cảm thấy việc làm có ý nghĩa và không phiền não. Cư sĩ Nguyên Lượng nhấn mạnh đến 4 điều kiện mà qua đó ông thực hành để làm công tác hoằng pháp: Nói để nghe và hiểu, nhìn thấy đối tượng là ai, thấy từng hoàn cảnh của mỗi đối tượng, và biết rõ mình đang ở đâu.

Diễn giả thứ 3 là Cư sĩ Joe Đỗ Vinh, Ủy Viên Kế Hoạch của Thành Phố Garden Grove, và cũng là người ra tranh cử chức vụ Dân Biểu Tiểu Bang California trong mùa bầu cử sắp tới, đại diện cho Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, với đề tài được ghi trong chương trình của Ban Tổ Chức là

Kinh Nghiệm Hoằng Pháp Của Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Ông Đỗ Vinh khi thuyết trình đã không nói vào đề tài mà nói về vấn đề dẫn thân, được ghi trên khẩu hiệu của Hội Phật Học Đuốc Tuệ là Vì Đời Phụng Sự, Vì Đạo Dẫn Thân. Theo ông Đỗ Vinh, đi học, làm việc đều là hình thái của dẫn thân. Ông Đỗ Vinh nêu ý kiến là để hoằng pháp được thành tựu cho giới trẻ tại Hoa Kỳ thì phải dùng đến tiếng Anh, vì giới trẻ tại đây đa phần chỉ thông thạo Anh Ngữ.

Diễn giả thứ 4 là Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào, Chủ Biên Báo Chánh Pháp, với đề tài Cư Sĩ và Việc Hoằng Pháp. Mở đầu phần thuyết trình, Cư sĩ Tâm Quang đã trích lời Phật khuyến tấn cho 60 vị A La Hán đầu tiên đi hoằng pháp mà Cư Sĩ Tâm Quang cho đó là tuyên ngôn hoằng pháp trong đạo Phật. Lời Phật dạy trong Đại Phẩm của Luật Tạng rằng,

Này các Tỳ Kheo!... Hãy lên đường vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Cư sĩ Tâm Quang nhấn mạnh đến mục tiêu của hoằng pháp là đem lại hạnh phúc cho nhiều người chứ không phải vì mục đích nào khác. Cư sĩ Tâm Quang cũng giải thích về ý nghĩa của người cư sĩ là 'người tại gia theo đạo Phật, đã quy y Tam Bảo, giữ năm giới và hộ trì Tam Bảo. Theo Cư sĩ Tâm Quang thì quy y Tam Bảo, giữ giới, thực hành bố thí chính là hoằng pháp.

Diễn giả thứ 5 là Cư Sĩ Chân Văn Đỗ Quý Toàn, nhà thơ, giáo sư, nhà bình luận, nhà giáo thọ, trong phần thuyết trình đã nhắc lại ý nghĩa về hoằng pháp trong Phật Giáo là đem lại sự an lạc, hạnh phúc cho người khác. Cư sĩ Chân Văn nói rằng sở dĩ người cư sĩ phải hoằng pháp vì là người con Phật. Là con Phật thì không ai nói rằng tôi theo Phật cho tôi, mà không care gì tới ai hết. Cư sĩ Chân Văn nhấn mạnh rằng khi người con Phật sống đúng theo lời Phật dạy thì đã hoằng pháp rồi. Nhân đó, Cư sĩ Chân Văn kể chuyện về việc cách nay nhiều năm lúc ông còn ở Canada dự một hội thảo đa tôn giáo tại Montreal tại một trường học cho các học sinh lớp 9, ông đã nói đến việc chỉ cần sống theo tinh thần của Phật dạy là có được an lạc chứ không phải bỏ đạo của mình. Cư sĩ Chân Văn nói rằng đó là điểm đặc biệt của Phật Giáo mà không một tôn giáo nào khác có được.

Sau phần thuyết trình của 5 diễn giả là phần hội thảo để người tham dự có thể chia sẻ quan điểm và kinh nghiệm cũng như nêu các câu hỏi liên quan tới những đề tài đã thuyết trình.

Những cuộc hội thảo như vậy là cơ hội giá trị để người cư sĩ có thể trao đổi, tìm hiểu và biết cách làm sao góp phần vào việc đem Phật Pháp đến cho mọi người để cùng nhau tu tập và lợi lạc trong cuộc sống.



BÁC SĨ NHA KHOA HUỲNH THỊ HẠNH



Tốt nghiệp Nha Khoa Đại Học Saigon.
Nguyên giảng viên Đại Học Nha Khoa Minnesota.

QUẢN HẠNH KHUÊ, D.D.S.

Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of Minnesota
Nguyên giảng viên Đại Học Nha Khoa Hồng Kông.

Giờ làm việc:

Thứ Hai – Thứ Sáu: 10am – 6pm
Thứ Bảy: 10am – 2pm

Xin vui lòng lấy hẹn trước.

NHẬN:
**MEDICAL &
BẢO HIỂM**

- ◆ NHA KHOA TỔNG QUÁT
- ◆ CHĂM SÓC RĂNG CHO TRẺ EM TỪ 2 TUỔI.
- ◆ NHA KHOA THẨM MỸ
(Tẩy răng, làm khít răng thưa và răng mẻ)

14571 Magnolia Street, # 202
Westminster, CA 92683

Tel: **(714) 897-9985**

Mùa Xuân và Đất Mẹ

THẢO LƯ

Trời Lincoln. Sáng sớm đã nhìn thấy một màu tuyết trắng. Tuyết rơi trắng xóa mặt đường. Tuyết bám đầy trên những nóc nhà cao im lìm vắng vẻ. Tuyết bành bồng trên những thân cây to lớn trụi cành. Cuộc hành trình buốt giá chừng như chưa chịu chấm dứt. Cho dù mùa xuân đang trở về. Sự hồi sinh cây cỏ chỉ còn trên ước niệm của thời gian, cảnh vật vẫn cô liêu trầm mặc với không gian. Tuy nhiên, sức sống mới của mùa xuân đang lan tỏa. Không gian tràn ngập làn hơi ấm mặt trời.

Mùa xuân đang đến. Nhìn những bông tuyết bay bay trong trời giá lạnh, tôi lại tưởng tượng đến những cánh hoa xuân rơi là tả giữa một chiều mưa bão ở quê nhà. Những thân cây tàn úa, bứng lên một sắc xuân nồng nàn tươi tắn. Ẩn sâu trong lòng đất lạnh, cây cỏ cũng đang trỗi dậy. Cảnh vật bỗng chốc xanh tươi trong màu áo mới. Một màu xanh lan tỏa dịu dàng như nỗi lòng những người con xa xứ.

Tôi đang ở một nơi mà thời tiết và thiên nhiên luôn tĩnh lặng, chỉ có thời gian và không gian là không ngừng chuyển động. Suốt bốn mùa, tôi trải lòng mình theo từng chu kỳ biến dịch của sắc hoa và sắc trời. Khung trời vào thu mây vương nắng nhẹ. Và còn gì đẹp hơn khi được nhìn ngắm lá đổi màu. Những chiếc lá xanh chuyển dần sang màu vàng mơ, rồi màu ngà chói nắng, qua vàng sẫm, rồi đỏ, đỏ rực trước khi úa tàn rơi rụng. Chỉ một chiếc lá rời cành, cũng để lại cho đời một màu sắc tươi đẹp. Thời gian chuyển dịch diễn ra chậm rãi từ từ. Nhưng sao tôi thấy nó vẫn nhanh. Nhanh đủ để mình cảm nhận ra sự thoáng chốc đến bất ngờ. Bất ngờ vì một vẻ đẹp chói lòa trong tàn úa, vì sự mong manh lạnh giá đến nao lòng. Rồi thì mùa đông cũng đến. Một mùa đông ngập chìm trong bão tuyết.

Hồi còn ở bên nhà, tôi vẫn mong ước có được một lần nhìn thấy tuyết. Thật thú vị khi được vốc trên tay một nắm tuyết... để thám buốt cái lạnh tê người, để say sưa dõi theo những chân trời viễn mộng. Khi đối diện với mùa đông đầy tuyết, lòng càng thấu hiểu hơn niềm khắc khoải của con sóng vỗ

xa bờ. Sóng lao xao như đang muốn tìm đường về đất mẹ.

Tôi đi qua bao mùa đông dài trong nỗi nhớ thương mất mát một thâm tình. Và cũng chừng ấy năm, tôi bước vào cửa ngõ mùa xuân bằng cái nhìn chơi vơi lạc lõng. Hơn mười năm, vết loang cũ mờ dần, nhưng nỗi đau vẫn còn nhức nhối khi đông về. Trên mỗi cung đường đi qua, tôi luôn góp mặt với đời chỉ để cho mình tồn tại mà dường như quên mất mọi khái niệm thời gian. Nhưng thời gian vẫn trôi, con thuyền Đạo đã đưa tôi sang một bến bờ mới. Lần thứ hai, ngày cuối năm, ở phương xa này, tôi làm lễ tưởng niệm người chị thân yêu của mình. Một không gian đầy tuyết, một hoa hồng khô và một ly trà nóng, nhưng chẳng thể làm vơi cái lạnh buốt giá bên ngoài. Chị vốn thích hoa bạch mai. Một lần tôi nằm mơ thấy chị về tưới cây mai trắng chị trồng lúc sinh tiền. Hoa mai trắng tượng trưng cho đời người hư ảo mong manh. Chị không còn. Mai trắng từ dạo ấy thôi không còn ra hoa điểm sắc.

Và trong một lần... tôi hòa theo tiếng hát cùng mọi người. Nhiều năm không vang lên nổi một lời ca, nhưng rồi tôi cũng bắt nhịp được. Bài "Một cõi đi về" luôn nằm yên trong tiềm thức. Nó nằm yên lặng bao năm và khi tôi cất lên thì thấy mình như bị tan chảy trong đó. Tôi hát mà như đang tâm sự với chính mình. Không chủ đích, nhưng khi dòng nước mắt tuôn rơi, tôi chợt nghe lòng nhẹ nhõm niềm u uẩn. Âm vang ngày cũ một thoáng hiện hành chỉ là để nhắc nhở tôi bao điều. Tôi hiểu từ đây mình không thể mãi khép kín. Tôi tồn tại đâu chỉ cho riêng mình. Khắp nơi mùa xuân đang trở về. Nắng ấm ngày xuân rồi sẽ xua tan hết những đêm dài giá tuyết.

Nàng xuân đến. Đất mẹ hồi sinh. Sự buốt giá của mùa đông vẫn còn đó và tuyết vẫn rơi rơi trên mọi ngã đường. Cây cỏ trong sân vườn rưng rờ trong những sắc màu kỳ ảo. Những thân cây mới hôm qua còn trụi trụi, cũng điểm vài chiếc lá non đầu tiên. Bầu trời khoe sắc. Mặt đất tươi vui. Và chính trong lúc này, những người con xa xứ,



mong muốn được gởi tấm lòng về cùng quê hương xa khuất. Tôi đã trải qua hai mùa đông tuyết giá nơi xứ người. Hai mùa đông ngắm nhìn mưa tuyết để thấm lạnh thêm một nỗi nhớ quê nhà. Sự chờ đợi một mùa xuân... cũng là để vơi đi niềm nhớ thương thầm lặng.

Tôi luôn hoài tưởng về một mùa xuân ấm áp nơi quê nhà, nơi có những ngôi chùa mà năm tháng còn lưu đậm dấu ấn bên lòng. Ngôi chùa của một thời hành điệu, mang đậm nét cổ kính rêu phong. Ngôi chùa của một thời ni sinh yên ổn tu học trong vòng tay ấm áp, cứu mang của bao người. Những ngôi chùa thân quen đi qua cứ như sương khói trần gian... nhưng niềm tin về một chân lý bất diệt, niềm tin vào chính mình vẫn nguyên vẹn một sắc màu. Tôi đã bước qua một chặng đường mới. Một chặng đường không thênh thang rộng mở như nhiều người vẫn nghĩ. Nhưng mỗi chặng đường là một cuộc thử thách. Mùa đông không chỉ có giá băng và mùa xuân đâu chỉ là hoa thơm cỏ lạ. Hoa mai thấm trọn cả một mùa đông tuyết giá, nên sắc hương diu dặt cũng muôn chiều.

*"Nếu chẳng một phen sương thấm lạnh
Hoa mai đâu để tỏa mùi hương"*

Ai đó đã nói: Trong chừng mực cuộc sống, nếu ta biết chấp nhận mình, chấp nhận với những gì hiện có, thì cuộc sống sẽ trở nên có ý vị và thanh thản nhịp nhàng hơn. Mang tâm trạng của người xa quê, tôi trải nghiệm lòng mình qua mỗi mùa đông giá buốt. Khi mùa xuân đến, hình ảnh quê nhà ngời sáng trên mỗi bước chân đi về. Hình ảnh của người mẹ già tháng năm lặng lẽ trong gian thất nhỏ. Hình ảnh của những người chị người em, không ruột rà mà trở thành thân thiết... Tất cả đã và đang đổi theo bước chân tôi, gởi cho tôi biết bao niềm tin yêu kỳ vọng. Tôi đón nhận mùa xuân cũng là đón nhận hoa trái yêu thương từ chốn quê nhà. Hoa trái kết nụ đầu mùa, thơm nồng mùi cỏ dại miền xa. Bao đêm tôi thấy mình được trở về trên đất mẹ. Trở về trước khi mùa xuân mới bắt đầu.

Khi đã biết trải lòng cùng cuộc sống, tôi nhận ra quanh mình luôn có sự đồng cảm thân yêu của bao người. Tình người xa xứ đã mang lại nhiều sắc vị và đã vun đắp cho tôi có được những chất liệu về giá trị sống. Mặc cho hoa tàn hoa nở, cảnh vật bốn mùa thay đổi, người con Phật, trên bước đường hành hóa tha phương, luôn là một ngọn lửa hồng, thấp sáng cho người, thấp sáng mọi chân trời hướng tới. Không gian mùa xuân thắm đầy những sắc màu. Tôi sẽ chọn cho mình những gam màu tươi sáng. Và màu khói lam thanh thoát dịu dàng sẽ mãi theo tôi trên mỗi bước đường phía trước.

Tuyết đã tan. Người lữ khách trong ngôi nhà trọ đã thôi không còn chờ đợi một cơn mưa bất chợt trong đêm xuân. Mùa xuân đang đến. Trên mỗi bên bờ tôi đi qua, ánh nắng của ngày mới sáng lòa, soi tỏ cả chân trời đất mẹ yên bình.

Thảo Lư



hoài, không

*đất nằm bãi hoài hơi mưa
luồng cơn địa nhiệt tro tro bên trời
người đi vỡ đất lưng đồi
sấm đùn chớp giạt toi bời tử sinh.*

tịch cảnh

*lối sỏi đá gập ghềnh
nửa đường dốc chông chênh
lưng trời vàng trắng mọc
mái chùa im bóng thiền.*

giả cảnh

*màn đom đóm xập xoè
mặt sông rướn mình nghe
từng cơn chiều gió nhẹ
bóng người động khóm tre.*

hư cảnh

*đường rộng kín lối về
bóng người chen bóng xe
bụi bốc mờ chân phố
hoa lựu nở bên hè.*

PHÙ DU

Bơi thuyền trên sông

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

Bơi thuyền trên sông..., một thú tiêu dao thanh nhã và thơ mộng; ít nhất một lần trong đời chúng ta đã bơi thuyền trên dòng sông của tuổi thơ, dòng sông ấy đã trở thành ký ức không dễ hồ quên.

Dòng sông đã cho ta những kỷ niệm đẹp, kỷ niệm của tuổi ấu thơ với những năm tháng học trò đầy sắc màu nhưng nhớ: ngôi trường, cổng làng, hàng tre già, con đường bụi đỏ...và dòng sông hiền hòa cho chúng ta thả thuyền, ca hát ngao du...

Trưa hè, bên kia sông, khi những mục đồng hò hét reo vui bên những con trâu già tắm mình trong dòng nước mát, bên nay sông lũ học trò chúng ta mỗi đứa một chiếc thuyền con, và dong thuyền ra khơi...Tiếng bì bõm của con nước vỗ vào mạn thuyền cho chúng ta cảm giác lâng lâng êm ấm, tiếng gió nồm lao xao mang hơi mát của đầu mùa hạ thoang

thoang trên sông đã thổi bay đi những cái nóng nực của ngày hè...thuyền ta bơi trên con nước lao xao, ta thả tay chèo ngửa mình nhìn ngắm bầu trời cao ngắt và để thuyền theo gió đi nơi đâu mà nó muốn...Con sông Tam Giang quá rộng, ta thấy mình lạc lõng giữa bầu trời sóng nước bao la, làng quê cứ nhỏ dần rồi chìm khuất...hốt hoảng ta với mái chèo và bơi vào bờ...

Thật chậm...ta thong thả nhìn những hàng phượng dưới lòng sông, những con cá rô cứ đua nhau đớp những bông phượng đỏ hoe, vài con cá trê đầu đỏ vểnh râu để nhìn một con chim trên cành phượng...ta đi trên những cọng rêu mềm, và hàng vạn thanh âm của sự sống đang lao xao dưới con thuyền... Trên thuyền, bầu trời trong vắt dù chẳng có sao trăng ngoài mảng mặt nhật đỏ ối rớt xuống dòng sông cách mũi thuyền

chừng hai mét, thuyền ta đi thì ráng đỏ cùng đi khi ta đứng ráng đỏ kia cũng đứng. Ta cố đuổi bắt cho được ráng đỏ kia nhưng vô vọng...một tiếng va đập mạnh ta biết mình đã vào bờ...thả tay chèo, ta nuối tiếc nhìn con sông xa xa và hít thở mùi gió rêu của nó trước khi từ giã nó, rồi chạy một mạch về nhà...

Lâu lắm rồi ta không còn bơi thuyền trên sông và ta đã vô tình quên nó. Cuộc sống bận rộn, thay vì bơi thuyền chúng ta đã bơi xe lao vun vút qua những phố thị, đổi mắt theo những sign chỉ đường để đi đúng hướng đúng luật, cầm đầu cầm cổ chạy hết chân ga qua những Freeway...ta đã gặp hàng ngàn người trên những con đường mà xe ta lao qua...nhưng ta đâu nhìn thấy rõ mặt mũi họ, đâu biết họ là ai trong thế giới hững hờ tẻ nhạt...

Ta mơ ước tìm lại tuổi thơ, ta muốn bơi thuyền trên dòng sông êm ấm đầy mộng mơ với những hoài ức đẹp; ta trở về tìm lại dòng sông ngày xưa đó...nhưng cuộc thế vô thường, dòng sông xưa nay đã thay màu...dòng sông đã qua lại với nhiều tàu bè tấp nập, dòng sông đầy giàn giữ với những con sóng lớn, dòng sông không còn không gian để cho ta thả hồn thanh tịnh phiêu lãng. Dòng sông hôm nay không còn là dòng sông của ngày xưa, dòng sông ngày xưa là dòng sông của ký ức, của mộng mơ...

Vĩnh viễn, ta không thể trở về tuổi thơ, thay vì tìm lại ký ức ngày xưa, thay vì bơi thuyền trên dòng sông của tuổi thơ, sau những lúc mệt nhọc ta ngồi xuống trong một không gian yên tĩnh, hít thở thật sâu...ta nhận ra rằng mình vẫn đang bơi thuyền trên một dòng sông tâm thức bình lặng.



Mùa Xuân trong Đạo Phật

LUU LY

Trong tập tục cổ truyền của người Đông phương cũng như Việt Nam chúng ta, Tết Nguyên đán tức ngày đầu năm được chọn theo âm lịch, thường vào khoảng tháng 2, tức là khi mùa xuân đã bắt đầu nảy mầm trong khí trời còn lạnh của mùa đông. Vì thế, nói đến Tết là nói đến mùa xuân, với rất nhiều ý nghĩa của nó.

Xuân đến thể hiện cho sự đổi mới của thiên nhiên vạn vật sau một giấc ngủ dài mùa đông, cây cỏ đang khô cằn héo úa trở nên đẹp để xinh tươi, muôn màu muôn sắc nở rộ tràn đầy sức sống. Trong khí xuân tung bừng đó, con người cũng phấn khởi và hi vọng cho một năm mới tốt đẹp hơn. Từ bao thế kỷ nay, đi chùa lễ Phật, cầu an, cầu phước trong những ngày đầu năm đã trở thành một thông lệ không thể thiếu trong lễ Tết của Việt Nam. Đạo Phật đã đi vào lòng nếp sống văn hóa của dân tộc, như trong câu thơ của cố hòa thượng Mãn Giác:

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tiên

NGHI LỄ TRONG NGÀY TẾT

Nói đến những nghi lễ trong ngày Tết, phải nói đến lễ cúng giao thừa trước tiên. Giao thừa là gì? Giao là giao lại, thừa là tiếp nhận, tức là giao lại cái cũ, tiếp nhận cái mới. Ngày cuối năm được gọi là ngày giao thừa, đưa năm cũ đi, đón năm mới đến, hay là "tống cựu nghinh tân". Giờ phút quan trọng nhất là vào lúc nửa đêm, đúng thời điểm của hai ngày giao nhau. Thường thường tối hôm đó người ta đã làm cơm cúng mời ông bà, tổ tiên về ăn Tết với con cháu. Đến nửa đêm lại làm một mâm cúng giao thừa, rồi cho pháo nổ xua tan những tà ma, ác khí có thể xâm hại vào nhà. Nhưng có

không ít người cũng đến chùa dự lễ giao thừa cho long trọng hơn, nhất là ở hải ngoại, đời sống bận rộn ít có thì giờ sửa soạn Tết theo đúng lễ nghi tập tục cho gia đình, nên người ta đến chùa vừa được hưởng không khí đặc biệt ngày Tết, vừa vun trồng cội gốc tâm linh. Trong đêm khuya, để tâm hồn lắng đọng theo tiếng chuông mõ và những lời kinh, cảm thấy nhẹ nhàng như vừa trút được những gánh nặng tội chướng ưu phiền cho tan theo làn khói hương thanh tịnh. Dường như trong không khí thơm mùi trầm của chùa, người ta cảm nhận được một cái gì thiêng liêng trong giây phút giao hòa của trời và đất, của sự vận hành trong vũ trụ.

Gần đến giờ giao thừa, các Phật tử đã ngồi theo thứ tự nơi chánh điện. Sau ba hồi trống Bát Nhã, các tôn đức tăng ni bắt đầu tề tựu vào rồi an vị. Giờ giao thừa vừa điểm, một tràng pháo nổ rộn rã ngoài sân, và lễ Giao

thừa bắt đầu được cử hành. Sau khi dâng hương cúng Phật, tụng kinh cầu an cho các Phật tử và cho thế giới hòa bình, an lạc, có thể có một thời thuyết pháp và chúc Tết giữa Hòa thượng trụ trì với chư tôn đức tăng ni và Phật tử.

Không chỉ ở Việt Nam, mà các nước khác ở Á Châu như Nhật Bản, Trung Quốc cũng có phong tục đi lễ chùa trong ngày Tết. Ở Nhật Bản, đêm giao thừa dân chúng chen vai thích cánh đi vào những đền chùa cầu nguyện cho niềm mơ ước của một năm mới, trong hồi chuông trầm hùng đổ dồn 108 lần vào đúng lúc nửa đêm.

Ngoài ra, người Việt Nam cũng có thói quen hái lộc đầu xuân. Chùa là nơi chốn thanh tịnh, không chỉ ở trong điện thờ Phật, mà còn nơi khuôn viên, với cảnh sắc xanh tươi phối hợp hài hòa đầy ý nghĩa. Ngày Tết thỉnh một nhánh lá, một cành hoa về nhà, người ta tin tưởng được phúc lộc từ chùa đem về. Ngày nay để cây cối khỏi bị tổn thất, các chùa thường để sẵn bao lì xì và trái cây như cam, quýt cho Phật tử đến thỉnh về.

Ý NGHĨA PHẬT DI LẶC

Ngày mồng một Tết cũng có một ý nghĩa đặc biệt trong đạo Phật. Đó là ngày lễ vía Đức Phật Di Lặc. Vì thế mồng một Tết đến chùa lễ Phật, không chỉ cầu an cầu phước mà còn nên phát tâm nguyện nơi theo những hạnh nguyện của ngài để một ngày kia cũng được giác ngộ, xa lìa phiền não.

Trong kinh Phật, Di Lặc là vị Bồ Tát được Đức Phật thọ ký sẽ thành một vị Phật tương lai thị hiện nơi chốn Ta Bà để đem ánh sáng Phật đạo soi sáng, khi chúng





sanh đã đến thời sa đọa tới mức tận cùng và thế gian không còn ai biết đến Phật pháp. Nhưng thời điểm tương lai ấy cũng là điều cho chúng ta suy nghĩ. Nếu tâm Phật có sẵn trong tâm chúng sanh, thì Di Lặc có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Người Trung Hoa tin rằng ngài đã hóa thân thị hiện như một vị hòa thượng được gọi là Bồ Đại trong khoảng thế kỷ thứ 10 đời Ngũ đại, có hình tướng mập mạp, vui vẻ, luôn luôn đeo một bao bố trên lưng và hay chơi với trẻ con. Nhiều câu chuyện kỳ diệu đã xảy đến với vị hòa thượng này, và đến khi ngài thị tịch đã để lại một bài kệ nhận là Di Lặc. Vì vậy những tôn tượng của Di Lặc chúng ta thờ ngày nay đều làm theo hình ảnh của một vị sư mập mạp bụng phệ, có vẻ mặt tươi cười mặc dù có sáu đứa trẻ leo lên nghịch phá trên thân mình. Sáu đứa trẻ tượng trưng cho sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lúc nào cũng quấy nhiễu, lôi cuốn chúng ta theo những trần cảnh trước mắt. Nhưng Đức Phật Di Lặc vẫn vui vẻ tươi cười, an nhiên bất động vì ngài đã điều phục được sáu căn ấy, chuyển "lục tặc" chướng ngại thành "lục thông" thấu suốt vô ngại.

Trong tiếng Phạn, Di Lặc được gọi là Metteya, dịch ra tiếng Hán là Từ Thị, mang ý nghĩa tâm từ trong đó. Tâm từ là một trong "tứ vô lượng tâm", tức TỬ BI HỖ XẢ.

Từ là tình thương bao la tự nhiên, Bi là thông cảm và chia sẻ cái khổ của người, Hỷ là vui với cái vui của người, Xả là không chấp trước không nắm giữ. Bốn tâm này như giòng suối mát ngọt ngào làm trôi đi những chướng ngại, đau buồn, sân hận, đem lại sự an vui cho mọi người. Trong những ngày đầu năm người ta thường kiêng cử, giữ gìn lời ăn tiếng nói, tránh gây gỗ giận dữ, đó cũng là một cách để thực hành Tứ Vô Lượng Tâm. Nếu có thể thực hành được như vậy suốt trong năm, thì dù có không cầu Phật, phước cũng vẫn tự đến. Ngày lễ vía Đức Phật Di Lặc nhằm vào ngày đầu năm phải chăng đã nhắc nhở chúng ta noi theo hạnh của ngài thực hiện từ bi hỷ xả trong cuộc đời, như vậy mọi nghiệp chướng sẽ hóa giải, phiền não chuyển hóa thành Bồ Đề, tâm thân được an lạc, tràn đầy niềm hạnh phúc.

XUÂN TRONG Ý THIÊN

Vạn vật vô thường, thế giới đổi thay, vũ trụ và con người vận hành không ngừng trong từng sát na theo một vòng luân hồi vô thủy vô chung. Xuân đến, xuân đi, rồi xuân lại về. Không có mùa xuân nào là mùa xuân đầu tiên, cũng không có mùa xuân nào là mùa xuân cuối cùng. Trong cái sinh diệt không ngừng ấy, có một cái gì bất sinh bất diệt, một

mầm sống vẫn tiếp nối vô cùng vô tận. Mầm sống ấy tiềm tàng trong pháp giới bao la; trong thế giới này tất cả đều do nhân duyên khởi, và những gì theo duyên hợp mà thành cũng theo duyên hoại mà tan, nhưng ở nơi gốc rễ của những hợp tan ấy là một nền tảng không hoại diệt, không thay đổi, kiên cố thường hằng, mênh mông bao trùm khắp các nhân duyên sinh diệt. Mùa xuân tượng trưng cho sự sống tiềm tàng đầy năng lực. Nhận ra cái không sinh diệt nơi chính mình là thấy được bộ mặt thật của Chúa Xuân, và đó cũng là mùa xuân bất tận của Di Lặc, tràn đầy niềm vui và hi vọng trong tương lai.

Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, sơ tổ phái thiền Trúc Lâm Việt Nam, đã nhận diện được mùa xuân ấy, nên làm bài thơ như sau:

*Thở bé chưa từng biết sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trái vườn Thiên ngắm cánh hồng.*

Hoa nở rồi tàn, việc đến rồi đi, cuộc đời trôi qua như nước chảy mây bay, như giấc mộng thoáng qua, nhưng trong giấc mộng đời ấy thiên giả thấy cái thường ngay nơi cái vô thường, thấy cái không sinh diệt ngay nơi sinh diệt, nên ung dung tự tại trước sự sinh tử của chính mình. Thiền sư Mãn Giác trước khi thị tịch đã có mấy câu thơ rằng:

*Xuân đi trăm hoa tàn
Xuân đến trăm hoa nở
Việc trước mắt đi qua
Trên đầu già đến rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.*

Cành mai miên viễn nở mãi trong đất tâm vô biên, mặc cho mọi biến thiên tiếp nối trong dòng thời gian trôi chảy không ngừng. Mong rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ thấy được cành mai của mùa xuân bất tận ấy.

Xuân vọng

Vọng một mùa Xuân ngập sắc hoa,
Hương lành tỏa khắp dãy sơn hà.

Đồng quê bông lúa vườn thơm ngát,
Xương thợ tình thân kết đậm đà.
Tù ngục biến tan, đời thịnh lạc,
Học đường nở rộ, trẻ reo ca.

Hiếu & Thương về dựng mùa Xuân thắm,
Nắng ấm thanh bình quyện thiết tha!

MINH TRÍ - HỒ VĂN QUYỀN

Long Hoa Tam Hội nguyện tương phùng

Quá Khứ Kiếp Trang Nghiêm Vô Lượng Phật
Nói ngàn sau Chư Phật kiếp Nhân Hiền:
Nương Biển Từ vô lượng kiếp uyên nguyên,
Vãng Chúc Lụy sáng cung trời Đâu Suất.
Cười Từ-Niệm thương đời xoay Bát Thức,
Tâm bao dung xót chúng lụy Lục Căn,
Khi xoa đầu Lục Tặc quấy tung tăng,
Khi cười đẩy Tâm Vương về Tứ Trí.

Đức Thích Ca đã chọn truyền thọ ký
Thiên Nhơn Tôn Từ Thị mở Long Hoa,
Tám giọng Phạm-âm khai chuyển Pháp Tòà,
Ba Hội độ Thanh-Văn thiên ức chúng.
“Đại Đổ Năng Dung” bao dung tròn bụng,
“Từ Nhan vi tiểu” ban lạc dài cười
Trau Tâm, phụng Đạo, thương Đời,
“Lai sanh Ngã Pháp trung”, lời Đương Lai!

TÂM TÂN

Mưa thu

Mưa rơi trên lá thu vàng
Mang mang trong dạ lại càng thiết tha
Xa xa bóng dáng quê nhà
Quan san cách trở, hải hà mù khơi
Thương thay một cánh chim trời
vì đông di trú cho người băng khuâng
Giữa chùng một cuộc phù vân
Gặp nhau mấy chốc mới gần lại xa
Con tim nửa để lại nhà
Nửa mang theo với phù hoa quê người
Tình say trong một trận cười
Thế gian mộng huyễn cho đời si mê
Bao giờ hết nợ về quê
Giang sơn khai hội bốn bề anh em

Dư hương

Còn khôn tái lai thu
Hà có Quỳnh Hoa trụ?
Nguyệt viên lưu chi nữ
Đích thụ thiếu dư hương.

Công phu

Ùn lên mây trắng ngút trời
Toan đường lánh tục cất lời đạo ca
Gặp người mặt tợ tiên nga
Công phu rơi rụng mù sa hồng trần.

HIỀN NGUYỄN

Chùa nhỏ ven rừng

VĨNH HẢO

Những ngày cuối năm thật giá rét. Lá vàng như những cánh bướm chưa kịp đập cánh, đã phải tung bay rào rào theo những cơn gió bụi. Mưa lất phất đến rồi đi, để lại trên mặt đường những làn nước mỏng. Cây bạch đàn cao lớn phía sau nhà rung chuyển mạnh, tất cả nhánh lá cùng xuôi về một hướng, phần phật reo lên tựa hồ một cánh buồm trong gió. Hương bạch đàn phảng phất trong tiết lạnh mùa đông. Chợt nhớ những ngôi chùa ven rừng.

Những ngôi chùa ấy, ẩn dưới những tàng cây tràm, bạch đàn và khuyh diệp. Đây là những loại cây dễ trồng, phát triển rất nhanh nơi vùng đất đỏ và đất pha cát ở vùng đông nam bộ nên hầu như các chùa đều có. Từ một cây con trồng xuống, trong vòng ba năm, đã có thể cung cấp cành khô làm củi. Lá tươi có thể dùng để nấu nôi xông, còn lá khô cũng được gom để nhúm bếp thay củi. Cả một vùng mênh mông hầu như nhìn đâu cũng thấy chúng, cho nên mùi bạch đàn luôn quện trong không gian. Ngửi mùi bạch đàn hôm nay mà nhớ chùa xưa ở ven rừng là vậy.

Từ những năm đầu thập niên 1980, nhiều tăng ni từ các tỉnh thành, lập chí ẩn tu, hoặc dẫn thân hành đạo tại những nơi hoang dã, núi rừng, hoặc vùng kinh tế mới, vùng kinh tế tự túc; từ đó, những ngôi tịnh thất và chùa nhỏ được dựng lên. Đặc biệt Long Thành và Tân Thành là hai huyện tiếp giáp nhau, thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu, tập trung nhiều tăng ni và chùa chiền nhất, đến nỗi vùng đất này được xem như là đất lành, là "linh địa" của Phật giáo. Trong vòng 30 năm, hàng trăm ngôi chùa, thiền viện, Phật học viện và tịnh thất mới được thành lập. Các thiền

viện lớn và có tiếng như Thường Chiếu, Tịch Chiếu, Viên Chiếu, Linh Chiếu, Chơn Chiếu, Hiện Quang, Liễu Đức, Hương Hải, Bảo Hải, Tuệ Thông, An Lạc... cũng tọa lạc trong vùng "linh địa" này. Riêng trong khu vực Đại Tùng Lâm, ngoài ngôi đại tự Vạn Phật Quang còn có 5 ngôi tự viện lớn khác (thiền viện Huệ Chiếu, chùa Huệ Lâm I và II, thiền viện Phổ Chiếu, thiền viện Viên Thông) và trên 40 tịnh thất lớn nhỏ; trường Trung đẳng, Cao đẳng Phật học Đại Tùng Lâm và Ni viện Thiện Hòa cũng được mở dạy ở đây, đào tạo rất nhiều tăng ni sinh trong những năm qua.

Nhưng cảm giác nhớ chùa ở đây không phải là nhớ những ngôi chùa nguy nga tráng lệ, hoặc những ngôi chùa được ghi vào sách kỷ lục Phật giáo (với chánh điện lớn nhất nước, tượng Phật cao nhất nước, hoặc quả chuông lớn nhất nước, v.v...) mà chỉ đơn giản là nhớ những cảnh chùa tĩnh mịch nằm sâu ở ven rừng, cách xa quốc lộ, có gió rì

rào quanh năm, có mùi bạch đàn ngai ngái diu diu lan theo gió rừng, có khói lam từ bếp chùa vươn lên như muốn hòa sắc với nền tím của buổi hoàng hôn, và đầu đó trong vườn chùa có những chiếc võng mắc giữa những thân tràm rợp bóng. Nơi đó, có những tăng ni lặng lẽ học đạo, hành đạo và tiếp dẫn đàn hậu học; có những điệu tăng và những tiểu ni đêm ngày công phu bái sám, học kinh, chấp tác, nhanh chóng trưởng thành như cây rừng. Và nơi đó, có một ngôi chùa thật nhỏ, với diện tích rất eo hẹp, mang tên Bửu Lâm.

Hơn hai mươi năm trước, một sư cô từ miền trung về nam, chọn vùng đất hoang sơ u tịch trong khu vực Đại Tùng Lâm, cất một thảo am nhỏ để ẩn tu. Ngày ngày đạỵ bực tương rau, tự túc sống và tu tập trong hạnh thiếu dục tri túc nơi bìa rừng thanh vắng. Nhưng chỉ trong vòng vài năm, đạo hạnh của sư cô cũng dần lan tỏa như hương rừng theo gió, gieo duyên lành



đến một số phật-tử gần xa, để rồi theo nhu cầu tu học của đồ chúng, sư cô đã tiếp nhận sự cầu pháp của một số người trẻ xuất gia, tạo thành một Ni chúng ngày một đông hơn, từ đó thảo am sơ sai được chuyển mình thành chùa Bửu Lâm.

Chánh điện chùa Bửu Lâm được xây bằng gạch ngói, nhưng với tài chánh eo hẹp và do vì đất của thảo am ngay từ khởi thủy vốn rất khiêm tốn, nên không thể xây lớn. Diện tích chung cho cả ngôi chánh điện chỉ có 42 mét vuông (6m x 7m), trừ phần hành lang bao quanh, điện Phật chỉ còn 15 mét vuông (3m x 5m), nhỏ như một cái am. Chính vì quá hẹp như vậy, bên trong chỉ thờ duy nhất tôn tượng đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni; mỗi khi có đại lễ hoặc bố-tát, sám hối, Ni chúng không thể tập trung tất cả vào điện Phật mà một số phải lễ bái ngoài hành lang; và dĩ nhiên phật-tử phải đứng ngoài trời.

Chánh điện nhỏ hẹp ấy trải qua gần 20 năm, cũng đã hư hoại nhiều. Khi mưa xuống, mái bị dột, phải dùng thau chậu mà hứng nước. Những lúc gió lớn, mưa tạt từ bên ngoài vào cả chánh điện, không chỗ nào mà không ướt.

Vì đất chùa và chánh điện đều nhỏ hẹp, nơi cư trú và các sinh hoạt lễ tụng, thọ trai, học hành, giảng thuyết... của Ni chúng và phật-tử đến chùa đều bị giới hạn. Vào những dịp lễ lớn, phật-tử không có chỗ để ngồi nghỉ chân và thọ trai, chùa phải trưng dụng hai chòi tranh trong vườn chùa để cung ứng, vì trai đường chỉ vừa đủ dung chứa Ni chúng.

Chùa nhỏ, đất hẹp như vậy mà Ni chúng ở đây đã có những lúc tập trung đến 50 vị, tạo thành một đạo tràng trang nghiêm, nề nếp. Đó cũng nhờ phẩm đức và chí nguyện hoằng pháp kiên trì suốt hơn 20 năm qua của sư cô trụ trì, nay đã là Ni sư, với đạo hiệu Thích Nữ Như Ý.

Trong số 50 đệ tử xuất gia tu học tại chùa Bửu Lâm, hiện có 9 sư cô theo học tại Vạn Hạnh (Học Viện Phật Giáo TP. HCM), 1 sư cô du học Ấn Độ, 1 sư cô đang học tại Học Viện Phật Giáo Huế, 8 sư cô được phân bổ hoằng pháp tại các địa phương khác, và khoảng 30 sư cô (bao gồm tỳ-kheo ni, thức-xoa ma-na và các sa-di ni) đang thường trú tại chùa.

Để nuôi dưỡng hàng mấy chục đệ tử xuất gia



Đan len gậy quỳ cho chùa cũng là một thực tập thiền định



Chòi tranh để chư ni ngồi học hàng ngày, khách thập phương nghỉ chân uống nước trong những ngày lễ lớn

trẻ tuổi trong bao năm qua, Ni sư trụ trì đã hy sinh hầu như trọn thời gian của mình để sắp xếp, hướng dẫn, điều hành mọi sinh hoạt của chùa, và đặc biệt là một chương trình tự túc kinh tế lâu dài, không những để chăm nom cơm ăn áo mặc (dù đạm bạc thô sơ của người xuất gia) cho Ni chúng, mà còn phải lo cho việc học hành của đệ tử ở các trường gần-xa, từ tiểu học đến đại học. Đây quả là một kỳ tích mà không ai tưởng được là một ngôi chùa nhỏ đất hẹp, cách xa thị thành, lại có thể thực hiện nổi.

Kinh tế tự túc của chùa dựa vào hai việc chính: làm bánh (bánh ít, bánh lọc, bánh chưng, bánh tét, v.v...) và đan len. Hàng ngày có giờ chấp tác nhất định, thầy-trò quây quần gói bánh, nấu bánh, nơi trai đường hoặc ở chòi tranh; có khi trong không khí ấm cúng nơi phòng khách hoặc ni xá, thầy-trò bên nhau, cùng đan len, kể nghe những câu chuyện thiền ý vị.

Nhưng chánh điện cũ của chùa, mái đã hư dột, tường vách rạn nứt, và cũng không đủ sức dung chứa cho lượng Ni chúng lẫn phật-tử sinh hoạt lễ bái hàng ngày. Vì vậy, từ ý nghĩa hoằng pháp cho đến thực tế cơ sở vật chất, chánh điện Chùa Bửu Lâm thực sự là cần phải mở rộng, phát triển. Nhu cầu hiện nay là xây ngôi bảo điện mới hai tầng, tầng trên làm chánh điện thờ Phật, tầng dưới làm trai đường, cũng là hội trường để thuyết giảng. Ni sư trụ trì không mong cầu xây cất một ngôi bảo điện lớn đẹp nguy nga mà chỉ mong sao mỗi khi hành lễ, không một sư cô hay tiểu ni nào phải bị đứng ở ngoài hành lang, nhất là những khi mưa to gió rét; và khi phật-tử tề tựu đông đảo ở chùa trong các dịp đại lễ, ít nhất cũng có nơi chốn cho họ được ngồi nghỉ chân, dùng cơm chay dưới mái chùa ấm cúng. Đây là ước nguyện từ lâu của Ni chúng và bổn đạo chùa Bửu Lâm, nay đã đến lúc cần phải thực hiện, dù sẽ gặp muôn vàn khó khăn.

Ngôi chánh điện và hội trường tương lai, theo Ni sư cho biết, sẽ có diện tích (tính luôn hành lang) là 187 mét vuông (với cạnh 11m x 17m). Tất nhiên với



Thầy-trò "đồng sự" gói bánh, tự túc kinh tế, nuôi chúng tu học



phương thức tự túc kinh tế của chùa như lâu nay, việc xây cất ngôi chánh điện mới này là cả một công trình lớn, vượt ngoài khả năng tài chánh của chùa. Nhưng theo nhu cầu thực tế mà nói, đây không phải là ước nguyện gì xa xỉ, quá đáng. Chùa Bửu Lâm, trong thời gian qua, đã có những đóng góp thật lặng lẽ nhưng xứng đáng trong việc hoằng pháp và giáo dục, đối với phật-tử địa phương, và đặc biệt là đối với Ni chúng hữu duyên nơi đây.

Một đạo tràng trang nghiêm đủ sức dung chứa Ni chúng và phật-tử trong những khóa lễ và sinh hoạt tu học hàng ngày. Đây là ước nguyện chân thành và chính đáng mà ai cũng có thể chia sẻ, cảm nhận được. Kính mong sự gia tâm hộ trì và yểm trợ tài chánh của bạn đạo khắp nơi.

Câu chuyện của chùa Bửu Lâm là như thế: chùa nhỏ, đất hẹp mà chứa cả một khung trời đại nguyện. Đại nguyện của một hành giả từ ý chí ẩn tu chuyển thành dẫn thân tiếp chúng độ người; từ một chòi tranh để sống thanh bần an vui với cảnh u nhàn tịch tĩnh, phải vì phương tiện độ sinh mà ứng hiện thành ngôi đạo tràng mở rộng cánh tam quan.

Có thể xem đây là câu chuyện của mùa đông tôi kể quý vị nghe nhân dịp xuân về.

Mùa đông, khi những cơn gió lạnh buốt thổi

qua những hàng cây khô, những cây trà và bạch đàn lá vẫn xanh, vẫn kiên trì đứng đó, tỏa hương theo gió. Có những ni cô trẻ rời xa gia đình, học hạnh xuất trần, ngồi gói từng chiếc bánh, gói theo cả tấm lòng và niềm hy vọng một mùa xuân an lạc cho nhân sinh. Có vị ni sư đã từng một thời ẩn tích mai danh, nay ngồi xuống cùng các đệ tử, lặng lẽ đan những phẩm vật bằng len, gửi vào đời hơi ấm của lòng từ bi và ước nguyện an cư lạc nghiệp của muôn nhà.

California cuối năm 2011.

Vĩnh Hào

---oOo---

Chùa Bửu Lâm đã được cấp giấy phép xây dựng số 54/GPXD ngày 06 tháng 7 năm 2011; và sẽ chính thức cử hành lễ đặt viên đá đầu tiên khởi công xây dựng vào ngày 12 tháng 02 âm lịch năm Nhâm Thìn (nhằm ngày Chủ nhật 04 tháng 3 năm 2012).

Mọi sự ủng hộ xin gửi về:

NI SƯ THÍCH NỮ NHƯ Ý
CHÙA BỬU LÂM
Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại Chùa: **(0643) 894164**

Điện thoại di động: **0932033740**



Hình lưu niệm Ni chúng chùa Bửu Lâm



Anh lửa vườn đêm

LAM KHÊ

Trời tối mịt. Mưa rả rích. Mưa giăng giăng kín lối. Con đường tắt dẫn qua các khu vườn lầy lội ngập nước. Không nhìn thấy gì, thầy ngược lên trời dõi tìm một ánh sao đêm. Có tiếng xe lửa xập xình từ xa. Từng đóm sáng vụt qua nhanh trong đêm vắng. Không gian thoáng dậy mùi hương hoa cài nồng nàn, quen thuộc.

Đêm tối. Đường về chùa không còn xa, nhưng bước chân thầy đã thấm mỏi. Đôi dép cao su lấm bùn lê từng bước dài nặng trĩu, rồi dừng lại bên ngoài một chái hiên. Ánh sáng hắt ra từ bóng đèn dầu tim nhỏ, soi tỏ dáng thấp bé của bà lão đang lui cui dọn dẹp. Thầy cất tiếng hỏi sau một hồi ho khan buốt lạnh:

- Khuya rồi. Sao bà Tư chưa ngủ?

- À! Thầy mới về. Tôi che lại mấy vại dưa. Hồi chiều thằng Bính lấy một ít đem sang chùa. Sợ nó đây không kín. Mái hiên này hễ trời mưa là dột hết. Tụi nhỏ chưa lợp lại được. Chắc phải đợi qua hết vụ rau.

- Vài hôm nữa, thầy sẽ sang lợp lại cho bà...

- Thôi... thôi- Bà Tư lắc đầu phản đối- Nhà này con cháu đông lắm, để chúng làm thầy ạ. Thầy làm vậy là tụi nó tổn phước chết. Thầy còn bao nhiêu công việc.

- Công việc nào có lợi cho bà con thì làm. Khi chùa có việc, cả xóm cùng đến lo liệu mà. Vả lại, đang vụ gieo trồng. Ai cũng bận.

- Ôi! Ba chuyện này tụi nhỏ rồi lúc nào làm lúc nấy. Gấp gáp gì đâu thầy. Hồi nãy nghe thầy ho. Để tui đưa thầy củ gừng về chùa bào thẳng Bính đâm nhỏ ra rồi chế nước sôi uống. Thầy về tối quá, lại gặp trời mưa. Rủi bị cảm lạnh thì khổ.

- Được rồi, Bà Tư. Chùa có sẵn gừng. Mưa cũng tạnh. Thầy về chùa tắm nước nóng, uống tách

trà gừng là khỏi ngay. Bà Tư đi ngủ sớm cho khỏe. Mà Bính không ngủ với bà sao?

- Nó bảo thích ngủ trên chùa hơn. Tối yên tĩnh học bài. Khuya lúc thầy công phu nó cũng trở dậy học. Chứ ở nhà nó nướng tới sáng bết. Lâu nay tui ở một mình, ngủ một mình quen rồi. Giờ này mà vào mùng cũng không ngủ được. Tuổi già mà...

Thầy chào bà Tư rồi đi nhanh về chùa. Bà lão sống một mình trong căn nhà thờ họ rộng lớn. Con cháu cũng ở quanh quẩn. Bà lão đã hơn tám mươi, lưng cong hẳn xuống, mà dáng đi vẫn nhanh nhẹn mạnh khỏe. Từ ngày có thầy về, bà vui lắm: - Lâu rồi thầy ạ! Chùa có đó mà không có sư. Chờ đợi mãi. Có thầy về... tui tui chẳng khác nào như cây khô lâu năm, gặp trận mưa rào tưới tắm.

... Bính chong đèn ngồi học bài trên nhà giảng. Thấy thầy về, cậu bé vội đứng lên:- Con vừa hâm cơm và thức ăn. Trên bếp có ấm nước nóng...

Thầy cởi áo ngoài ra, rũ nước mưa:- Thật làm phiền con quá! Thầy dùng cơm ở nhà đã rồi. Thôi để mâm cơm đó làm điểm tâm buổi sớm mai. Bấy giờ thầy đi tắm cái đã. Con học bài xong, nhớ đóng cửa tắt đèn rồi đi ngủ.

Bính rót một tách trà đưa cho thầy:- Con pha trà nóng với gừng, thầy dùng cho giải cảm.

Thầy cười:- Thầy có cảm mạo gì đâu. Nhưng trời lạnh uống trà gừng cũng ấm bụng.

Khuya. Trời lại đổ mưa. Sau thời công phu, thầy bước ra hiên tập vài động tác thư giãn. Giờ này, người trong xóm đã trở dậy. Mọi người tắt bật sửa soạn chở rau lên chợ huyện cho kịp. Những bó rau cắt tia bó sẵn từ chập tối. Cơn mưa cuối mùa kéo dài làm hư hại hết những khu

vườn rau cải. Mấy ngọn đèn dầu trong xóm chập chờn chao liệng trong mưa. Mưa cuối mùa, dai dẳng, thấm lâu.

Ngọn đèn pin quét sáng đoạn đường ranh bên hông chùa. Thầy nhìn theo chiếc xe thô rau vừa đi qua, cất tiếng hỏi:- Chà! Trời mưa gió thế này mang rau ra chợ bán được không chú Sáu?

Tiếng xe dừng lại cùng giọng nói với qua hàng rào dâm bụt: - Bán được đồng nào hay đồng đó thầy ơi. Rau tới lúa, để ở nhà trời mưa gió cũng hư bỏ hết. Mà thầy dậy sớm vậy?

- Ừ! Công phu khuya xong là thầy thức luôn.

Tiếng xe cọt kẹt xa dần. Trời chưa sáng tỏ. Thầy đưa tay xoa xoa mặt cho bớt lạnh rồi đi xuống bếp. Bính đang nhúm lửa. Anh lửa bập bùng soi tỏ gương mặt cậu bé đang lớn.

- Làm gì nhúm bếp sớm vậy con ?

- Dạ con nấu nước châm bình thủy để thầy pha trà... Chỗc nữa lại hâm cơm.

- Chừng nào thầy uống sẽ tự



nấu được mà. Con lo học bài đi. Sắp thi cử rồi.

- Con vừa học bài vừa nấu nước, cũng đâu mất thời gian lắm, thưa thầy.

- À! Thầy vừa thấy ba con đẩy xe rau đi ngang qua chùa. Tội nghiệp ông già. Trời mưa gió cũng phải đi bỏ rau, thật vất vả quá. Chị Hai con làm công nhân, lương có khá không?

- Dạ! Mỗi tháng chị cũng gửi về phụ ba má lo cho các em ăn học...

- Thôi con học bài đi, để thầy coi cho. Ráng thi cho đậu. Nếu vào Sài Gòn, thầy sẽ gửi con vào chùa sư phụ thầy. Có chỗ ở yên ổn, khỏi lo tiền ăn ở...

- Chị Hai làm ở Sài Gòn. Con sẽ ở chung với chị... Chứ ở chùa con thấy ngại lắm.

- Ngại gì con. Chị con làm công nhân cũng ở nhà mượn. Chùa sư phụ thầy xưa nay có tâm nguyện giúp đỡ sinh viên nghèo hiếu học. Hiện có mấy cậu nhỏ đang trọ học.

Đun thêm vài que củi vào bếp lửa đang cháy bùng, thầy đội nón lá rồi cầm chiếc đèn bảo đi ra thăm vườn. Khu vườn chùa chỉ là khoảnh đất nhỏ nhưng thầy cũng trồng đủ các loại rau cùng vài cây ăn quả. Thấy thầy chăm chăm bón bón mấy luống cải, người trong xóm đi ngang ai cũng nói:

- Thầy trồng làm chi cho cực. Thích ăn rau cải gì, nói là tụi con nhổ mang sang ngay. Nhà nào cũng trồng rau... cúng dường thầy cho có phước.

Thầy cười:- Tại thầy thích lao động cho mạnh tay mạnh chân đôi chút... Hơn nữa để đất trống cũng uổng. Trồng để có không gian xanh... lại thú vị được nhìn ngắm thành quả lao động của mình. Và cũng tiện. Muốn ăn rau gì, ra vườn là có ngay.

Thầy từng là người làm vườn khi tuổi còn thơ bé. Nhưng tuổi thơ chỉ thích hiếu động, ưa rong chơi, hái hoa bắt bướm, dầm cả lên mấy luống cải mẹ vừa gieo hạt. Lúc ra vườn, nhìn những dấu chân nhỏ xíu, mẹ gọi đứa con trai đến rồi nhẹ nhàng nói: " Những hạt cải đang nảy mầm trong lòng đất. Những con bướm vàng thoát

sinh từ hoa cỏ. Tất cả mọi sinh vật đều có sự sống tự nhiên và chúng ta không có quyền hủy diệt chúng, dù là vô ý vui chơi"

Năm tháng sống đời xuất gia, thầy nỗ lực chuyên tu học tập với mong muốn được dự vào đoàn giảng sư thành phố. Rồi một lần, theo sư phụ đưa đám một người quen về đây... Một vùng đất mới, cư dân chuyên nghề trồng rau cải. Thầy thích thú như bắt gặp một miền tuổi thơ xa lắc. Thầy dạo qua khắp nơi, sẵn tay áo cùng mọi người làm vườn. Tưởng chỉ vui chơi dăm bữa. Chẳng ai ngờ có ngày thầy trở lại...

Ngôi chùa tọa lạc nơi cuối xóm, từ khi Thượng Tọa trụ trì viên tịch thì cổng trước ngõ sau luôn đóng kín. Lau sậy mọc lan từ ngoài đến tận trong sân. Chim chóc kéo về làm tổ trên những tán cây, mái ngói, hót vang cả ngày. Đêm đến lũ mèo hoang tụ tập rên rĩ gầm gừ rượt đuổi y như ở bãi tha ma. Không biết các vị bồ lão trong làng đưa sư phụ đi tham quan chùa nói những gì, khi trở về, Người liền nhóm họp chư huynh đệ lại:

- Phật tử ngoài ấy... Họ thỉnh cầu tha thiết quá và sư phụ cũng đã nhận lời hứa khả. Sư phụ chẳng biết tính sao hơn là mong muốn thiện ý hỗ trợ của các ông. Thôi thì vậy... Huynh đệ mỗi người thay nhau ra đó

làm Phật sự nửa năm. Vừa trông coi Bốn Tự, vừa gieo duyên giáo hóa dân làng. Đời sau này gặp người hữu duyên thì giao lại. Các ông thấy thế nào?

Mấy huynh đệ im lặng, như thể đang bận suy nghĩ điều gì lung lắm. Sư phụ quay nhìn khắp lượt, rồi dừng lại nơi thầy. Người hăng giọng ồn tồn:

- Ông đã học xong các chương trình Phật Học, đang lúc rảnh rỗi. Vậy thì ra đó trước một thời gian xem sao. Vừa tịnh dưỡng yên tu vừa trợ duyên hóa đạo cho người...

Thầy hoan hỷ vâng lời sư phụ. Nửa năm, thời gian cũng qua nhanh. Nhưng từng ngày, từng tháng trôi qua. Vậy mà đã ba năm. Mấy lượt thầy quay về, rồi lại khẩn gúi trở ra. Những huynh đệ, người còn bận học lo thi... Người vừa xong chương trình này, lại đăng ký khóa học khác... Ai cũng có lý do chính đáng để thoái thác. Thầy cũng định bỏ mặc. Nhưng thầy không thể. Thầy không thể đánh mất niềm tin cùng sự kỳ vọng của bao người. Và thế là thầy ở lại, yên lòng làm một ông Tử sớm tối lo tụng kinh niệm Phật. Những trang giáo án, thầy soạn với dự định khi về sẽ thưa sư phụ đi giảng dạy các nơi, còn nằm yên bên góc kệ. Ở một nơi im vắng như thế này, thầy cảm nhận như ngày dài hơn và đêm cũng sâu hơn. Ngày ngày





thầy chăm chút làm vườn. Đêm đêm, chìm vào giấc ngủ thầy lại nằm mơ thấy mình trở về bên mẹ... Trở về bên khu vườn của mẹ. Của một thời tuổi thơ. Mẹ không còn. Khu vườn cải hoa vàng lâu rồi chẳng còn ai tới lui chăm sóc.

“Y báo chánh báo mỗi người mỗi khác. Nhưng ở đâu cũng là Phật là chùa. Phật đã bỏ xứ ông về nơi chúng sanh cần. Ông nên tùy cảnh tùy duyên làm Phật sự...” Lời sư phụ dạy, thoát tiên làm thầy cảm thấy khó lòng thích ứng ngay được với hoàn cảnh. Một cảnh chùa quê vắng lặng, nhịp sống đơn điệu tẻ nhạt mà thầy còn biết bao ước vọng lớn lao khác. Bao đêm, thầy ngồi bên khung cửa sổ, dõi theo tiếng còi tàu xa khuất ngoài kia. Tâm trạng của người ngóng chờ đoàn tàu cuối ngày chạy qua... như chờ đợi âm vang của ngày cũ vọng về. Tiếng còi tàu đi qua. Từng đóm lửa trong khu vườn đêm lịm tắt. Thầy vẫn ngồi yên. Lắng nghe tiếng tích tắc của dòng thời gian đang khua động sự sống. Đêm tàn. Rồi ngày đến. Bình minh lại tỏa sáng nơi phía chân trời.

* * *

Ánh nắng chiều xuyên qua cửa sổ làm thầy thức giấc. Bước ra

sân, thầy ngạc nhiên nhận ra cây cỏ trong vườn dịu dàng lan tỏa một sắc xuân. Mấy giồng cải ươm xanh nõn mượt mà. Những bụi hoa sứ bị trốc gốc hôm trước, nay đã bắt đầu đâm cành kết nụ. Một năm đầy mưa bão. Mưa tạnh. Nước cũng rút nhanh. Mọi người lại bắt tay vào công việc cho kịp thời vụ. Các ngã đường về thôn xóm trải nhựa, tiếng xe máy nhộn nhàng, tiếng người cười nói rộn ràng tất bật. Màu xanh lan tỏa. Màu xanh của sự bình dị, trong lành, miên viễn.

Mấy chú tiểu đang bắt giàn cho dây mướp leo nơi cuối khu vườn. Bính cũng có mặt. Cậu sinh viên năm cuối vừa trở về thăm nhà. Vẫn mang màu da đen sạm và nhanh nhẹn, Bính cuốn hút mọi người vào công việc bởi sự nhiệt tình năng nổ. Bính ngồi khuất bên đồng cây chà, cậu giật mình ngẩng lên khi nghe tiếng thầy :

- Con mới về hả Bính?

Bính đứng lên chấp tay thưa:
- Bạch thầy! Con về mấy hôm rồi.

- Một năm chỉ có mấy ngày về quê, con không ở nhà lo phụ với ba. Sau mùa mưa bão, công việc thật bề bộn. Còn chuyện chùa thì cứ thủng thẳng... Thầy vừa chấm bài thi lớp Phật học trên Tỉnh xong. Định ngày mai bắt tay thu dọn vườn tược.

Không ngờ các con giỏi thật...

Bính nhỏ nhẹ thưa:- Dạ... Vườn bên nhà con gieo hạt xong rồi, kịp mùa bán Tết. Thầy lo việc Phật sự nhiều nơi, mấy chú thì bận học. Chỉ vào dịp này con mới đến chùa làm công quả... gọi là đền trả chút ân đức của thầy...

Thầy cười lớn:

- Chà! Chàng kỹ sư tương lai cũng biết ăn nói văn vẻ dữ há! Mà này, Sư ông có khỏe không con? Qua năm, thầy dẫn mấy chú về đánh lễ sư phụ, luôn tiện gửi gắm mấy cậu học sinh dự thi năm tới.

Bính ngồi xuống kể lại chuyện trợ học cho thầy nghe. Chùa sư ông tọa lạc nơi vùng ven, nên vắng vẻ yên tĩnh. Sau chùa có đường xe lửa chạy qua. Mỗi ngày ngồi học bài, Bính và đám sinh viên thường dõi theo mỗi chuyến tàu ngược xuôi nam bắc. Bính thấy làng quê mình trên mỗi toa tàu, trên từng khuôn mặt người hiện qua ô cửa nhỏ. Làng quê nghèo khó dưỡng nuôi những người con xa xứ đi tìm ước vọng tương lai. Và tiếng chuông chùa nơi miền đất phương nam ấm trải tình người đã hun đúc nên bao niềm tin chí hướng vẹn toàn.

- Năm tới ra trường rồi? Con dự định về quê, hay ở lại thành phố tìm cơ hội tiến thân như bao người khác.

- Con sẽ trở về quê - Bính nói quả quyết - Con học Nông lâm là để về cống hiến cho quê hương với khả năng có thể. Từ khi còn ở nhà, con đã học được lòng vị tha trang trải của thầy. Sư ông và quý thầy luôn nói như vậy. Thầy đã từ bỏ bao ước mơ nơi phố thị, sẵn sàng đi đến những nơi xa xôi vì chúng sanh, vì mọi người...

Thầy cười nhẹ, lắc đầu:- Thầy cũng chỉ làm theo bổn phận và khả năng thôi, con ạ.

Trời tối dần. Hai thầy trò còn mãi mê nói chuyện. Đèn bên đường tỏ sáng. Vài đóm lửa trong khu vườn đêm cũng bùng lên những sắc màu lung linh kỳ ảo. Mùa xuân đang trở về.

Lam Khê

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY:

CHẢ CHỪNG

Vật Liệu:

1. 1 cup kim châm khô
2. 2 miếng tàu hũ
3. 2 bó bún tàu (miến)
4. 2 miếng tàu hũ ky tươi (hay tàu hũ ky khô)
5. 1/2 cup nấm mèo
6. Tsp nước tương
7. Tsp đường
8. 1/4 Tsp tiêu xay
9. 1 cup nước lã



Cách Làm:

Ngâm bún tàu, nấm mèo, tàu hũ ky và kim châm trong nước ấm. Nếu dùng tàu hũ ky khô thì nên ngâm trong nước sôi. Tàu hũ miếng để ra rổ cho ráo nước. Thái nấm mèo và tàu hũ ky thành sợi nhỏ. Bún tàu cắt ra từng khúc khoảng 3 lóng tay. Kim châm có thể lấy nhụy ra hoặc để ăn cũng được. Tàu hũ bóp nhuyễn. Bỏ tất cả các thứ vào một tô lớn, nêm vào nước tương, đường, tiêu xay, và nước lã. Trộn tất cả cho đều và để vào lò hấp cách thủy khoảng nửa tiếng, hoặc đập tô lại bằng giấy kính nylon và nấu trong microwave độ 15 phút là sẽ có một tô chả chưng chay cho gia đình ăn thật là ngon miệng.



Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org